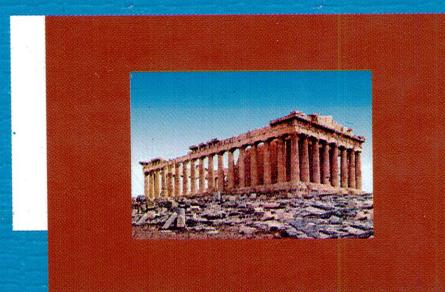
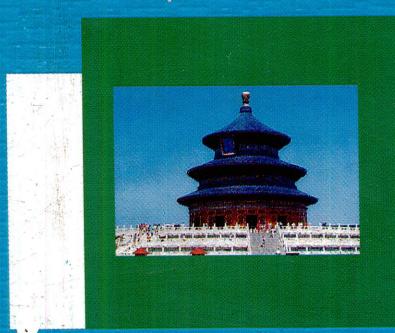
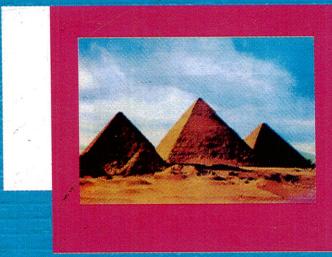


TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
KTS. TS. TRẦN TRỌNG CHI

LUỢC SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

QUYỂN 1



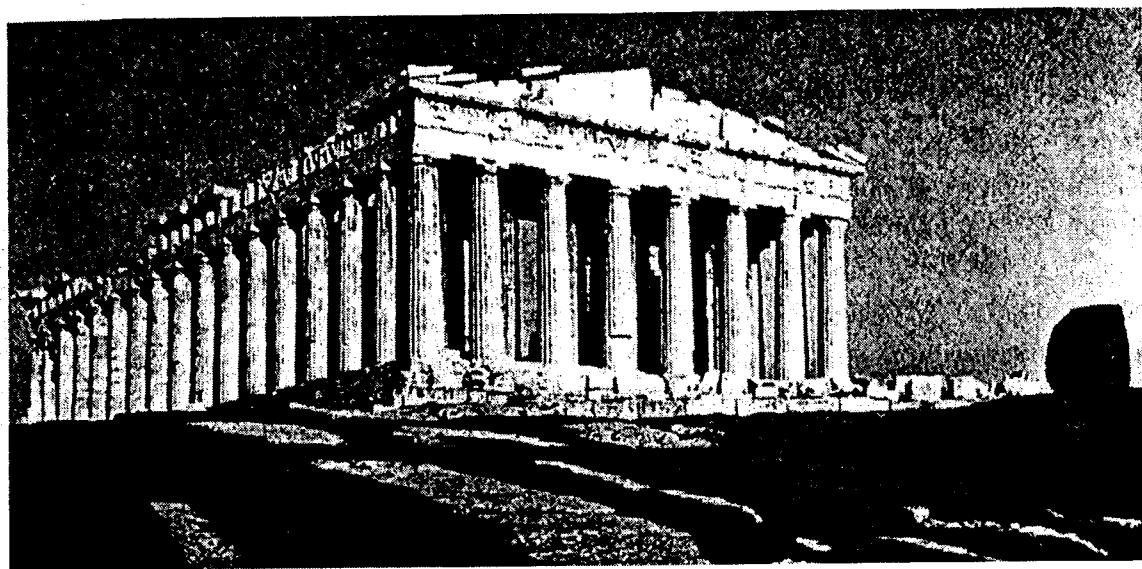
NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
KTS. TS. TRẦN TRỌNG CHI

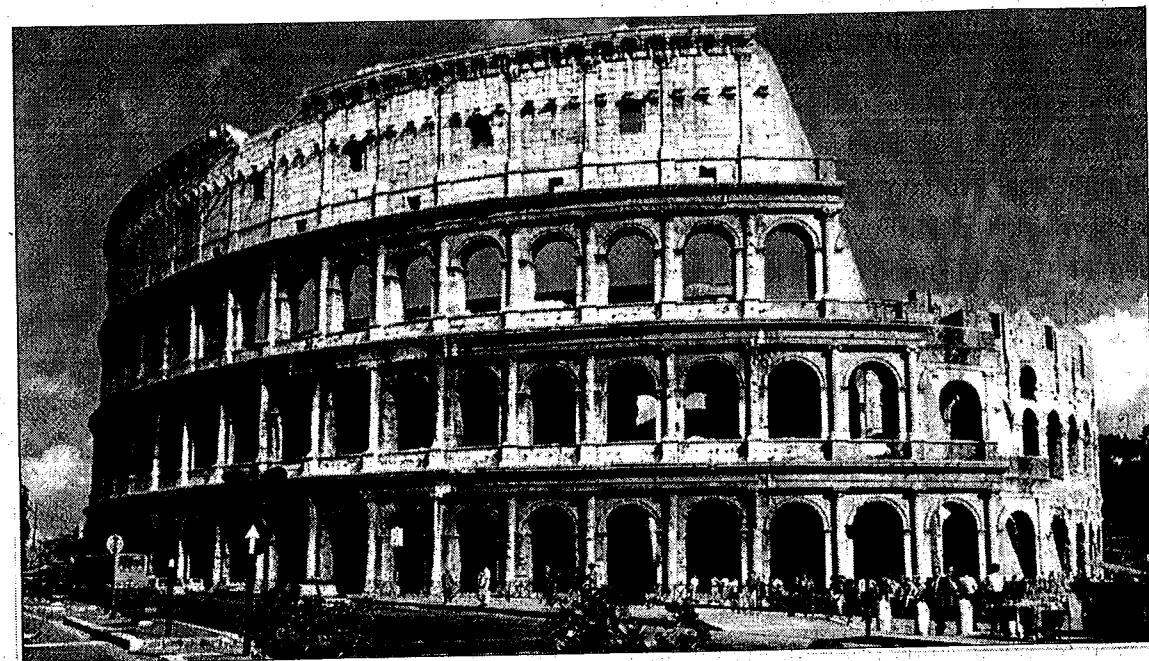
LƯỢC SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

QUYỂN 1

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2003



3. Đền Páctenông (Hy Lạp)

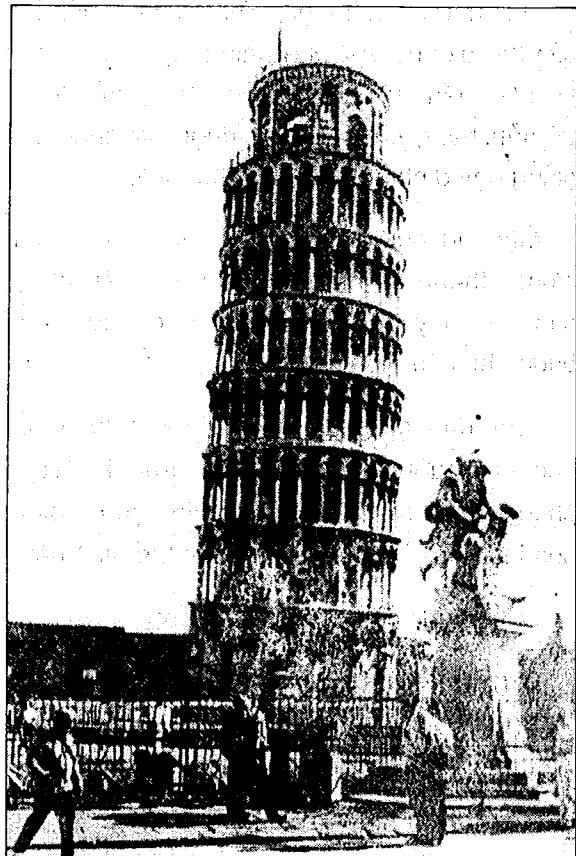


4. Đấu trường Côlidê - La Mã

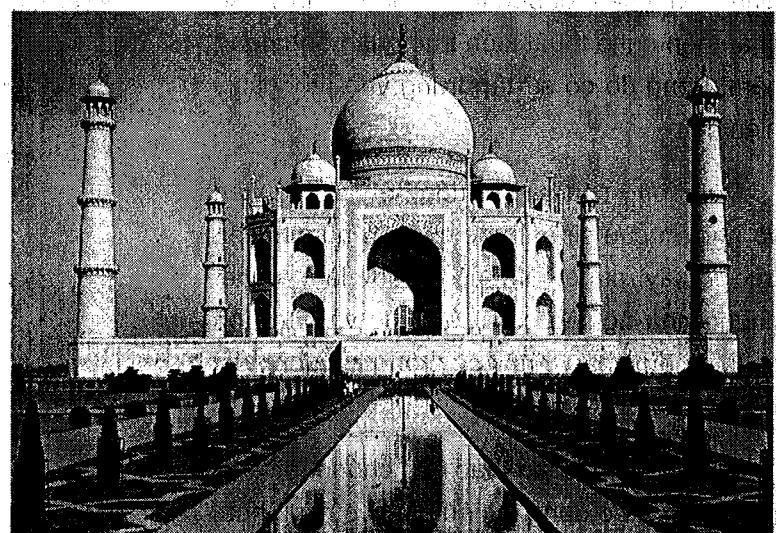
ở Italia, cửa Nhà thờ Đức bà Pari hay Cung điện Vecxay nước Pháp từng in dấu bao lìa du khách tới châu Âu, thì những Lăng Tagiô Mahan (hình 6) hay các Stupa ở Ấn Độ, Thiên đàm hay Vạn lý trường thành ở Trung Hoa (hình 7), những Borôbudua ở Indônêxia (hình 8) hay Ăngco ở Campuchia (hình 9), Teotihuacan ở Mêhicô (hình 10) v.v... vẫn còn đang thu hút hàng vạn lượt người tới châu Á, châu Phi, châu Mỹ.

Cuốn sử xanh kiến trúc đã được nhân loại viết tiếp một cách đầy năng động trong mấy chục năm qua và chắc chắn sẽ còn được nối dài với nhiều hình thức phong phú đa dạng hơn nữa trong tương lai.

Thành quả to lớn và ý nghĩa sâu xa của nghệ thuật kiến trúc khiến nhiều người trong chúng ta, nhất là những người đang làm và sẽ làm các công việc sáng tạo có liên quan đến kiến trúc, không thể không quan tâm đến lịch sử phát triển của nghệ thuật này.



5. Tháp nghiêng Piza (Italia)



6. Lăng Tagiô Mahan - Ấn Độ

Đã từ trăm năm nay, nhiều nhà nghiên cứu thế giới đã viết khá nhiều sách về đề tài Lịch sử Kiến trúc với hàng vạn trang in, được tái bản hàng chục lần và được sử dụng để giảng dạy ở nhiều nước trên thế giới.

Mặc dù còn xa mới đầy đủ, song khối lượng thông tin mà chúng tôi sưu tập được cho đến nay đã có thể đáp ứng được một bước nhu cầu tham khảo.

Trên đường nghiên cứu và giảng dạy môn học tại Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, chúng tôi có dịp hệ thống các tư liệu để biên soạn ra cuốn "Lược sử Kiến trúc thế giới" này.

Sách được chia thành 2 quyển:

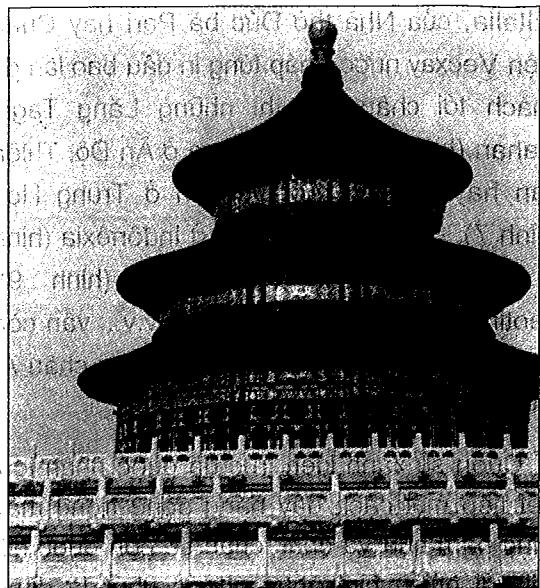
Quyển 1: Kiến trúc thế giới cổ đại và trung đại.

Quyển 2: Kiến trúc thế giới cận - hiện đại và đương đại.

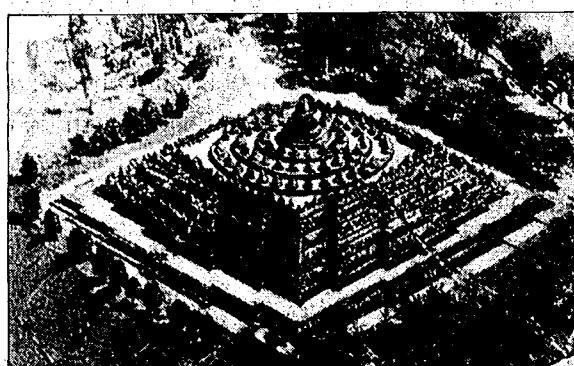
Mục tiêu của sách là phác họa những mốc đỉnh điểm của một bức tranh toàn cảnh về sự phát triển nghệ thuật kiến trúc qua hàng ngàn năm, trong đó có sự tập trung vào thời cận - hiện đại.

Đối tượng của sách trước hết là sinh viên và nghiên cứu sinh thuộc chuyên ngành kiến trúc - xây dựng. Những người làm nghề, những nhà nghiên cứu kiến trúc và văn hóa có thể tham khảo ở đây số thông tin tương đối tập trung và có hệ thống.

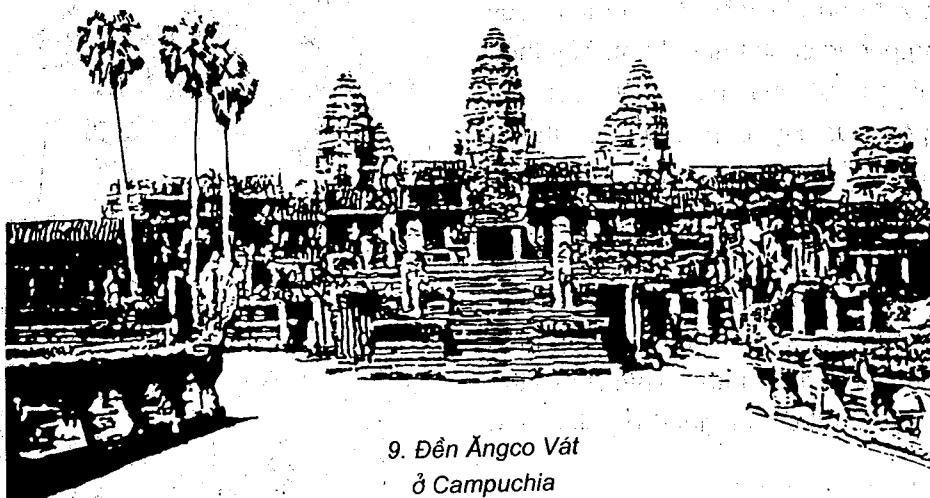
Phương thức soạn thảo của chúng tôi là lời ngắn gọn, ý cô đọng, nhiều hình vẽ minh họa.



7. Thiên Đàn ở Bắc Kinh - Trung Quốc



8. Bôrôbudua ở Indônêxia

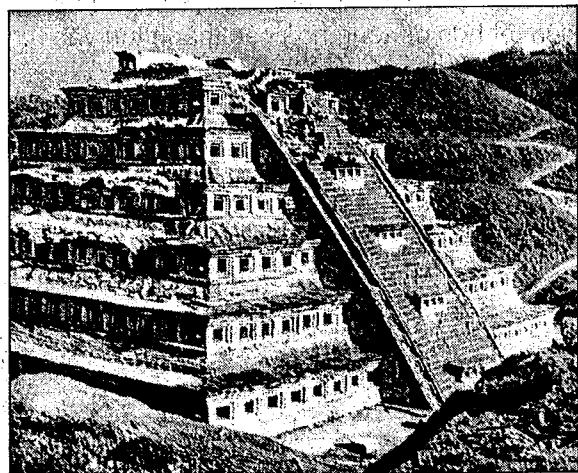


9. Đền Ăngco Vát
ở Campuchia

Phản hình bao gồm các ảnh chụp, các bản vẽ ghi hiện trạng cũng như các hình phóng tác, được trình bày xen kẽ một cách linh hoạt nhằm giúp cho sự tiếp thu của người đọc được dễ dàng và đỡ tẻ nhạt.

Dung lượng có hạn của sách không cho phép hàm chứa hết các nội dung mong muốn, nên sự cân nhắc lựa chọn từ kho tư liệu phong phú có thể làm cho sách bị thiếu vắng một số công trình có tên tuổi.

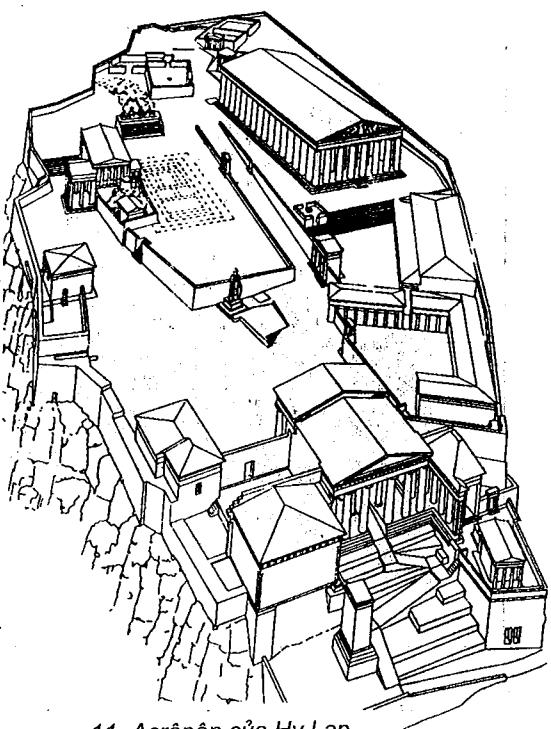
Các công trình kiến trúc được diễn giải trong sách theo thứ tự: xuất xứ, niên đại, quy mô, nội dung, giá trị nghệ thuật, vật liệu, phương thức xây dựng và một số cơ sở nhân văn của chúng.



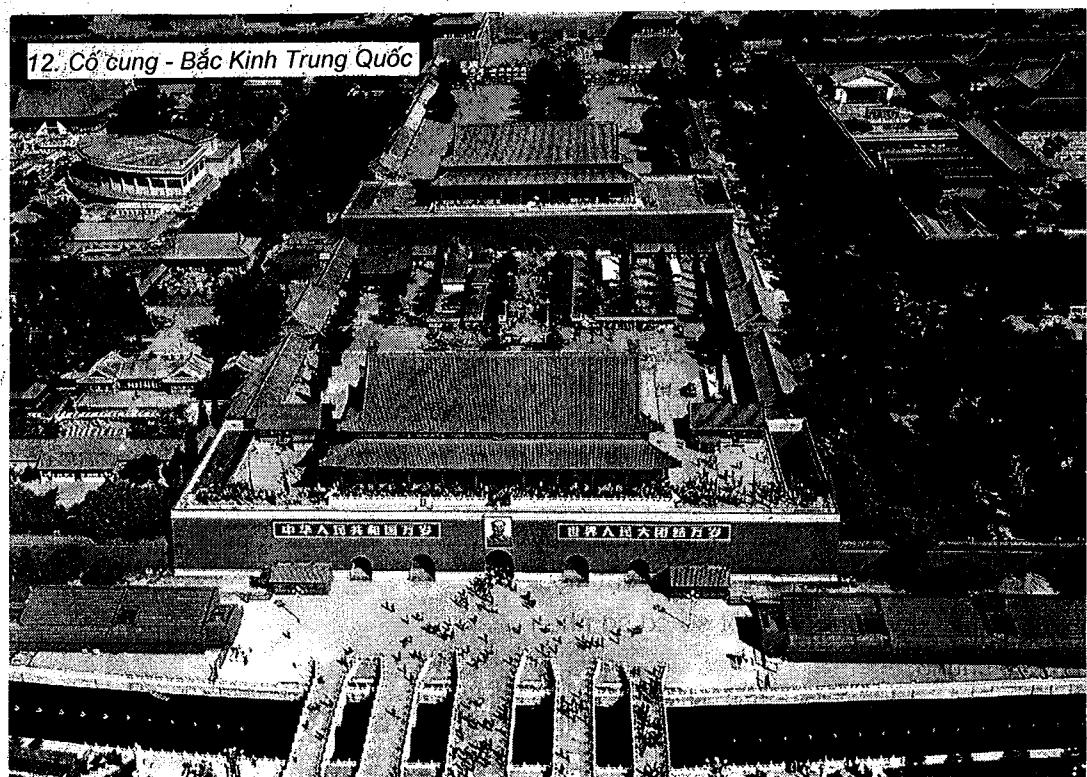
10. Một dạng nhà thò của người da đỏ
Nam Mỹ TK VI - IX

Ở đây, chúng tôi có lưu ý đến bối cảnh xã hội, thời điểm ra đời của mỗi trào lưu hoặc mỗi công trình, xem đó như tiền đề cho từng quy mô và từng phong cách nghệ thuật. Tùy theo thời thế mà có thể xuất hiện một quần thể như Acrôpône của Hy Lạp ở thế kỷ thứ V trước CN (hình 11) hay Cố cung - Bắc Kinh (Trung Quốc) ở thế kỷ thứ XV (hình 12), một thành phố như Babilon của Lưỡng Hà ở thế kỷ thứ XIII trước CN, hay thị trấn Machu-Picchu ở Peru - thế kỷ thứ XI, một công trình riêng lẻ như Đền Ise ở Sintơ - Nhật Bản - thế kỷ thứ III hay biệt thự Rô-tông-đô ở Italia - thế kỷ thứ XVI.

Vào thời gian gần đây, cùng với sự phát triển mau lẹ của khoa học kỹ thuật, trình độ tư duy kiến trúc của thế giới cũng có những điều kiện tốt hơn để tổng hòa các thành tựu văn



11. Acrôpône của Hy Lạp



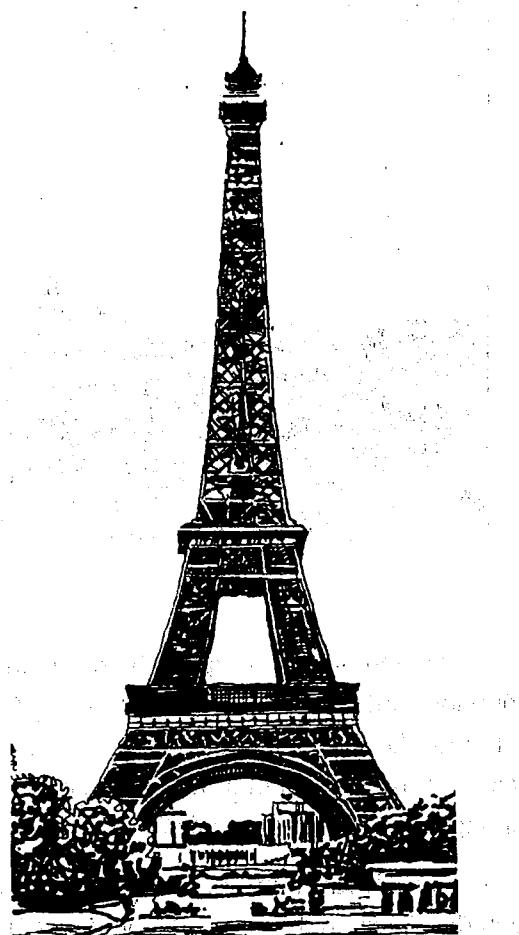
minh-văn hoá, bao gồm cả địa lí, triết học, khoa học tính toán, vật liệu, trang bị kĩ thuật, thi công, công nghệ thông tin v.v...

Những người làm công việc sáng tạo đã có nhiều phương tiện mới trong tìm kiếm giải pháp cho công trình tương lai. Đó cũng chính là bối cảnh ra đời của nhiều tác phẩm kiến trúc trong thế kỷ XX, đến nay đã trở thành những mốc văn hóa, thành tài sản, niềm tự hào không chỉ của một địa phương mà của toàn nhân loại.

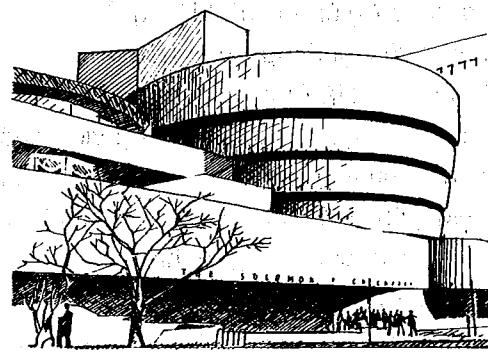
Tháp Eiffel (hình 13), bảo tàng Guggenheim (hình 14), sân vận động Tôkyô (hình 15), sân bay Kennedy, nhà Quốc hội Brasil, nhà thờ Ronchamp (hình 16), Trung tâm văn hóa Pompidou, nhà hát Sydney (hình 17), tháp song sinh Pétronas (hình 18) v.v... là những bằng chứng của sự phát triển.

Qua những thông tin về Lịch sử Kiến trúc thế giới, người nghiên cứu có thể thấy được nghệ thuật tinh tế của những ngôi nhà gỗ cổ truyền, hay trình độ tổ hợp cao về công nghệ trong những tòa nhà chọc trời, sự tìm tòi công phu, cùng những kết quả tốt đẹp của những danh nhân kiến trúc xưa và nay.

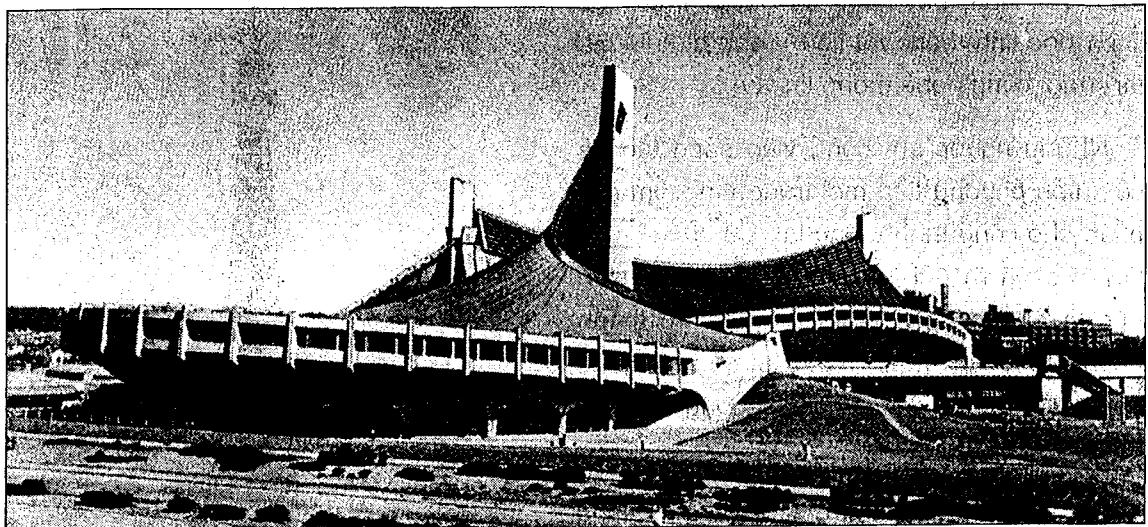
Chúng tôi muốn nhìn nhận môn *Lịch sử Kiến trúc* như một thứ thuyền tải "đạo", giúp bạn đọc từ nhiều sự việc và công trình tự rút ra cho mình các bài học khác nhau về cách tư duy cô đọng, khái quát, chuẩn mực trong lý luận cũng như sự chu đáo, độ chính xác trong thực hành.



13. Tháp Eiffel ở Paris - Pháp



14. Bảo tàng Guggenheim ở New York - Mỹ

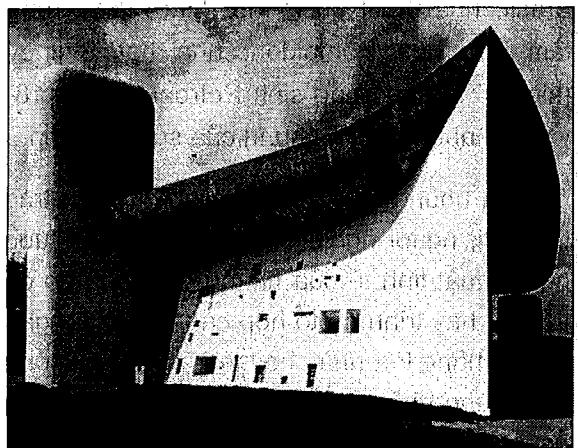


15. Trung tâm thể thao ở Tôkyô - Nhật Bản

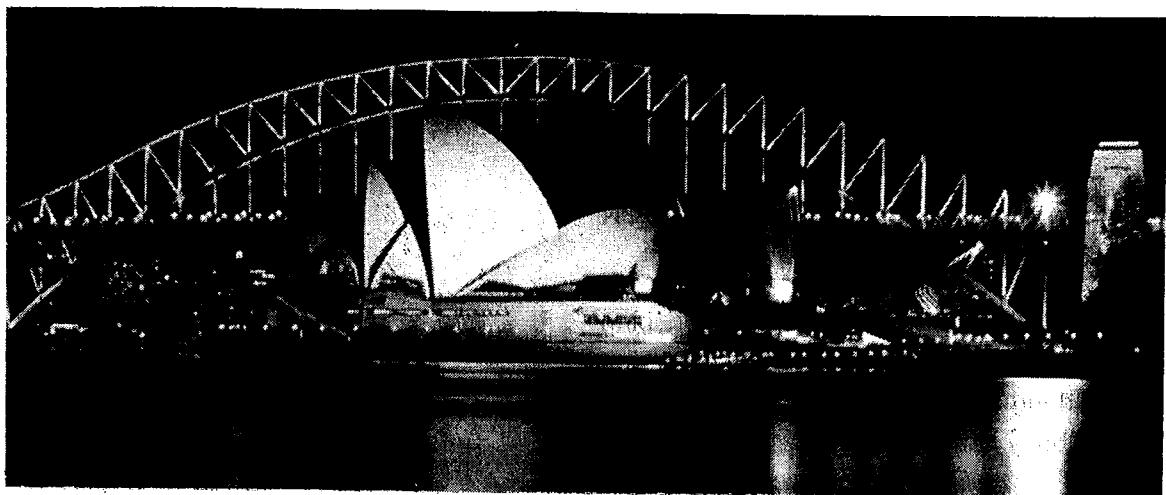
Tuy nhiên, trong lần đầu biên soạn, chúng tôi không thể cầu toàn: Với khối lượng đồ sộ của môn *Lịch sử Kiến trúc*, chúng tôi chỉ dám xem đây như một bản lược sử, và chắc chắn không tránh khỏi những sai sót và yếu kém.

Chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo của bạn đọc để chân thành tiếp thu và sửa chữa.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ có hiệu quả của Ban Giám hiệu và Hội đồng Khoa học Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, của cố Hiệu trưởng PGS. TS. Đặng Tố Tuấn, sự động viên chân thành của Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam KTS. Nguyễn Trực Luyện, sự cộng tác có hiệu quả của các đồng nghiệp PGS. TS. Nguyễn Kim Luyện, PGS. TS. Nguyễn Hồng Thục, KTS. Đỗ Thị An Lộc, ThS. Trần Quốc



16. Nhà thờ Ronchamp - Pháp



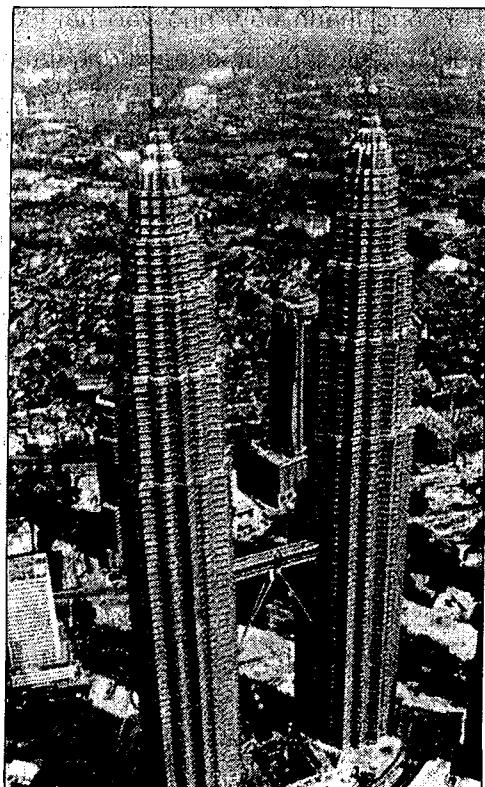
17. Nhà hát Sydney - Óxtrâylia

Thái, ThS. Trần Thị Quế Hà. Khoa Kiến trúc
Trường Đại học Khoa học Huế và PGS. Trần
Hùng đã giúp cho nhiều tư liệu quý.

GS. TS. Hoàng Đạo Kính, PGS. Đặng
Thái Hoàng, KTS. Nguyễn Hữu Thái, PGS.
TS. Nguyễn Quốc Thông đã đọc bản thảo và
đóng góp cho nhiều ý kiến xác đáng.

Chúng tôi xin vô cùng cảm tạ tất cả các
quý vị và các bạn.

Nếu cuốn sách nhỏ này có thể khích lệ
được sự quan tâm nào đó của bạn đọc đến
bức tranh phát triển của Nghệ thuật Kiến trúc
Thế giới thì nỗ lực của chúng tôi xem như đã
được đền bù.một cách xứng đáng.



18. Tháp song sinh Pétronas - Malaysia

Chương I

KIẾN TRÚC BUỔI SƠ KHAI

1.1. VŨ TRỤ, TRÁI ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

Vũ trụ như ta biết ngày nay được hình thành từ hàng chục tỷ năm*, còn hành tinh mà ta đang sống thì chỉ mới tồn tại được khoảng ba tỷ năm.

Con người sớm nhất xuất hiện tại Đông Phi từ hơn 3 triệu năm đến 3 hoặc 4 vạn năm. Họ sống thành bầy, nhờ vào hái lượm, đào bới củ rễ và săn bắt, dùng xương thú làm mũi tên, lột da thú để che thân. Họ trú ngụ dưới những tán cây hay trong hang động (hình 19).

Lửa là phát minh quan trọng đánh dấu bước ngoặt trong sự sống của con người. Từ ba hoặc bốn vạn năm đến 6000 năm trước, loài người chuyển từ cách sống du mục sang định canh định cư, thuần hóa động vật hoang dã, trồng lúa, đào kênh lấy nước tưới ruộng. Các nhóm người hợp quần thành tập đoàn hay cộng xã. Chế độ thi tộc, mẫu hệ rồi phụ hệ ra đời (hình 20).

Theo thời gian, vượt qua mọi thách thức khắc nghiệt của tạo hóa, lao động đã đưa con người trở thành một nòi giống có trí tuệ



19. Săn bắt thú rừng



20. Sinh hoạt của người nguyên thủy
(theo tranh của Ogyxtd và Buriāng)

* 13,4 tỷ - theo GS. người Ôxtrâylia Charler Line Weaver. Thuyết này bác bỏ một giả thuyết trước đó về tuổi vũ trụ 28,4 tỷ năm.

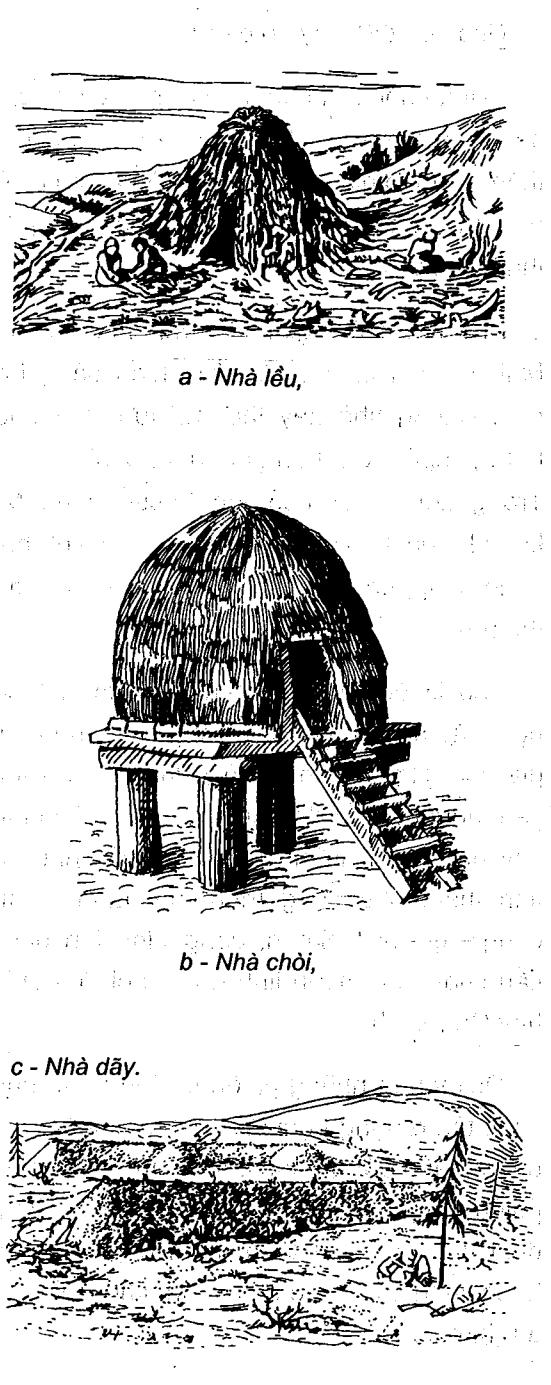
rất cao, để làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, chế ngự được thiên nhiên, định đoạt và sở hữu một nền văn minh được tích lũy qua hàng chục thế kỷ.

1.2. KIẾN TRÚC TRONG THỜI KỲ CỘNG ĐỒNG NGUYÊN THỦY

Như vậy là từ ba hoặc bốn vạn năm trước, con người đã biết sống quần cư, có tổ chức. Căn cứ vào công cụ lao động của họ và đặc trưng khí hậu của trái đất, giai đoạn phát triển xã hội loài người mà ngày nay ta gọi là cộng đồng nguyên thủy được các nhà khoa học lịch sử chia thành thời ba kỳ: thời kỳ đồ đá cũ, thời kỳ đồ đá mới và thời kỳ đồ đồng - sắt. Thời kỳ đồ đá cũ lại chia ra sơ kỳ (khoảng 2,5 đến 2 vạn năm trước Công nguyên - trước CN), trung kỳ (2 vạn đến 1,5 vạn năm trước CN) và hậu kỳ (1,5 vạn đến 1 vạn năm trước CN).

Để tồn tại được trước thú dữ và thời tiết, con người đã phải tạo ra những loại hình cư trú thích hợp dù còn rất đơn sơ: đào hầm trong lòng đất, khoét hang vào núi đá, ghép cây thành liếp chắn gió, lấy lá cây kết thành mái che mưa. Dần dần họ cải tiến những thứ đó thành lều tròn có mái hình chóp nón hoặc nhà vuông có mái dốc hai bên, dựng ở những nơi bên ngoài núi. Vật liệu làm nhà chủ yếu là đất sét và thân cây, cành cây (hình 21).

Khoảng một vạn năm trước CN, loài người chuyển sang thời kỳ đồ đá mới (còn gọi là đá mài).



21. Các dạng nhà ở thời cổ đại

Nhà cửa thời này có dạng:

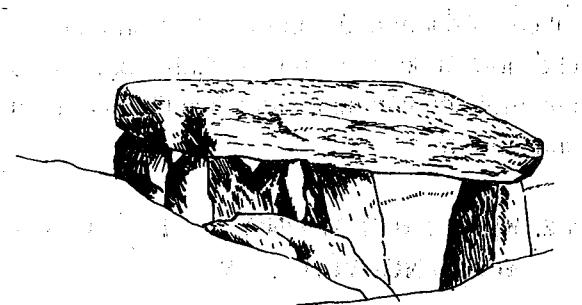
- Nhà chòi trên cọc, để ngăn các loài cọp, gấu leo lên sàn. Chòi được làm gần nhau thành cụm, ở dìa sông. Loại nhà này có nhiều ở Thụy Sĩ thuộc Trung Âu và ở Mông Cổ thuộc châu Á.

- Nhà có nhiều gian cho vài chục người ở. Mái dốc hai chiều, có cửa chiếu sáng trên cao. Những nhà này thường được xếp theo hai dải hình tròn, bán kính dải ngoài tới 70m. Trong mỗi nhà đều có bếp, lò sưởi riêng. Một khu nhà dài tới vài chục mét, có nơi sinh hoạt công cộng, có hàng rào bao quanh để ngăn thú rừng.

Thời kỳ đồ đồng (3000 năm trước CN), con người đã biết đào đất để trồng cây, chăn nuôi gia súc. Ngoài dạng nhà ở là nhu cầu thiết yếu, người ta bắt đầu nghĩ ra những loại hình xây dựng mới nhằm thỏa mãn các nhu cầu tinh thần, như công trình mai táng và thờ cúng - gọi là Dolmen, công trình tôn giáo - cầu khẩn sức mạnh linh hồn - gọi là Menhia hay Crômléch.

Dolmen là những phiến đá lớn nặng hàng chục tấn ở dạng nguyên thể cao khoảng 2m, dựng thẳng đứng hoặc bắc ngang trên những phiến đứng, tạo thành một dạng hang động, dùng làm nơi mai táng, thờ cúng chúa đất, hoặc cũng có thể để ở hay làm kho chứa thức ăn (hình 22).

Menhia là những phiến đá dài có khi tới 20m, nặng tới 300 tấn được dựng làm cột độc



22. Dolmen ở Anh



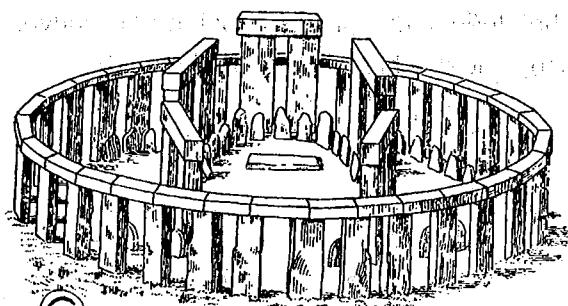
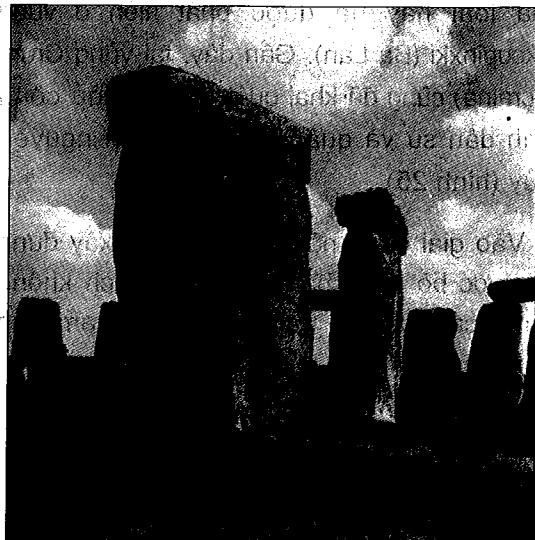
23. Menhia ở Anh

lập. Thân cột thường có chạm khắc hình cây cối, người và vật (hình 23). Có nhiều khả năng đây là loại công trình để kỷ niệm người chết hay một biểu tượng về tôn giáo. Tại vùng Carnac (Bretanhơ - Pháp) còn giữ được 3000 phiến đá xếp thành hàng dài tới 3km.

Cromlech là loại công trình được tạo bởi những phiến đá lớn dựng theo hình tròn, giữa đặt một phiến lớn nhất dùng làm nơi đặt vật tế lễ. Bằng cách này, người ta đã tạo nên một sản phẩm kiến trúc có sức truyền cảm. Tại Stônhengiơ (vùng Satisfbory - Anh) có cả một khu vực di tích của kiến trúc Cromlech, được quây thành những vòng tròn đồng tâm. Đường kính vòng trong cùng 30m, vòng ngoài tới 90m, với năm cổng - tháp đá cao tới 8m (hình 24).

Bên cạnh ba loại công trình đặc sắc trên, phải kể đến các loại mộ cổ dùng để chôn cất các nhân vật quan trọng trong bộ tộc.

Chế độ cộng đồng nguyên thủy được kết thúc bằng thời kỳ đồ sắt, khi xã hội thị tộc chuyển từ mẫu hệ sang phụ hệ. Lúc này, con người đã chế được các công cụ lao động bằng sắt. Lưỡi cày sắt đóng vai trò đặc biệt hiệu quả trong phát triển nghề nông. Đây cũng là thời kỳ hình thành gia đình theo cặp vợ chồng, có nhà ở riêng. Bên cạnh các ngôi nhà chung gồm kho, bếp lò, nơi sản xuất, còn có thêm các dạng nhà của từng gia đình, được ngăn thành gian, có bếp và kho dụng cụ sản xuất riêng. Tường nhà được ghép từ thân cây. Những

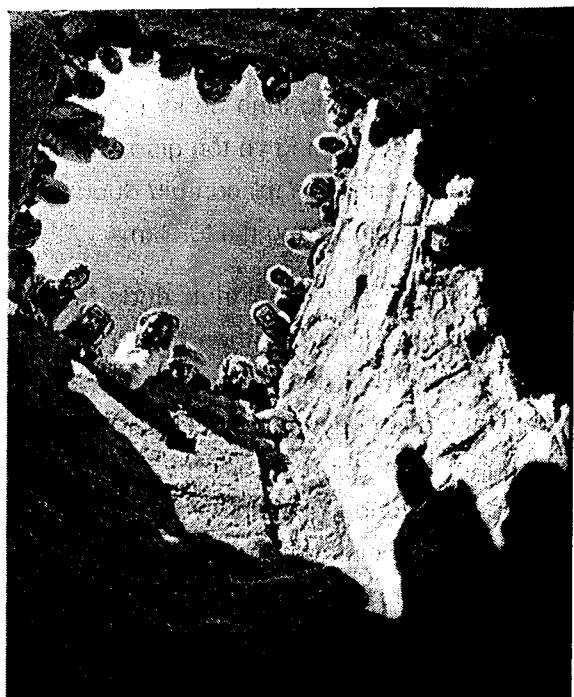


24. Cromlech ở Stônhengiơ - Anh

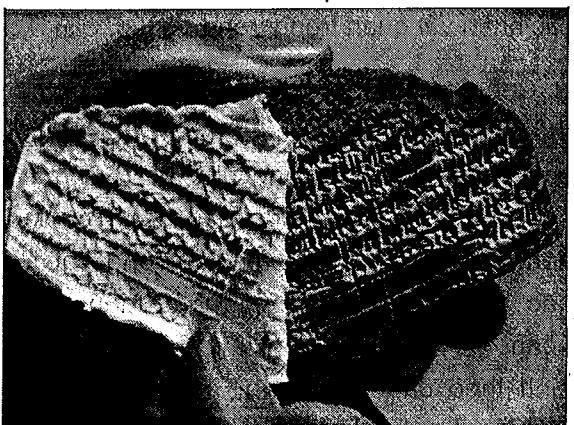
nha loai nay da duoc phat hiem o vung Bixcupinxki (Ba Lan). Gần đây, tai vung Crum (Ucraina) cung da khai quat duoc nheu cong trinh dan su va quan su thuoc thoi nguyen thuy (hinh 25).

Vào giai đoạn này, quỹ vật liệu xây dựng đã được bổ sung bằng các loại gạch không nung, các loại đá trang trí được chạm đắp công phu.

Đến những năm 4000 trước CN, cửa cải được làm ra ngày một nhiều. Sự tự do chiếm hữu sản nghiệp chung làm của riêng khiến cho xã hội không còn giữ được sự bình đẳng ban đầu. Đó là mầm mống của một giai đoạn phát triển mới - lịch sử loài người chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ (hình 26).



25. Xem khai quật một di tích cổ



26. Bản đập một ván tự cổ
từ 3000 năm trước

Chương 2

KIẾN TRÚC TRONG CHẾ ĐỘ CHIẾM HỮU NÔ LỆ

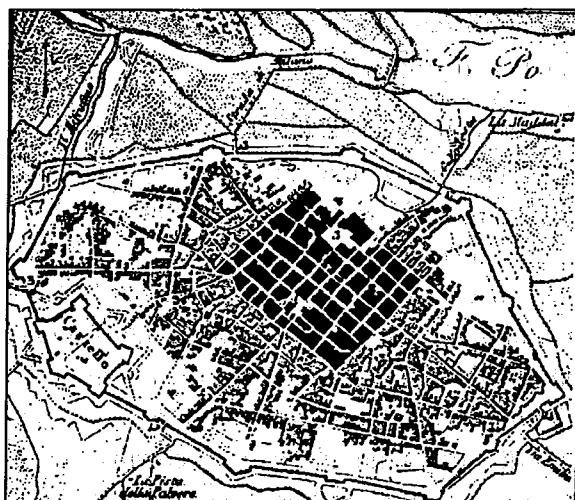
2.1. GIỚI THIỆU CHUNG

Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, các nhóm người dần dần hình thành bộ tộc với sự phân chia giai cấp. Từ đây đã xuất hiện hình thức nhà nước như một thứ vũ khí dùng để bảo vệ quyền chuyên chế của giai cấp thống trị và để tự vệ trước nạn ngoại xâm.

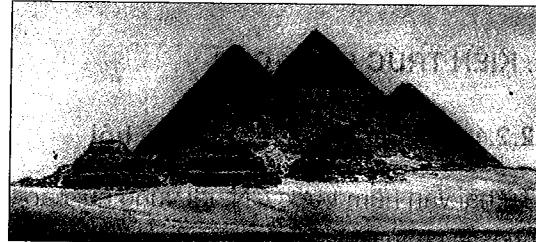
Cùng với nhà nước, các hình thức cư trú mới đã được hình thành, trong đó thành phố là một yếu tố quan trọng. Nơi đây tập trung các cơ quan hành chính và các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp với số dân tương đối lớn (hình 27). Cơ sở kinh tế của xã hội lúc bấy giờ là nông nghiệp và thủ công nghiệp. Tại khu vực sông Nil ở Đông Bắc Phi, việc canh tác và làm nghề thủ công được phát triển từ rất sớm đã dẫn đến sự ra đời của những khu dân cư rộng lớn và từ đó đã hình thành một trong những nền văn minh đầu tiên của nhân loại. Đó là nền văn minh Ai Cập - Lưỡng Hà cổ đại, được tính từ khoảng 4000 năm trước CN (hình 28).

Tiếp đến là các nền văn minh Hy Lạp cổ đại và La Mã cổ đại.

Những đặc điểm thiên nhiên và xã hội của mỗi địa danh nêu trên đã được phản ảnh rõ



27. Quy hoạch một đô thị cổ



28. Kim tự tháp Ai Cập thế kỷ XXV trước CN
- một trong bảy kỳ quan thế giới

trong sự khác nhau giữa kiến trúc từng nơi. Mỗi khi phương thức sản xuất bị thay đổi, nền kiến trúc cũng có sự thay đổi tương ứng.

Trong giai đoạn phát triển này của nhân loại, nô lệ là thành phần cư dân đặc trưng, là lực lượng sản xuất chính trong xã hội. "Không có nô lệ thì không thể có nhà nước Hy Lạp. Và thiếu nền tảng mà xã hội cổ Hy Lạp và cổ La Mã đã xây dựng nên thì không thể có châu Âu ngày nay" (Ph. Ängghen).

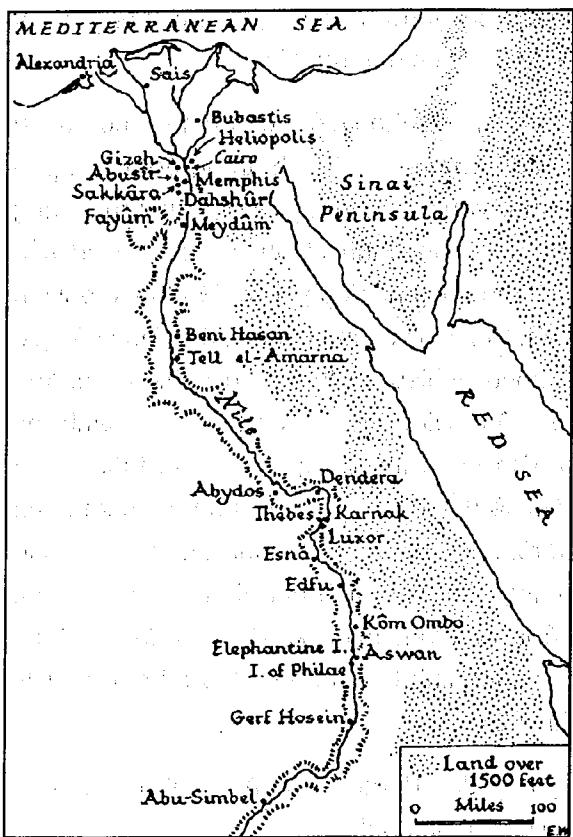
Bên cạnh vô vàn các công trình phục vụ giai cấp thống trị, các quốc gia cổ đại Ai Cập, Hy Lạp, La Mã cũng còn có những loại nhà sản xuất, nhà ở của dân thường và nhà tù dành cho người nô lệ. Tuy nhiên sự bóc lột vô cùng tàn khốc và cuộc đấu tranh giai cấp đầy máu lửa ngày càng quyết liệt giữa nô lệ và chủ nô đã dẫn đến kết cục tất yếu là sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ chiếm hữu nô lệ. Và mọi sự thăng trầm của chế độ này đã được phản ánh trong các công trình kiến trúc thời kỳ cổ đại - đặc biệt là Cổ La Mã.

2.2. KIẾN TRÚC CỔ AI CẬP

2.2.1. Bối cảnh thiên nhiên xã hội

Từ hai vạn năm trước CN, tại vùng núi cao ở Đông Bắc châu Phi đã có con người sinh sống.

Đến thế kỷ thứ VI-V trước CN, tổ tiên người Ai Cập đã di cư xuống vùng thấp thuộc hạ lưu sông Nil (hình 29). Đây là một trong hai con



29. Bản đồ Ai Cập

sông lớn nhất thế giới*, tựa lưng vào sa mạc Sahara. Hằng năm nước lũ sông Nil bồi đắp lớp phù sa màu mỡ cho cả một vùng, khiến cây cối tốt tươi, trồng trọt thuận lợi.

Người Ai Cập cổ đại sống chủ yếu bằng nghề nông. Đến khoảng năm 3500 trước CN, xã hội thị tộc Ai Cập phân hóa thành 2 giai cấp: quý tộc + chủ nô và nông dân công xã + nô lệ. Chế độ nhà nước chuyên chế độc quyền ra đời. Dân chúng phải tôn thờ vua như những vị thần sống, gọi họ là các Pharaôn. Pharaôn có quyền lực không hạn chế. Lời nói của họ là luật pháp. Nô lệ bị đối xử tàn nhẫn, nhưng lại là lực lượng nuôi sống và kiến thiết xã hội.

2.2.2. Phân kỳ và đặc điểm kiến trúc

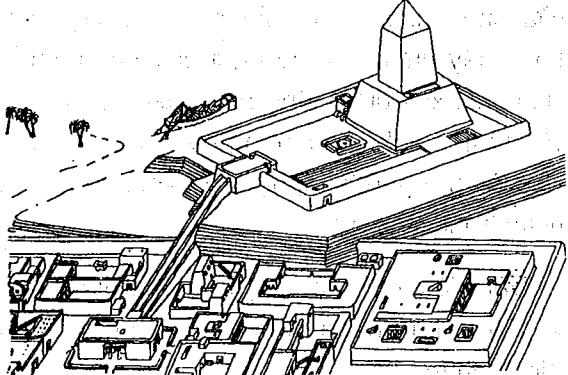
Kiến trúc cổ có thể phân ra 3 thời kỳ chính:

- Tiền vương quốc và Cổ vương quốc (4000 - 2100 trước CN).
- Trung vương quốc (2100 - 1600 trước CN).
- Tân và Hậu vương quốc (1600 - 30 trước CN).

Đặc điểm chung của kiến trúc cổ Ai Cập là:

- Công trình công cộng có quy mô lớn và cực lớn nhằm phục vụ việc tôn vinh người chết, đặc biệt là các Pharaôn, cũng như phục vụ các nội dung tôn giáo (hình 30).

* Sông Amazon ở Nam Mỹ dài 6.750km, đổ vào Đại Tây Dương. Sông Nil dài 6.500km, đổ vào Địa Trung Hải.



30. Đền thờ thần Mặt trời dưới triều vua Niuxor

- Công trình thường có bố cục cân xứng qua trục dọc. Cột hình vuông và tròn, vừa để chịu lực, vừa để trang trí, với nhiều chạm khắc hình chim thú, hoa lá, đôi khi có cả hình mặt người.

- Nhà ở thường có sân trong và hành lang. Mái bằng được dùng làm sân thượng. Tường nhà xây dưới to trên nhỏ. Vật liệu làm nhà chủ yếu là bùn, rơm, đất sét, gạch không nung, gỗ và đá.

2.1.3. Kiến trúc thời kỳ Tiền vương quốc và Cổ vương quốc (4000 - 2100 trước CN)

Loại hình kiến trúc đáng kể nhất thời kỳ này là kiến trúc lăng mộ. Lăng mộ thông dụng dùng cho các nhà giàu và vương giả gọi là Maxtaba. Những Maxtaba này có dạng hình hộp đặc kín, có cửa giả, có phòng để hài cốt và một số buồng sâu dưới đất dùng vào việc cúng bái, tế lễ.

Người Ai Cập cổ đại quan niệm rằng cuộc sống vĩnh hằng của con người là thời kỳ sau khi chết. Vì vậy họ không chỉ chăm lo nhà cửa cho người sống, mà còn đặc biệt chú trọng xây dựng các cơ ngơi cho người chết. Ướp xác, xây dựng lăng mộ nguy nga với đồ vật đủ tiện nghi, các tượng gia nhân v.v..., là việc làm rất phổ biến, đặc biệt với những yếu nhân trong xã hội.

Đối với các Pharaôn, xác chết được ướp và đặt trong những ngôi mộ khổng lồ gọi là Kim tự tháp.

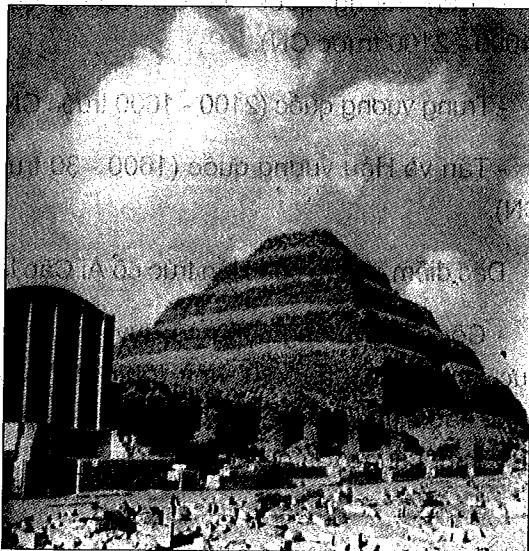
Kim tự tháp là công trình kiến trúc vĩ đại nhất của Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp có hình tháp tam giác, cao chót vót, lấp lánh ánh kim. Khi nhìn từ xa, kim tự tháp như một ngọn lửa cháy rực rỡ, rực rỡ ánh kim.

Kim tự tháp là công trình kiến trúc vĩ đại nhất của Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp có hình tháp tam giác, cao chót vót, lấp lánh ánh kim. Khi nhìn từ xa, kim tự tháp như một ngọn lửa cháy rực rỡ, rực rỡ ánh kim.

Kim tự tháp là công trình kiến trúc vĩ đại nhất của Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp có hình tháp tam giác, cao chót vót, lấp lánh ánh kim. Khi nhìn từ xa, kim tự tháp như một ngọn lửa cháy rực rỡ, rực rỡ ánh kim.

Kim tự tháp là công trình kiến trúc vĩ đại nhất của Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp có hình tháp tam giác, cao chót vót, lấp lánh ánh kim. Khi nhìn từ xa, kim tự tháp như một ngọn lửa cháy rực rỡ, rực rỡ ánh kim.

31. Kim tự tháp Đgiôxê. Toàn cảnh

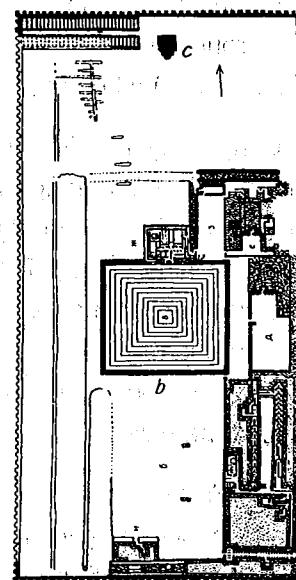


Kim tự tháp Đgiôxê

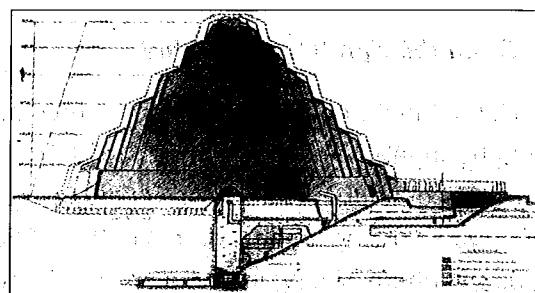
Công trình Kim tự tháp dạng giật cấp sớm nhất được biết đến là Đgiôxê (hình 31), được xây dựng khoảng năm 2800 - 2700 trước CN (thuộc Vương triều thứ III), do một quan đầu triều được mệnh danh là "Thánh" (Divine) Imhotep chỉ huy.

Đây là một quần thể công trình có bố cục cân đối, hài hoà, đường nét dứt khoát, nhất quán, bao gồm Kim tự tháp, các đền thờ ở phía Nam và hai sân ở hai phía Nam - Bắc. Quần thể này được bao bọc bằng bức tường cao 10m, dài 555m, rộng 278m. Chiều dày tường 7m đủ rộng để có thể đi lại ở bên trên. Toàn bộ công trình được làm bằng đá hộc thô, bên ngoài ốp bằng những tấm đá vôi màu trắng hoặc màu sáng. Trên suốt chiều dài bức tường rào quanh thành, chỉ có một lối ra vào duy nhất được mở về phía Nam để đảm bảo an toàn (hình 32).

Kim tự tháp Đgiôxê có 6 cấp với chiều dài hai cạnh đáy là 121m và 109m. Tổng chiều cao tháp là 60m. Hầm mộ là nơi để hài cốt vua Đgiôxê được xây bằng đá tảng, vuông mỗi chiều 62,9m và cao 8,2m. Lối vào hầm từ phía Bắc sâu 28m. Tường trong nhà hầm được ốp bằng đá hoa cương. Trang trí quanh hầm hết sức cầu kỳ, lộng lẫy với nhiều phù điêu và đồ dùng quý, bằng vàng hoặc mạ vàng. Trên mặt tường phía Nam có một bức tranh khắc đá cao 13m, dài 85m mô tả các sinh hoạt của nhà vua (hình 33).



32. Mặt bằng tổng thể Kim tự tháp Đgiôxê
a - Lối vào, b - Kim tự tháp, c - Đền thờ.



33. Mặt cắt Kim tự tháp Đgiôxê

Quanh mộ chính còn có tới 11 hầm mộ nhỏ, trong đó 5 hầm mộ để chôn người thân của vua, 6 hầm khác dùng làm kho.

Ở ngay cạnh cổng vào có hai tháp cao, rồi tới một hành lang dài 54m có 40 cột đặt trên đế thấp. Trên đầu các cột có những phiến đá hình vuông. Thân cột có khía. Tiếp giáp với Kim tự tháp ở ngay sát chân tháp phía Bắc là một đền thờ có cạnh 50m × 40m với hai sân trong. Các hàng cột và hành lang trông ra ba phía.

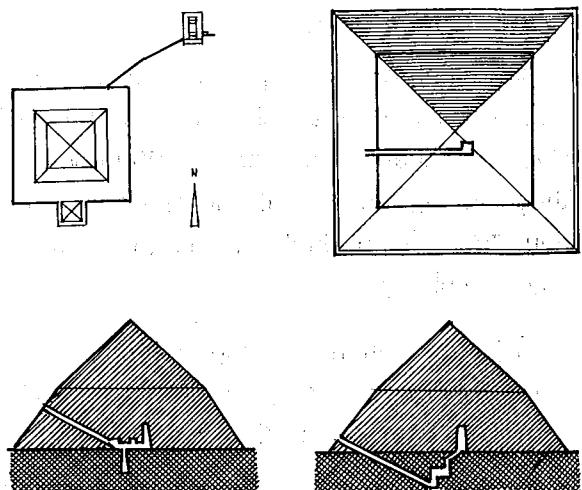
Ngoài ra, tại đây còn có Kim tự tháp của Vua Nôphora có dạng hình nêm, xây dựng vào khoảng năm 2625 trước CN, có đáy vuông 188,5m × 188,5m, chiều cao 97m (hình 34). Kim tự tháp của Vua Xekhemkhét có cạnh đáy 120m × 120m, cao 70m.

Quần thể Kim tự tháp ở Ghidê

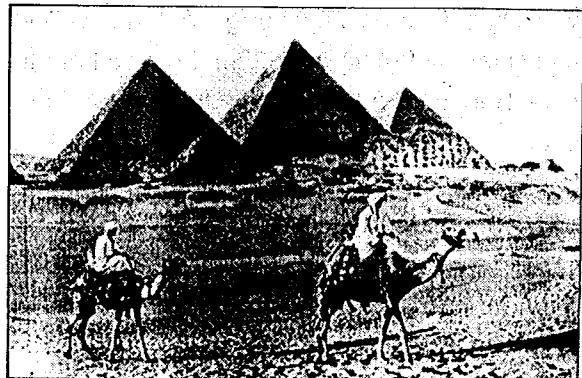
Nổi bật nhất, có tiếng vang lớn về quy mô và nghệ thuật, tiêu biểu cho nền kiến trúc cổ Ai Cập là quần thể kim tự tháp ở Ghi dê, xây dựng vào khoảng những năm 2600 - 2550 trước CN (thuộc Vương triều thứ IV). Ở đây có ba Kim tự tháp lớn là Khêốp, Kêphoren và Mikêrinox. Ngoài ra còn phải kể đến tượng nhân sư, các đền thờ và phần mộ của tầng lớp quý tộc được xây dựng rất nhiều ở xung quanh (hình 35).

Kim tự tháp Khêốp

Được xây dựng trước tiên và có kích cỡ lớn nhất. Đáy vuông 233m × 233m, chiều cao 146,59m. Kim tự tháp này được xây từ



34. Kim tự tháp hình nêm của vua Nôphora

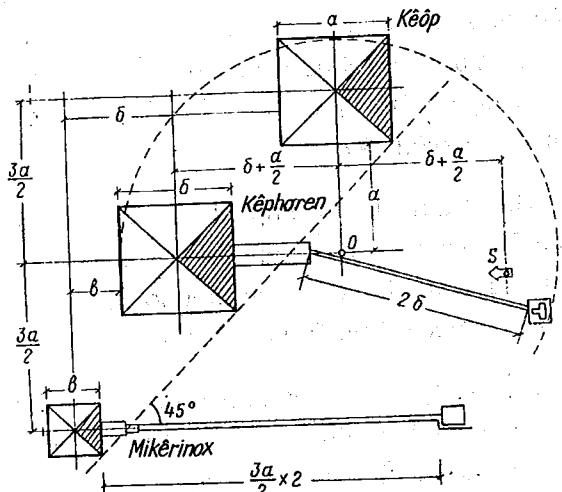


35. Toàn cảnh quần thể Kim tự tháp ở Ghi dê

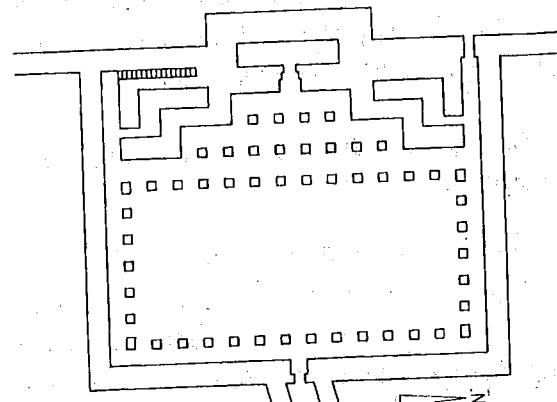
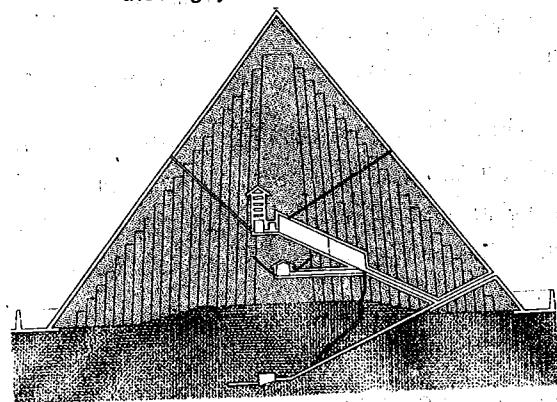
2.300.000 viên đá tảng đẽo. Mỗi viên đá nặng từ 2,5 đến 3 tấn, xếp thành hàng, dưới to trên nhỏ. Hàng dưới cùng cao 1,5m. Hàng thứ hai 1,25m. Hàng thứ ba 1,2m. Hàng thứ tư 1,1m. Các hàng tiếp theo cứ nhỏ dần từ 0,90m đến 0,65m. Hàng đá trên cùng có chiều cao là 0,55m. Bề mặt ngoài Kim tự tháp có tổng diện tích là 53.000m², được ốp bằng 115.000 phiến đá vôi nhẵn kích thước đều nhau. Mạch vữa rất nhỏ, chỉ bằng 0,5cm. Đá được lấy từ mỏ đá lô thiên bên hữu ngạn sông Nil. Để chở được đá về bên tả ngạn nơi xây Kim tự tháp người ta đã làm một con đường dài 9km rộng 18m, lát đá được mài nhẵn mặt. Độ dốc cao nhất là 15m. Riêng con đường này phải làm trong 10 năm.

Từ hướng Bắc có một hành lang dài dẫn tới phòng đặt quan tài vua Khêop. Phòng này được trang hoàng rực rỡ, được đặt ở độ cao 40m so với mặt đất. Mặt tường trong mộ được ốp bằng đá quý. Trong lòng tháp còn có một phòng mộ dành cho Hoàng hậu, và một cǎm hầm nằm ở sâu 30m dưới mặt đất dùng làm nơi để đồ vật (hình 36, 37).

Để xây dựng Kim tự tháp, chính quyền đã huy động toàn dân, biên chế thành từng đội làm việc nặng nhọc 10 giờ mỗi ngày, cứ ba tháng mới được thay người một lần. Kim tự tháp Khêop được xây dựng trong 30 năm, với số lượng thợ lên đến trên 10 vạn. Do tính chất vĩ đại và sự chính xác hình học rất cao nên đã có nhiều giả thuyết về kỹ thuật xây dựng Kim tự tháp, kể cả giả thuyết có bàn tay người ngoài hành tinh. Song ý kiến cho rằng dùng



36. Cách xác định vị trí các Kim tự tháp
theo nguyên tắc hình học



37. Mặt cắt và mặt bằng hầm mộ
Kim tự tháp Khêop

đất đắp thành dốc và dùng con lăn đòn bẩy để kích đá là có lý hơn cả. Trên thực tế người ta cũng đã tìm thấy một số dấu vết chứng minh cho điều này.

Bên cạnh Kim tự tháp Khêôp có hai đền thờ Thượng và Hạ, có căn nhà để thuyền của vua được đục trong đá, và một số công trình khác chưa xác định được chức năng.

Đền Thượng đặt theo hướng Bắc Nam, dài 52,4m, rộng 40m. Khác với đền Đgiôxê chỉ có cột gắn liền tường, ở đây lần đầu tiên có cột đứng tự do ở 4 mặt đền, làm bằng đá hoa cương. Mặt nhà hình chữ nhật, tường hai bên hơi xiên. Lối vào đền đặt ở chính giữa. Tại nơi thờ, ở gian trong cùng có đặt tượng vua Khêôp.

Đền Thượng và đền Hạ thông nhau bằng một lối đi, song cho đến nay chỉ mới có đền Thượng được trùng tu, và vẫn còn khá nhiều các công trình khác chưa được khai quật.

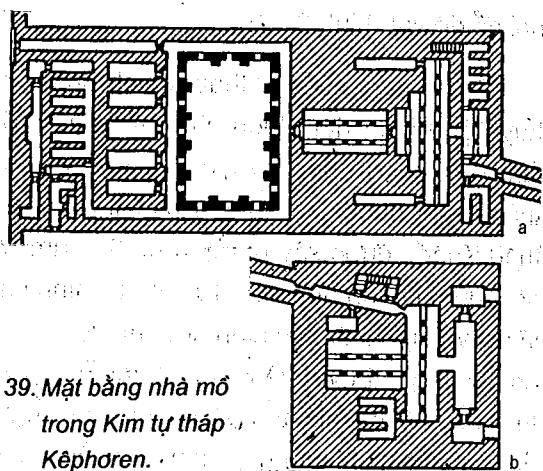
Ở phía Nam quần thể có phòng để thuyền của vua Khêôp, bên trong còn lưu giữ được những chiếc thuyền gỗ với đủ phương tiện chèo thuyền. Tuy nhiên có thể những thuyền này chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh.

Kim tự tháp Kêphoren và tượng nhân sư (Xphinx)

Lớn thứ hai trong quần thể ở Ghidê, Kim tự tháp Kêphoren cao 143,3m đáy vuông 215,25m × 215,25m. Những đền dài ở đây cũng được xây bằng đá với những hàng cột đứng tự do. Ở mỗi đầu cột đều có tượng các ông vua ngồi trên ngai được tạc bằng đá có



38. Tượng Kêphoren



39. Mặt bằng nhà mồ trong Kim tự tháp Kêphoren

phủ các màu xanh, vàng. Tượng Kephoren lớn nhất, ngồi trên ngai vàng với tư thế bình tĩnh và vĩ đại như một vị thánh (hình 38, 39).

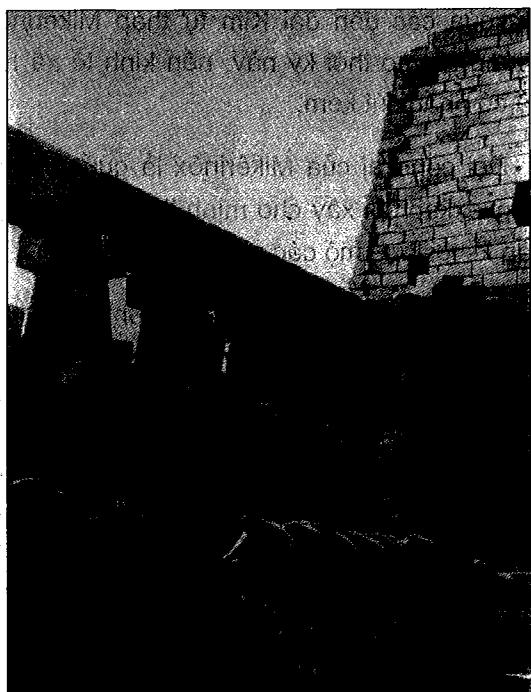
Trong điêu khắc cổ Ai Cập, tượng mình sư tử có đầu người hoặc đầu dê là một hình tượng rất phổ biến, dùng để đặt ở các đền dài. Có đền có tới 500 bức tượng như vậy (hình 40).

Đọc đường đi tới đền Khêốp cách tháp Kephoren không xa có một bức tượng đầu người mình sư tử cực kỳ lớn hết sức độc đáo, gọi là Xphinx, được tạc vào thế kỷ XXI trước CN. Tượng này dài 56m, cao hơn 20m. Chỉ riêng tai tượng đã dài 2m. Có giả thiết cho rằng đây chính là hình tượng của vua Kephoren. Nó không chỉ thể hiện sức mạnh trí tuệ của con người mà còn cả sức mạnh cơ thể cường tráng của một con sư tử. Cũng có giả thiết cho đây là người canh gác cho giấc ngủ của vua. Tượng nhân sư làm tăng vẻ uy nghi thần bí, làm cho người dân phải khiếp sợ. Từ lời đồn đại rằng bên trong tượng có thể có các phòng tế thần và đường ngầm, mà vua Napoléon Bonaparc năm 1795 đã nã đại bác phá hủy mất phần mũi của đầu tượng. Vết tích đó vẫn còn nguyên cho đến tận ngày nay (hình 41).

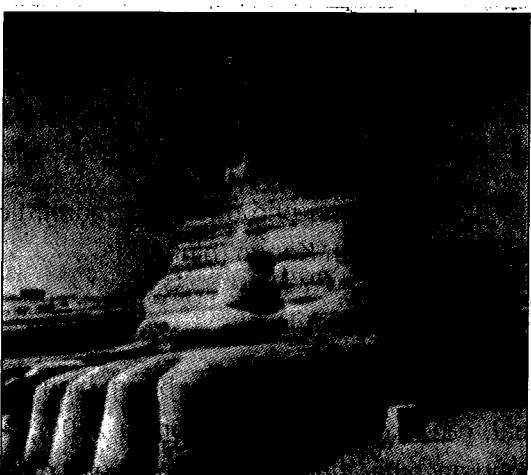
Kim tự tháp Mikérinôx

Là tháp nhỏ nhất trong ba tháp ở Ghidê với chiều cao 66m đáy vuông 108m × 108m. Hầm mộ của Kim tự tháp này đặt ở dưới sâu, có hai lối vào.

Những đền thờ xung quanh được xây bằng gạch mộc và gỗ. Kích cỡ và vật liệu khiêm



40. Đường vào đền Amôn ở Karnac



41. Tượng nhân sư

tổn của các đền đài Kim tự tháp Mikêrinôx chứng tỏ vào thời kỳ này, nền kinh tế xã hội đã có phần sút kém.

Đời con trai của Mikêrinôx là quốc vương Sepxexkap chỉ xây cho mình lăng bằng gạch xấp xỉ với lăng mộ các nhà giàu cùng thời.

Qua quần thể Kim tự tháp Ghidê có thể nhận thấy rõ những thành tựu của nghệ thuật điêu khắc, đồng thời thấy được vai trò quan trọng và chủ đạo của kiến trúc (hình 42).

Một câu nói của người Ả Rập còn được lưu truyền đến ngày nay chứng tỏ giá trị lớn lao của các Kim tự tháp: "Tất cả đều sợ thời gian, nhưng thời gian lại sợ Kim tự tháp".

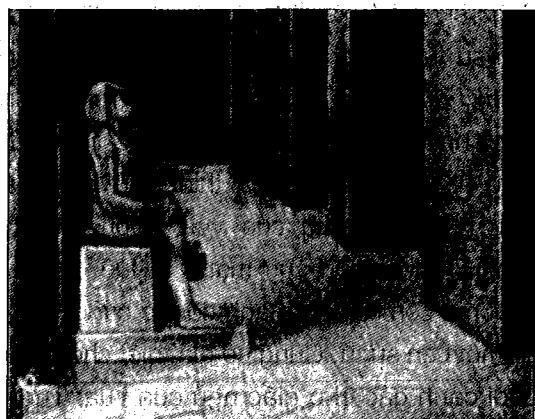
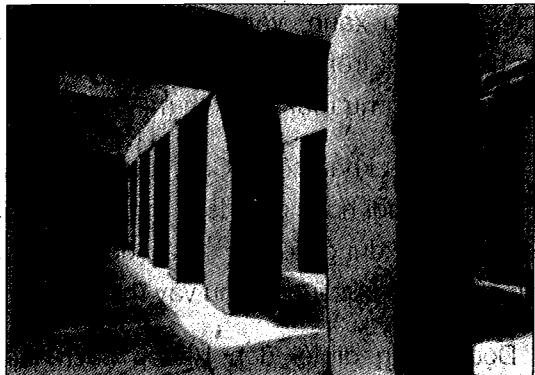
2.2.4 Kiến trúc thời kỳ Trung vương quốc (2100 - 1600 trước CN)

Vào đầu thế kỷ thứ XXI trước CN, sau khi đào hồ và kênh để trữ thuỷ sông Nil, đồng ruộng trở nên phì nhiêu, nông nghiệp phát triển, nền kinh tế Ai Cập tiến lên một mức cao.

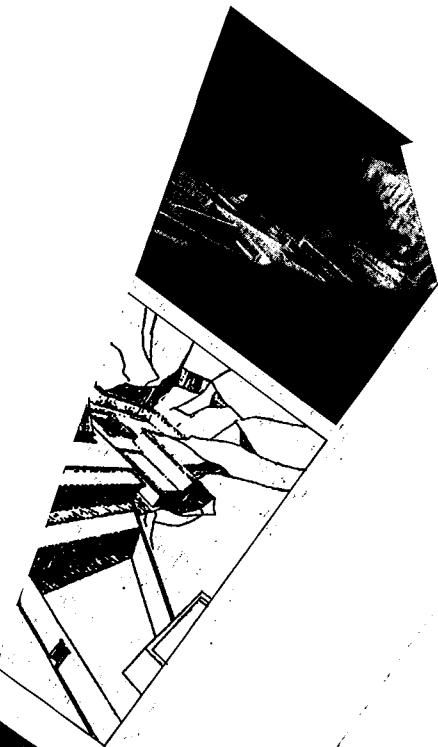
Xây dựng thành phố được đẩy mạnh, tiêu biểu nhất là thành Kahun (hình 43).

Thành phố Kahun

Thành phố này có mặt bằng hình chữ nhật, rộng khoảng 10ha (380m x 260m), có tường gạch bao quanh. Hai cổng thành ở phía Nam và phía Bắc chia thành phố ra làm hai phần không đều nhau, được ngăn cách bởi một bức tường dày.

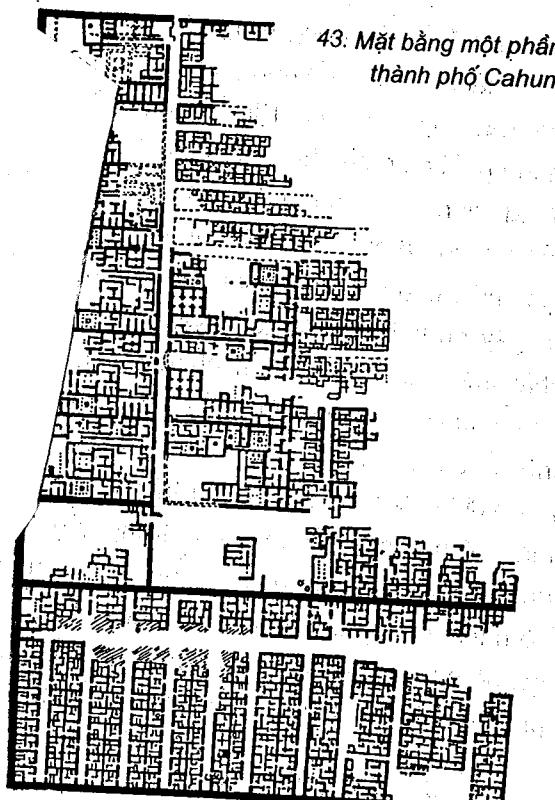


**42. Nội thất nhà mộ
ở Kim tự tháp
Kêphoren**

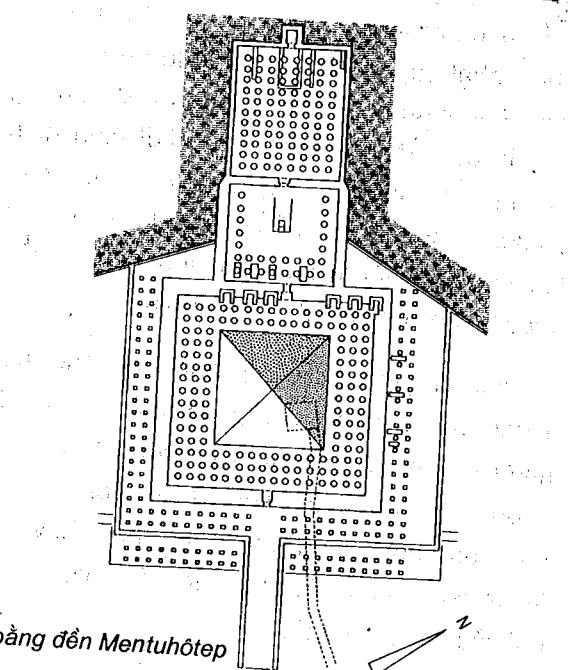


ở phía
một công
dụng. Đó là
Bahori (thuộc
đô trước CN). Tòa
thế kỷ này đã kết
tháp với một tòa biệt
tự có cột khổng lồ đứng sát
g nhau, dài 1200m rộng
nhìn đầu người mình sờ tay
nhân sân đèn (hình 44).

có mái hiên rộng với hai hàng
cột hoa cương. Một con đường dốc
lên mái hiên đền thứ hai. Đền này cũng
có hai hàng cột hiên nhưng to hơn loại cột ở
núi nhất.



43. Mặt bằng một phần
thành phố Cahun



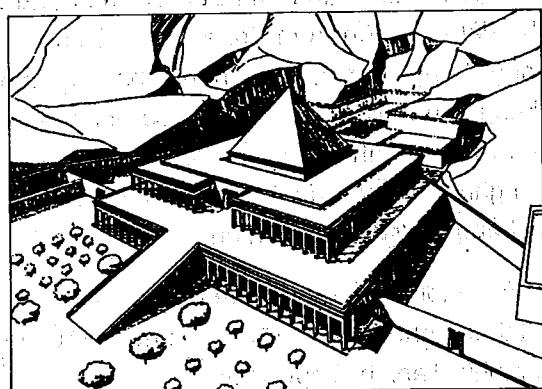
44. Mặt bằng đền Mentuhotep

Trong đền có phòng rộng với 140 cột đỡ mái. Khác với thời Cổ vương quốc, ở quần thể đền này tuy cũng có Kim tự tháp, nhưng không phải để chứa thi hài mà chỉ để làm chỗ tưởng niệm. Thi hài quốc vương được đặt trong hang đá phía sau. Một độ dốc thoải với các chiều cao cột khác nhau tạo tầm nhìn tốt và gây được nhiều ấn tượng sâu sắc. Cổng phía trước đặt thấp nhằm nhấn mạnh công trình sau và vẻ uy nghiêm đồ sộ của cả quần thể. Các tượng dọc hành lang kết hợp rất hài hòa với bố cục chung. Sự bố trí dây cột trên mặt chính là một cải tiến quan trọng. Nội thất đã được chú ý tối đa, nhấn mạnh sự đối xứng, có nhiều điêu khắc ở đại sảnh và sân trong, với bố cục mặt bằng phức tạp, như một biện pháp để phòng chống đột nhập (hình 45).

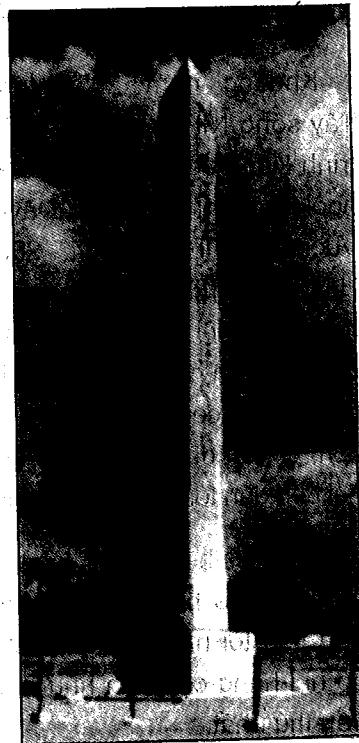
Cột ghi công (Obelisk)

Để ca ngợi những chiến công từ các cuộc chinh phạt, người Ai Cập dựng lên trước mặt các công trình hoặc trên quảng trường những cột đá cao hàng chục mét có tiết diện hình vuông, đỉnh nhọn, nay còn thấy một cột cao tới 30m, bốn mặt có khắc chữ và trên chóp có lớp hợp kim vàng, khi gặp ánh nắng chiếu vào thì chói loé lên rực rỡ (hình 46).

Nhìn chung, các công trình kiến trúc thời Trung vương quốc không có kích cỡ đồ sộ như các Kim tự tháp thời Cổ vương quốc, mà hướng nhiều vào cải tiến và tìm tòi sự độc đáo của không gian bên trong, phát huy vai trò trang trí của cột, và tăng đáng kể chiều dài của các ngôi nhà.



45. Toàn cảnh đền Mentuhotep



46. Obelisk

2.2.5. Kiến trúc thời kỳ Tân và Hậu vương quốc

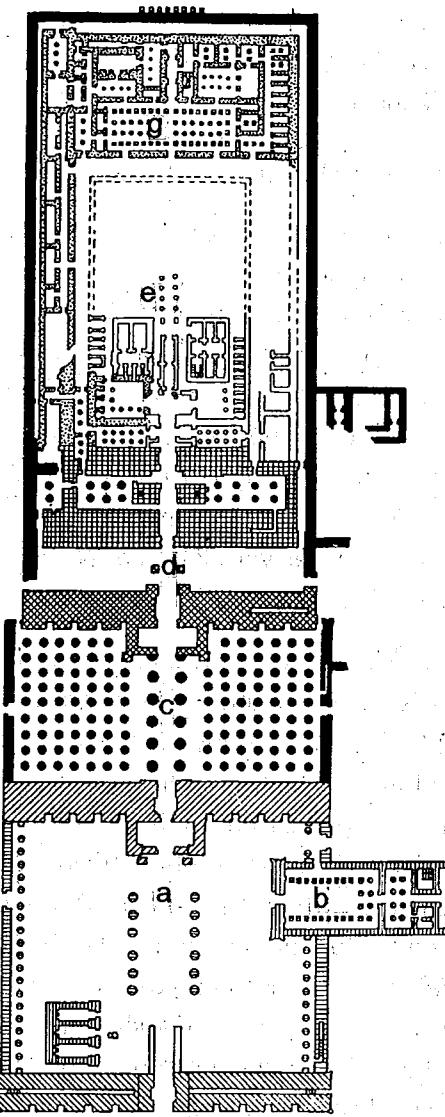
2.2.5.1. Kiến trúc thời kỳ Tân vương quốc (1600 - 1130 trước CN)

Vào thế kỷ thứ XVII trước CN, mâu thuẫn giai cấp ở Ai Cập trở nên khá gay gắt. Bạo động nổi lên khắp nơi, dẫn đến sự kiệt quệ về kinh tế, suy yếu về chính trị và ngưng trệ về xây dựng.

Tiếp theo là nạn ngoại xâm liên tiếp trong 140 năm.

Mãi tới đầu thế kỷ thứ XVI trước CN, quốc vương Ai Cập là lác Khômêch mới dẹp xong giặc ngoài, thống nhất đất nước, chính thức đặt nền móng cho thời kỳ Tân vương quốc. Thừa thế chiến thắng, các đời vua thời kỳ này tiếp tục chính sách xâm lược các nước láng giềng với quy mô lớn để mở mang bờ cõi, vơ vét của cải.

Đến thời Tumét III (thế kỷ thứ XIII trước CN), Ai Cập đã chinh phục được cả Libi, Nubi, Palextin, Penixi và Xyri, và trở thành một đế quốc lớn mạnh nhất trong vùng. Nhà nước nắm độc quyền buôn bán với nước ngoài. Quan hệ thương mại mở rộng tới các vùng quanh Địa Trung Hải như Tiểu Á Tế Á và Lưỡng Hà. Có thể nói thế kỷ XII - XI trước CN là thời kỳ thịnh vượng nhất của quốc gia Ai Cập cổ đại. Kinh tế hưng thịnh kéo theo những thay đổi về tôn giáo. Hình tượng thần Amôn (thần Mặt trời) từ Xiri - Palextin tràn vào như một cơn bão tinh thần, làm cho từ Quốc vương trở đi ai



47. *Mặt bằng
đền thờ Amôn
ở Karnac*

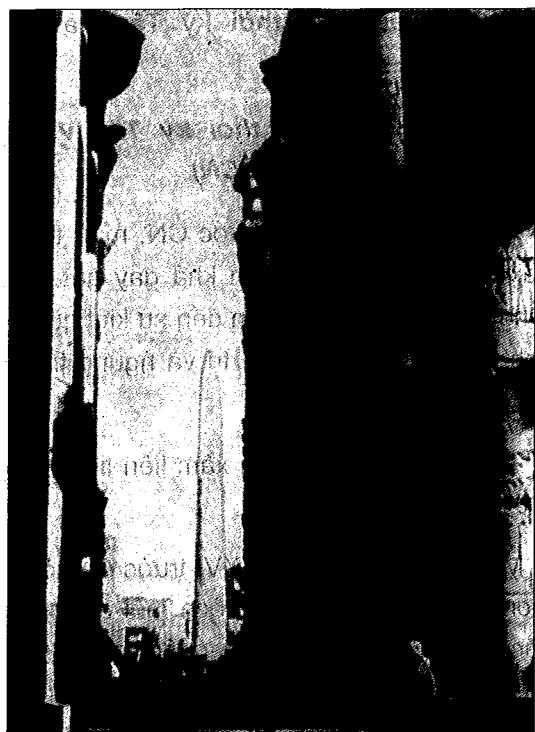
- a. Sân thượng
- b. Đền thờ Rāmxéch III
- c. Đền Xēti
- d. Sân trung
- e. Đền di tích trung đế
- 9. Đền Tumét.

ai cũng trở thành con của vị thần này. Từ đây người ta xây nhiều ngôi đền lớn để thờ thần Amôn (hình 47).

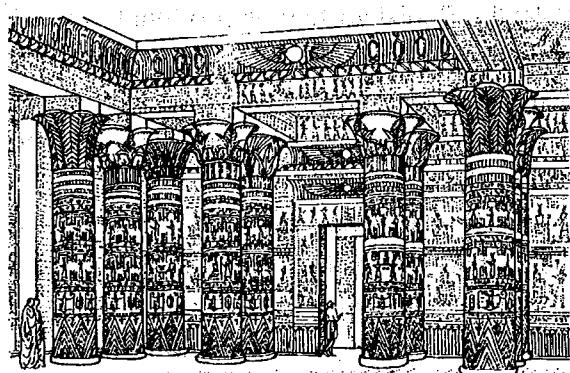
Đền thờ thần Amôn ở Karnac.

Vào cuối thế kỷ thứ XIV trước CN, người ta đã xây dựng tại Karnac thuộc Ai Cập cổ đại một ngôi đền lớn đạt trình độ nghệ thuật rất cao để thờ thần Amôn. Gian phòng chính rộng 13m dài 52m, với cả một rừng 160 cây cột đỡ mái. Cột giữa cao 20,4m, đường kính thân cột 3,57m. Hàng cột hai bên cao 16m, đường kính thân cột 3,44m. Trên khắp bề mặt tường và cột với diện tích 24,282m² có chạm khắc các hình người và cây (hình 48).

Một lối đi nằm ở trục chính, xuyên giữa các hàng cột dẫn đến phòng trong cùng là nơi đặt tượng thần Amôn. Ở đây việc chiếu sáng có một vai trò đặc biệt quan trọng. Khách thăm đền từ không gian đầy ánh sáng bên ngoài bước vào gian phòng có nhiều hàng cột tranh tối tranh sáng, rồi càng vào sâu càng mờ dần cho đến khi hẳn thì gặp nơi thờ thần. Điều này đạt được nhờ việc nâng dần sàn và hạ dần chiều cao cột. Với sự bố trí không gian và ánh sáng thay đổi, đặt nhiều tượng đá, bia đá, phù điêu, chữ khắc v.v... quần thể đền Amôn ở Karnac đã tạo được một sức mạnh huyền bí, tác động mạnh lên những tâm hồn mê tín dị đoan. Ngôi đền này đã tạo nên được sự thống nhất toàn vẹn của các hình nghệ thuật, kể cả nghệ thuật chiếu sáng, và là một điển hình kiến trúc đền đài cổ Ai Cập trong nhiều thế kỷ.



48. Các hàng cột trong đền Amôn ở Karnac



49. Đền thờ thần Amôn ở Luxor

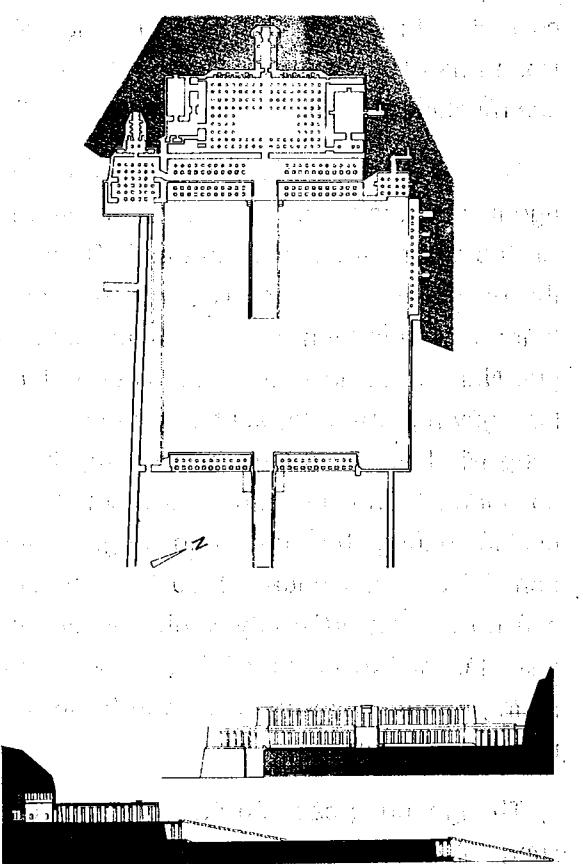
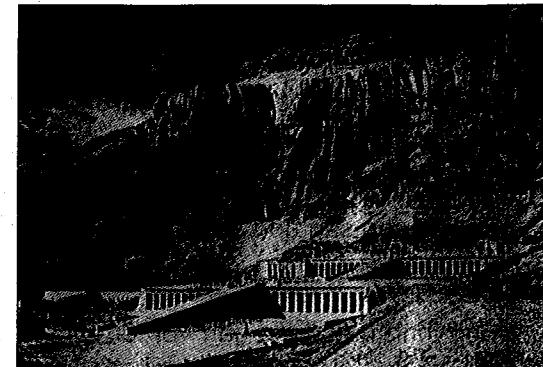
Cùng thời gian này loại đền thờ thần Amôn còn được xây dựng rất nhiều nơi. Nổi tiếng hơn cả phải kể đến đền thờ Amôn ở Lucxo thờ ba vị thần Amôn, do Quốc vương Amenjôtép III (thuộc Vương triều thứ XVIII 1402 - 1365 trước CN) xây dựng. Đền này có kích thước khổng lồ với chiều dài là 190m. Nơi lễ chính đặt ở phần trong cùng. Muốn tới đó phải qua một số gian rộng với nhiều hàng cột (hình 49). Các tường bao quanh đều được chạm khắc. Tuy cột có chiều cao gần 20m, nhưng nhờ ở tỷ lệ hài hoà và dáng đẹp đầu cột nên công trình tạo được vẻ đẹp giản dị, trang nghiêm và hùng vĩ.

Đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut

Tại Đâyel - Bahori ở gần đền thờ Mentuhôtеп có ngôi đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut, được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ XVI trước CN (hình 50).

Đền này có hình dáng và bố cục gần giống với đền thờ Mentuhôtеп, nối tiếp truyền thống lăng mộ các thời đại trước. Tượng, bia đá, phù điêu và các trang trí lộng lẫy ở cả bên trong lẫn bên ngoài là nét đặc trưng kiến trúc đền đài thời kỳ Tân vương quốc. Cũng giống như đền Mentuhôtеп, đền thờ Hoàng hậu được xây dựng trên ba cấp đồi khá lớn, tựa lưng vào các triền núi đá.

Trong đền không có nơi đặt thi hài. Dẫn lên đền là một con đường rộng, hai bên cứ 10m lại có hai cây cột, đỉnh cột có tượng mình hình thú, đầu hình mỹ nữ. Trên mặt tường và cột đều có khắc chạm nhiều hình ảnh mô tả sinh hoạt của quốc vương đương thời. Các



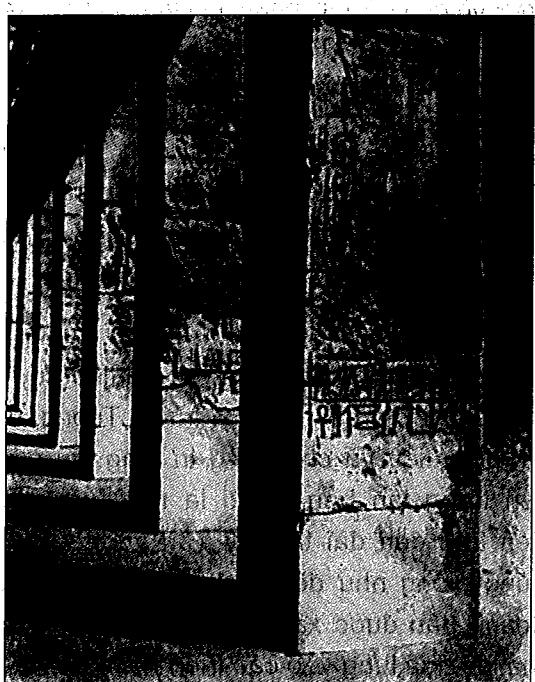
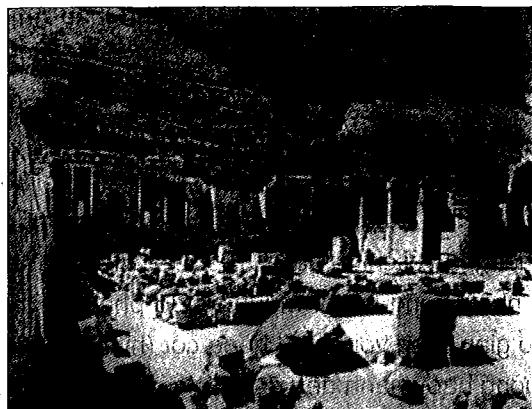
50. Toàn cảnh - Mặt bằng - mặt cắt
đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut

dải phù điêu và tranh màu được chạm khắc ở trên trần và quanh khu tiền đền. Bốn trăm bức tượng cùng với hệ thống cột trong nhà, ngoài hiên được dát kín vàng bạc, đóng vai trò quan trọng trong bố cục và trang trí nội thất, đã làm cho sân đền và khu nghĩa địa trở nên sinh động khác thường (hình 51, 52).

Công trình này được gắn với tên tuổi của tác giả thiết kế và xây dựng là Xenmút, người có một vị trí quan trọng dưới triều đại của Hoàng hậu Hatxepxut với tư cách là tác giả của rất nhiều đền dài.

Để đánh dấu những thắng lợi chống ngoại xâm và suy tôn mình, các quốc vương Ai Cập đều ra sức xây dựng thành Thebes - thủ đô của Ai Cập thời Tân vương quốc - thành một điển hình về nghệ thuật thời bấy giờ. Nhìn từ xa đã thấy thành Thebes hiện lên nguy nga tráng lệ, soi bóng xuống dòng sông Nil. Hai bên đường từ bờ sông đi lên có những tường đá, những dãy cột đá và bia đá, những tháp cao lùng lững. Những đền dài của vua chúa, nhiều biệt thự của chủ nô có sân vườn cây xanh bao quanh. Đền dài thường có mặt bằng giống nhau, nhưng trang trí mặt ngoài và bên trong nhà lại rất khác nhau.

Thông thường các đền dài có bố cục cân xứng. Mặt bằng hình chữ nhật kéo dài, có tường dày bao quanh. Đường rộng dẫn tới cửa đền có đặt các tượng đá đầu người mình thú. Lối vào đền hẹp, hai bên có tháp cao đồ



51. 52. Sân đền và nội thất
đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut

sô. Mặt tường cũng thường được chạm trổ cảnh sinh hoạt của vua chúa.

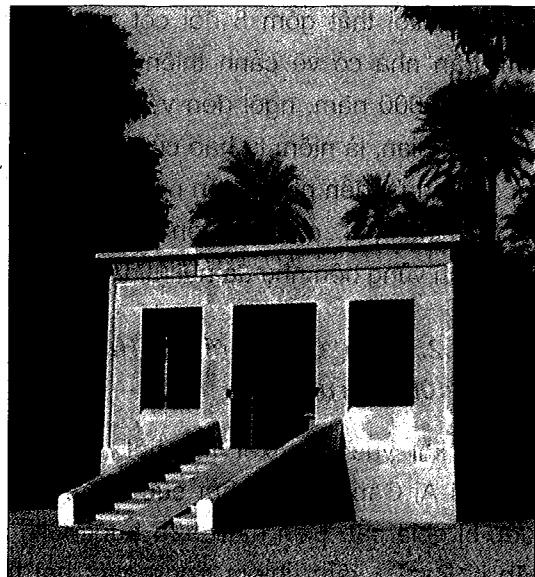
Trong bố cục của mỗi ngôi đền đều có sự phân khu theo đẳng cấp: dân thường thì tụ tập ở ngoài sân, chủ nô và quan lại được vào các gian có cột. Chỉ có Quốc vương và quân thần mới được vào tới nơi thờ cúng ở phía trong cùng.

Tại Karnac vào thời kỳ này còn có ngôi đền “Trắng”, có mặt bằng hình vuông ($8m \times 8m$) với 16 cột thờ Vua Xesostris I (1980 - 1935 trước CN), khá tiêu biểu cho loại đền dài quy mô nhỏ (hình 53).

Trong thời Tân vương quốc, người ta còn xây một số đền đúc vào lòng núi đá, nhưng bối cảnh và trang trí không có gì khác biệt so với những ngôi đền xây ngoài trời.

Đền thờ Rămxet III

Một ngôi đền khác khá đồ sộ và độc đáo ở thời kỳ Tân vương quốc là đền thờ Quốc vương Rāmiset III ở Abu Simbel, tọa lạc trên bờ Tây sông Nil. Một con đường nối thẳng từ bờ sông đến tận cổng đền. Hai bên cửa vào có hai tượng Rāmiset III khổng lồ cao tới 20m. Hai hình người phụ nữ cao bằng người thật đặt dưới chân tượng càng làm tăng thêm cảm giác về vẻ uy nghi của tượng. Mặt chính đền quay về hướng Đông - Đông Nam để khi mặt trời mọc, những tia nắng sớm rực rỡ có thể chiếu thẳng vào tận gian đặt tượng ở trong cùng. Qua cửa là gian thờ dài 55mduc vào



53. Đền Trắng ở Karnac

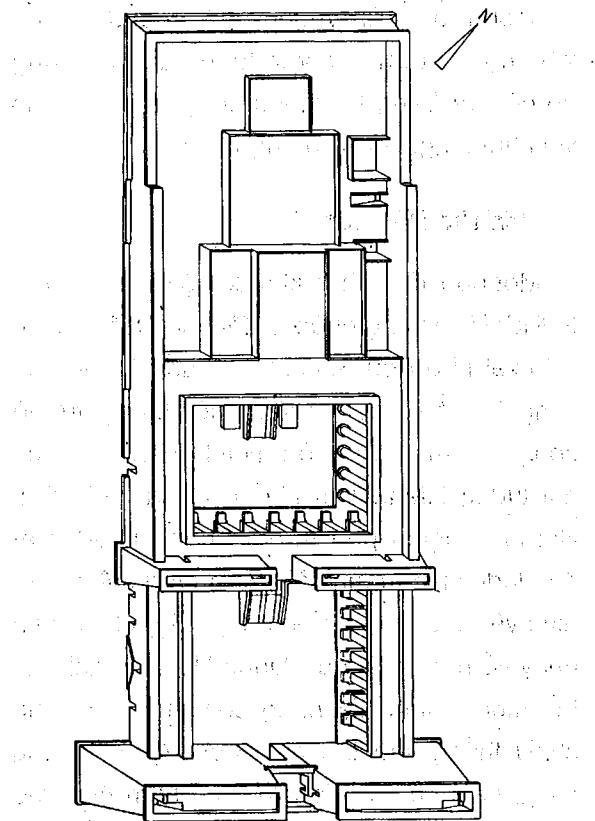
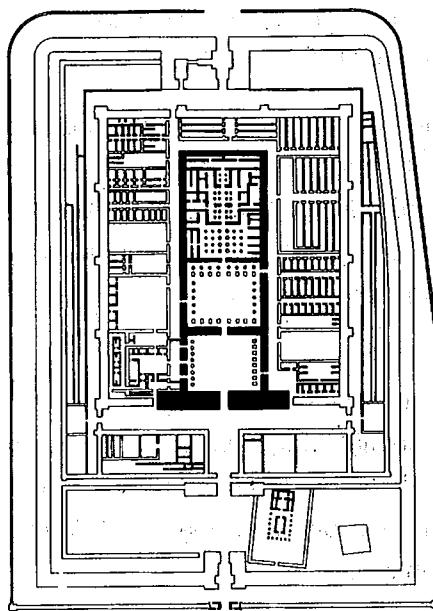
hang đá. Nội thất gồm 8 đôi cột to, cao tới 10m, trần nhà có vẽ cảnh thiên đường. Trải qua trên 3000 năm, ngôi đền vẫn đứng vững cùng thời gian, là niềm tự hào của đất nước Ai Cập. Kiến trúc đền như muốn nói lên ý đồ của giai tầng thống trị : chính quyền trị vì Ai Cập có sức mạnh vững bền như đá núi (hình 54).

2.2.5.2. Kiến trúc thời kỳ Hậu vương quốc (1100-30 trước CN)

Sau khi vua Rāmxet III chết, tình hình chính trị Ai Cập trở nên hết sức rối ren. Đất nước bị chia cắt. Đến năm 525 trước CN, Ai Cập bị Ba Tư xâm chiếm trong suốt hai thế kỷ. Giai đoạn này không có công trình xây dựng nào đáng kể. Vào năm 332 trước CN, Ai Cập đã hoàn toàn bị Hy Lạp hoá, mà bằng chứng rõ rệt nhất là việc xây dựng thành phố Alêchxandri thành một trung tâm thương mại lớn theo kiểu Hy Lạp, có hệ đường phố hình bàn cờ.

Đền Hora ở Edphu

Đền Hora là một công trình điển hình trong loạt đền đài thời Hậu vương quốc, được khởi công vào năm 237 trước CN, và thời gian xây dựng bị kéo dài tới 180 năm. Thành phần chính của đền cũng tương tự như các đền đài trước đó: cổng đền, sân trong, cửa vào, các hàng cột, hậu cung và nơi tế lễ, theo cách bố cục đối xứng. Tường cao 35m, rộng 76m, hai mặt bên hơi nghiêng tạo nên một vẻ đẹp vừa vững chãi, vừa uy nghi (hình 55).



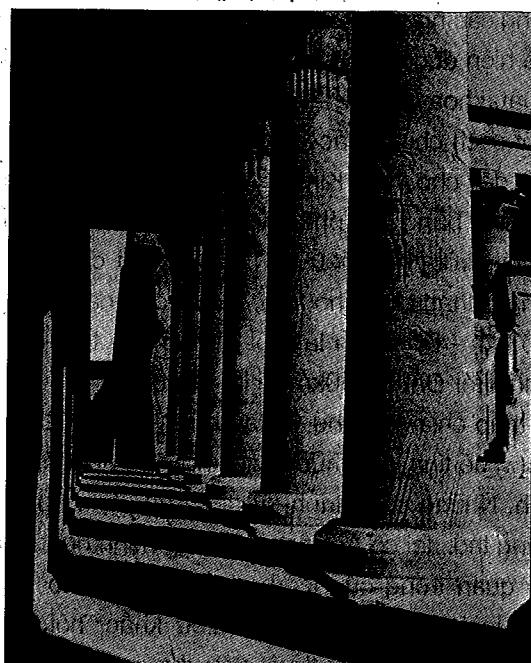
54. Tổng mặt bằng và phối cảnh
đền thờ Ramxes III ở Ambuximbel
1175 trước Công nguyên

25 năm sau ngày khởi công (năm 215 trước CN) việc xây dựng bị tạm đình, phải chờ 65 năm sau (năm 147 trước CN) đền mới được trang trí bằng chạm khắc và bích họa, và năm 57 trước CN toàn bộ ngôi đền này mới được xây xong. Tuy bị kéo dài, nhưng công trình vẫn giữ được sự bố cục hoàn chỉnh và nhất quán. Tại đây người ta cũng đã áp dụng kiểu tường xây quanh điện thờ để ngăn chặn không cho dân chúng tràn vào một cách ô ạt (hình 56).

Đến năm 30 trước CN, Ai Cập bị mất chủ quyền và rơi vào tay đế quốc La Mã. Từ đây, kiến trúc cổ Ai Cập cũng bắt đầu có sự chuyển đổi, rõ nét nhất là ở việc dùng các thức cột phức tạp. Tuy nhiên, kiến trúc giai đoạn này nhìn chung vẫn còn kế thừa được khá nhiều truyền thống của đất nước Ai Cập cổ từ các triều đại trước đó.

2.2.6. Nhận xét chung

Bằng các công trình kiến trúc hết sức độc đáo về quy mô và hình khối, người Ai Cập cổ đại đã sáng tạo ra thể loại kiến trúc các công trình kỷ niệm có sức truyền cảm cao. Ở đây đã sớm định hình những kiểu đền có cột và nhiều dãy hành lang bao quanh mà sau được phát triển nhiều ở các công trình của người Hy Lạp - La Mã (hình 57). Cũng từ đây đã ra đời kiểu cửa mái dùng để chiếu sáng những không gian rộng lớn bên dưới, tạo được sự hòa quyện giữa sa mạc mênh mông, núi non trùng điệp, sông nước, mây trời với các công trình kiến trúc và điêu khắc. Những người Ai Cập cổ đã sớm sử



55. Hàng cột hiên trong đền Hora ở Edphu



56. Đền Hora ở Edphu



57. Quần thể đền dài ở Karnac

dụng các nguyên tắc hình học vào công trình và thể hiện được trong một quần thể các yếu tố kỹ thuật, khoa học tính toán, nghệ thuật điêu khắc một cách chuẩn xác và tinh vi. Những thông tin mới đây cho thấy: Kim tự tháp Khêôp cao 147m chính là bằng một phần tỷ khoảng cách Trái Đất - Mặt Trời (147 triệu km). Chiều dài các cạnh Kim tự tháp chia cho 365 ngày trong năm bằng 0,635m - Đó chính là một phần mười triệu bán kính Trái Đất (6350km). Hai lần chiều cao Kim tự tháp chia cho chu vi đáy bằng 3,1416, là số Pi (π) để tính kích thước các khối cầu - các hành tinh. Những công trình kỷ niệm đầy tính hoành tráng thời đại cổ Ai Cập đã chứng minh được vai trò quan trọng của kiến trúc trong việc tổ hợp các loại hình nghệ thuật (điêu khắc, hội họa v.v...) cũng như kỹ thuật xây dựng, xứng đáng với vai trò hoạch định các kế hoạch cho toàn bộ hoạt động của những chuyên ngành này (hình 58, 59).

2.3 - KIẾN TRÚC CỔ LƯƠNG HÀ

2.3.1. Bối cảnh thiên nhiên - xã hội

Lưỡng Hà tiếng Hy Lạp là Mesopotami, có nghĩa là vùng đất giữa hai sông, nằm kẹp giữa hai con sông Tigơr và Ophorát. Nơi đây đất đai phì nhiêu; có nhiều đường giao thông chính nối vùng núi cao với sa mạc rộng lớn, nối Địa Trung Hải với vùng Cận Đông. Vùng đất này cũng trù phú sầm uất không kém gì Ai Cập, từng vang bóng một thời với tên gọi "Thiên đường nơi trần thế" (hình 60).

Ở đây đã từng tồn tại các đô thị nổi tiếng như Jerusalem (nay thuộc Palestin), Amirth



58. Điêu khắc trong kiến trúc cổ Ai Cập

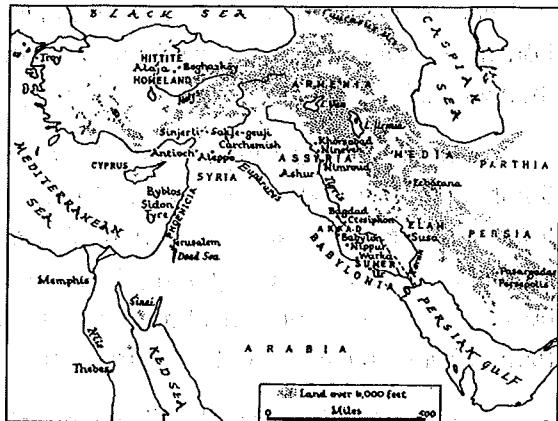


(thuộc Syrie), Babilon, Ninivơ, Ashur, Ur (đều thuộc Irắc ngày nay).

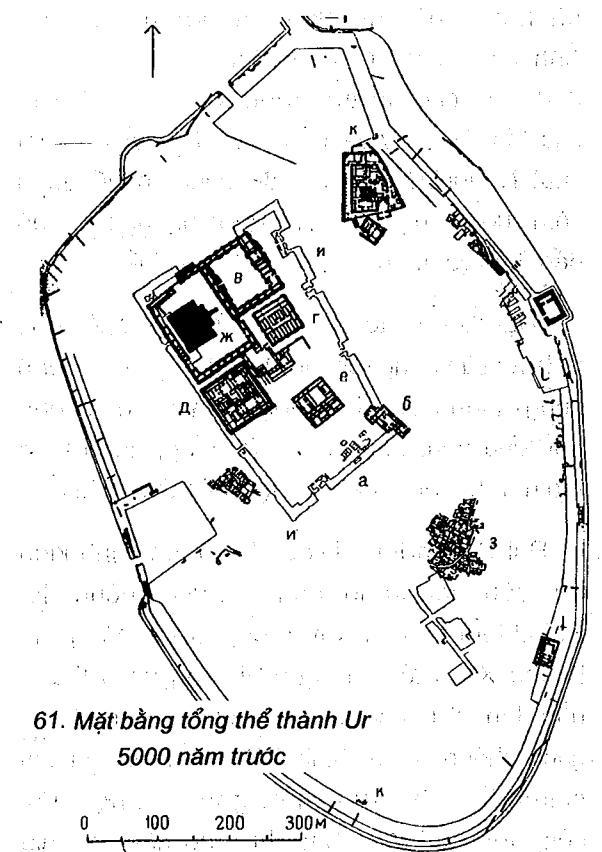
Ngay từ thời xã hội nguyên thủy, ở phía nam Luồng Hà đã có nhiều công trình thủy lợi. Là vùng đất có đồng bằng phẳng rộng, nhiều màu mỡ, đầu mối của những tuyến đường giao thông quan trọng, nên Luồng Hà luôn là đối tượng giành giật giữa các quốc gia. Suốt 200 năm (thế kỷ thứ IV và III trước CN), chiến tranh liên tiếp xảy ra.

Nền văn minh cổ Luồng Hà có từ 4000 đến 5000 năm trước CN và phát triển song song với nền văn minh Ai Cập (hình 61). Những con người trên mảnh đất này là những nghệ sĩ tạo hình tài hoa, giỏi thiên văn, biết nấu sắt, cũng chính là những người đầu tiên đã nghĩ ra chữ viết và đã xác định được độ dài của một năm là 365 ngày. Luật pháp được khắc vào đá, đặc biệt nghiêm khắc với nhà giàu. Phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới.

Vì ở vào nơi bình địa nên vùng này không có núi, không có đá. Vật liệu xây dựng chính là gạch không nung và gạch nung, trong đó có những mẫu gạch men nhiều màu khá độc đáo. Chất kết dính là nhựa đường. Những cây lau sậy dài bện thành tấm phủ đất sét làm tường, hoặc trộn trong đất đầm kỹ dùng để lát nền. Lều sậy xây dựng theo cách này thường có mặt bằng hình tròn hoặc bầu dục.



60. Bản đồ vùng Luồng Hà cổ đại TK VIII trước CN



61. Mặt bằng tổng thể thành Ur
5000 năm trước

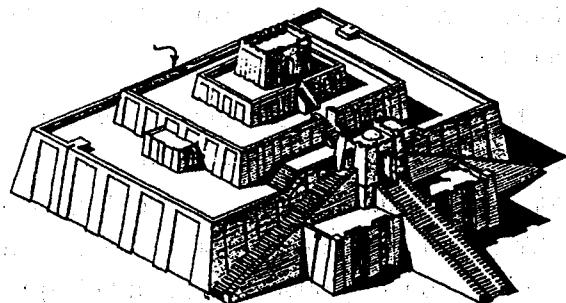
Khác với người cổ đại Ai Cập coi trọng linh hồn người chết, người Lưỡng Hà cổ đại thờ thần và sùng bái thuật chiêm tinh.

Đền đài ở đây xuất hiện trước cả sự hình thành nhà nước. Đền thờ Tepe Gaura có trước nhà nước 20 năm. Đền Eridu có trước nhà nước 16 năm, được xây dựng đồ sộ và có bố cục đối xứng. Đền lớn nhất là đền Uruk ($80m \times 50m$) xây vào năm 3000 trước CN.

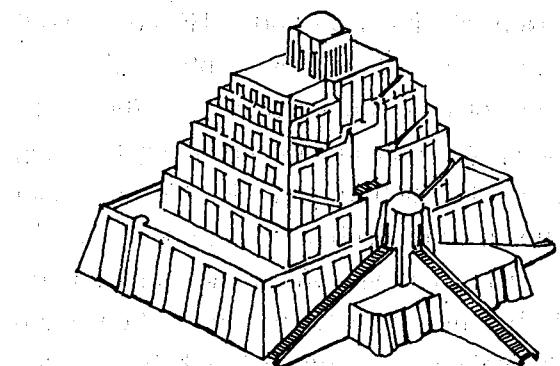
Các đền đài cổ Lưỡng Hà nói chung đều mang nặng tính công cộng. Tường xây bằng gạch mộc gần như kín đặc, không cửa sổ. Ánh sáng lấy từ những khe trên mái. Nền được tôn cao để tránh lụt. Mái bằng làm từ các tấm lau sậy ken lại, trát đất sét rồi miết chặt. Người Lưỡng Hà cổ đại cũng đã biết dùng vòm cuốn bằng gạch vượt được những khẩu độ đến 3m. Đá được sử dụng rất hạn chế.

Đại điện Crítơ (thế kỷ thứ XVI - XV trước CN) với sân trong rộng tới $1.650m^2$ ($55m \times 30m$) xung quanh có nhiều loại nhà để ở, phòng ngự của vua, nhà kho, các cổng, hành lang tạo nên huyền thoại về một nơi hết sức bí ẩn.

Đài Chiêm tinh (Digurat) là loại hình kiến trúc tiêu biểu trong toàn khu vực Lưỡng Hà. Đài chiêm tinh Ur xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ XX trước CN gồm 4 tầng và 3 thang dẫn lên đài, các tường xây nảy trụ, bằng gạch không nung (hình 62). Điểm hình là đài chiêm tinh thờ vua Hier, gồm 7 tầng. Đây công trình $65m \times 43m$, thu nhỏ dần về phía trên. Tường dày xây bằng gạch mộc, chân



62. Đài chiêm tinh ở Ur thế kỷ XX trước CN



63. Đài chiêm tinh ở Dur Sarukin

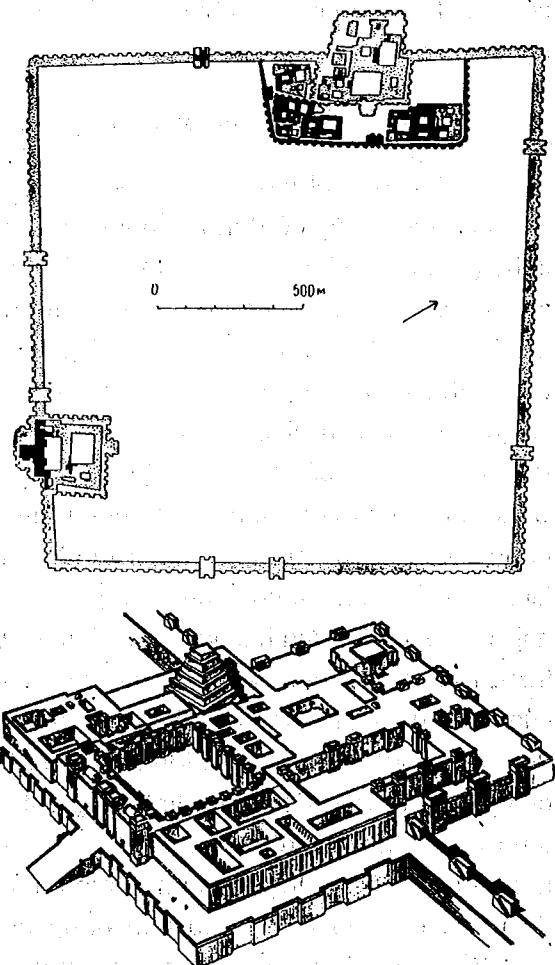
hơi choai, mặt ngoài được ốp bằng gạch nung (hình 63).

2.3.2. Kiến trúc Assyri và Tân Babilon (thế kỷ VII - VI trước CN)

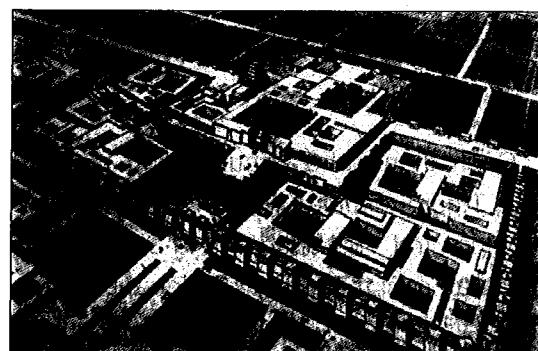
Assyri là một quốc gia nằm ở khu vực Tây Bắc Lưỡng Hà (Đông Bắc Iran ngày nay). Nhờ vào chiến tranh, nước này đã nhanh chóng trở thành một cường quốc. Các con đường chiến lược, các cầu bằng gỗ, đá, nhiều kênh rạch và đê đập, các công trình quốc phòng được xây bằng những khối đá lớn mọc lên khắp nơi. Đến thế kỷ thứ VIII - VII trước CN, Assyri đã thống nhất được toàn bộ vùng Đông Árập rộng lớn và đạt đến độ hưng thịnh nhất, đặc biệt dưới thời Vua Assuabibal (669 - 626 trước CN). Trị vì bằng kết quả của chiến trận, nên tính chất quốc phòng đã in dấu lên hầu hết các công trình : đường chiến lược, cầu, kênh bằng đá. Trong các công trình dân dụng, vật liệu đá chỉ được dùng để làm móng và để ốp mặt tường ngoài nhà.

Nhà ở xây tường rất dày bằng gạch nung. Nhà có sân trong, thường được ghép thành dãy.

Nằm ở vùng trung lộ phía Tây sông Tibor, trên dốc núi cao 25m, thoải dần về phía sông, thành phố Assur được xây dựng từ 5000 năm trước, nhưng hưng thịnh dưới đế chế Assyri (khoảng 1300 trước CN). Đây là một đầu mối giao thông quan trọng của vùng Lưỡng Hà nhằm mục đích phòng vệ. Những kiến trúc chính ở đây được đặt vào vị trí hiểm yếu. Cung điện nhà vua đặt ở phía Tây Bắc,



64. 65. Mặt bằng thành Dur Sarukin và cung điện Sacgon II



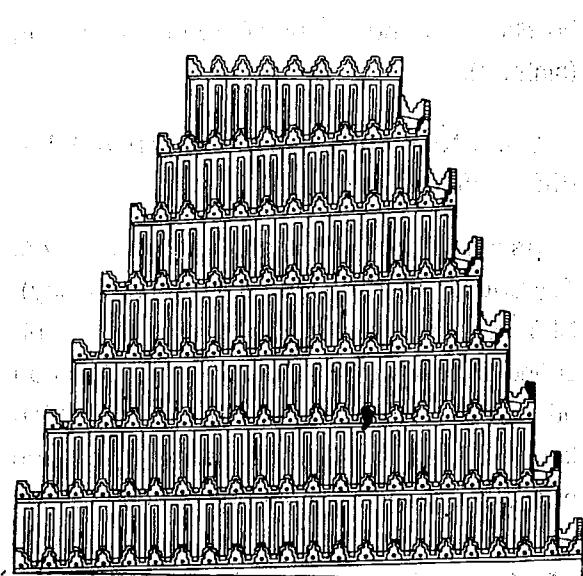
có một phần nằm lấn ra phía ngoài thành để tiện đường tiến thoái khi có sự cố.

Thành Dur - Sarukin và điện Sacgôn II

Là thủ phủ dưới thời vua Sacgôn II (hình 64, 65), thành này có dạng gần vuông rộng 30ha ($1780m \times 1685m$), trong đó có 17ha đất trên bệ cao 18m, có tường dày bao quanh dài 7km, cao 18m, ngoài ốp đá vôi. Ngay sát tường thành phía trong có một công trình chính yếu rất điển hình cho kiến trúc phòng thủ của Assyri - đó là cung điện Sacgôn II. Cổng chính của công trình được nhấn mạnh bằng hai tháp cao có phù điêu trang trí đắp hình những con ngựa có cánh. Cổng chính và hai cổng phụ đối xứng hai bên dẫn tới một sân trong rộng gần 1 ha. Đây chính là trung tâm của cung điện. Hai bên và phía sau sân có 200 phòng với 30 sân vườn lớn nhỏ. Kề bên cung điện là một đài chiêm tinh (Digurat) 7 tầng cao 40m đặt trên bệ rất cao. Sân và nền được lát bằng loại gạch mỏdaich hoặc đá trang trí. Lớp trát tường làm bằng hỗn hợp đất sét và thạch cao. Cửa làm bằng gỗ, có khuôn viên đồng. Công trình có hệ ống thông gió và các mái che phòng lớn bằng cuốn vòm (hình 66).

Thành Ninivơ

Cách thành phố Assur không xa, ngược sông Tigord về phía Bắc còn có thành Ninivơ, được con trai Vua Sacgôn II là Sirakharip xây dựng vào cuối thế kỷ thứ VII đầu thế kỷ thứ VI trước CN. Sau khi rời đô từ Dur - Sarukin về



66. Phục chế Đài chiêm tinh ở Dur Sarukin

đây, vị vua trẻ đã đầu tư một số tiền của xa hoa chưa từng thấy vào xây dựng thủ đô này.

Một bức tường dài 12km với 15 cổng bao quanh thành. Một cung điện đồ sộ, tựa lưng vào núi. Trải ra trước mặt là vườn cây rộng lớn với các hồ nước nhân tạo. Các loài cây quý, hoa thơm vật lạ được mang từ các nơi trong nước đến. Nội thất được trang trí bằng các hình đắp ngựa và bò có cánh. Nhà vua cho đào một con kênh lớn, lòng kênh rộng 20m để dẫn nước làm mát cho thủ đô. Kênh xây lát bằng đá, chảy quanh co, lúc qua đường hầm, lúc vượt thung lũng bằng các cầu dẫn nước. Nhà vua Sihakharip rất tự hào về công trình này.

Thành phố Babilon

Thế kỷ thứ VIII trước CN, nhà vua Hamurabi vừa khai sinh ra thành Babilon chưa được bao lâu thì bị quân Assyri tràn vào tàn phá. Người dân ở đây đã phải tiến hành một cuộc chiến tranh tự vệ kéo dài. Mãi đến thế kỷ thứ VII trước CN, sau thắng lợi đánh đuổi quân Assyri, Babilon mới được phục hồi và mở mang xây dựng, và ngày càng trở nên phồn thịnh. Đóng vai trò nổi bật trong công cuộc giải phóng và chinh phục cả một lãnh thổ rộng lớn từ Syrie đến Ai Cập là nhà vua Nebihadrezan (605 - 561 trước CN). Mang khát vọng về sự phồn vinh và quyền lực, ông vua này đã ra sức xây dựng Babilon thành một đô thị tráng lệ và sầm uất. Nằm trên đường giao thông buôn bán quốc tế, nên thành phố đã mau chóng trở thành trung tâm lớn không những của vùng Trung cận

Đông mà còn có ý nghĩa với cả thế giới cổ đại lúc bấy giờ. Người Babilon coi thành phố của mình là trung tâm của cả khu vực, là chủ chốt về tôn giáo của toàn vùng Lưỡng Hà. Trong thời kỳ hưng thịnh nhất, thành phố đã có tới 200 nghìn dân.

Thành Babilon có 4 mặt gần chữ nhật (hình 67). Tường thành gồm hai lớp: lớp ngoài dài tới 30km, lớp trong dài 18km, rất kiên cố với nhiều hào sâu và tháp canh. Dòng sông Ophrat chảy qua chia thủ đô ra làm hai phần Đông - Tây, nối với nhau bằng 3 cây cầu. Cầu lớn nhất dài tới 123m. Thành phố có 7 cổng lớn, mang tên 7 vị thần. Trên mỗi cổng có lầu cao, được xây dựng với chất lượng hoàn hảo. Gạch ốp là loại gạch gốm men màu lam ngọc lóng lánh với hình những loài thú hiếm. Phần trên cùng của cổng được nới rộng, có kết thúc kiểu răng cưa. Cổng chính gọi là Ixta cao 8m dẫn vào con đường lớn gọi là Đường Rước lễ, cớ cánh cửa và then cửa bằng đồng. Trên cổng chính là 4 chòi cao có mặt bằng hình vuông.

Đại lộ mang tên "Đường Rước lễ" rộng 26m nối liền từ cửa Ixta tới quảng trường Macđúc. Vào những ngày đại lễ, khách từ La Mã, Ai Cập, Xyri..., những nhà quý tộc lớn nhỏ đều chen chúc nhau trên con đường này để đến đền thờ thần Macđúc cầu khấn (hình 68, 69).

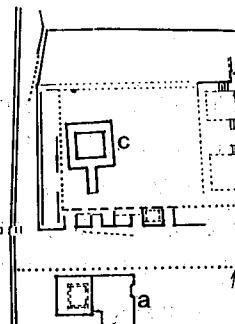
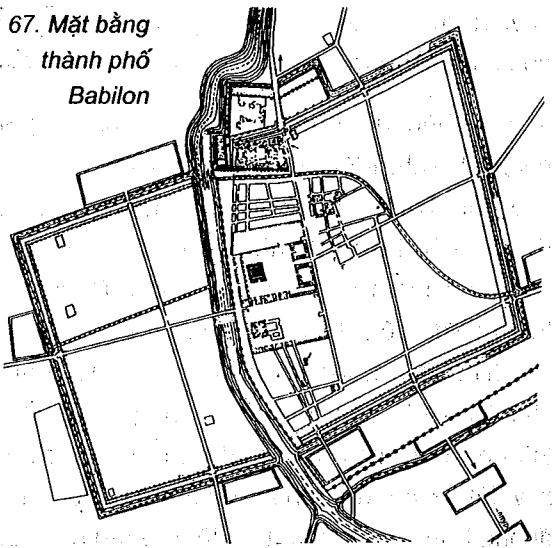
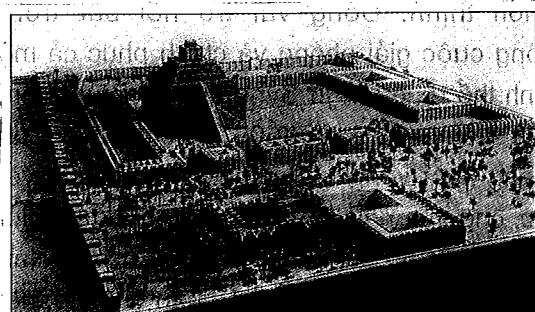
Thành phố Babilon có 53 đền loại lớn và hàng trăm đền thờ loại nhỏ. Tiêu biểu nhất trong số này là đền thờ Macđúc.

Đền thờ Macđúc - Thần của các vị thần, người bảo hộ thành Babilon - được đặt tại

67. Mặt bằng

thành phố

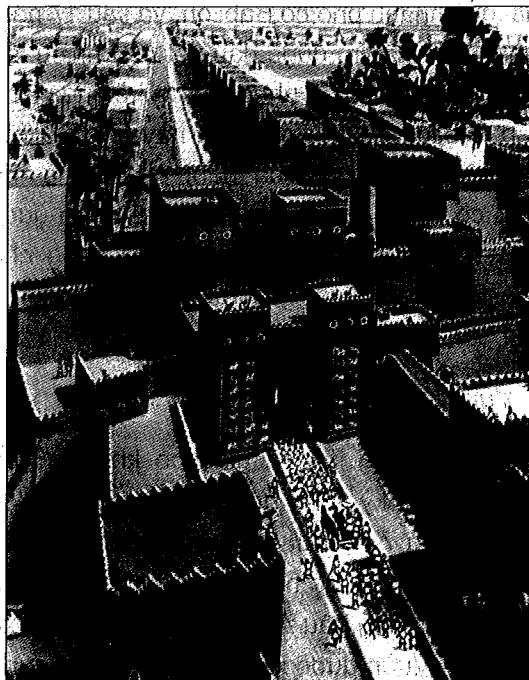
Babilon

68. Đền thờ thần Macđúc (a),
đường rước lễ (b)
và tháp Babilon (c)

trung tâm thành phố. Khu đền này có mặt bằng hình vuông chiếm một diện tích lớn đến 16 ha, được bao bọc bằng hai lớp tường dày với 12 cổng lớn. Tường bao màu trắng có các khối nảy trụ màu xanh cách đều nhau. Chân tường màu đen.

Trước khi vào đền, khách hành hương phải qua một hệ không gian phức tạp với tầng tầng lớp lớp cửa, nhằm làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm cho ngôi đền. Ngay gần cổng vào khu đền có hai tòa nhà hình chữ nhật với nhiều phòng giống nhau đặt xung quanh sân trong. Tầng dưới cùng là một khối vuông có cạnh dài 90m, cao 30m, bao gồm nhiều phòng với các giường nằm bằng vàng tỏa ánh sáng rực rỡ. Tầng hai nhỏ hơn, cao 18m. Càng lên trên, các tầng càng nhỏ và thấp dần. Nơi thờ thần Macđúc và vợ là nữ thần Bình minh Xácpanhit được đặt ở tầng trên cùng, có cầu thang dẫn lên từ bốn phía.

Đối diện với khu đền Mácđúc còn có một tòa tháp đã đi vào huyền thoại - có tên gọi là tháp Babilon (hay Babel). Nhìn vào tháp, người ta có thể liên tưởng đến chiếc cầu vồng nhờ sự biến hoá màu sắc một cách uyển chuyển, sinh động. Điều này rất phù hợp với ý muốn của tôn giáo là làm một ngọn tháp tượng trưng cho "lối đi lên trời". Nơi cao nhất là chỗ thờ chỉ có các thày tu và giới quý tộc mới được lui tới. Người Babilon định "xây dựng một tháp thật cao để lên trời" nhưng theo truyền thuyết thì tháp này chưa bao giờ được xây xong vì nó luôn là sự xung khắc giữa muôn vật và trời. Hình thù tháp ra sao, mỗi thời đại vẽ lại một khác. Mãi đến thế kỷ XIX, nhà khảo cổ người Đức Côdivây



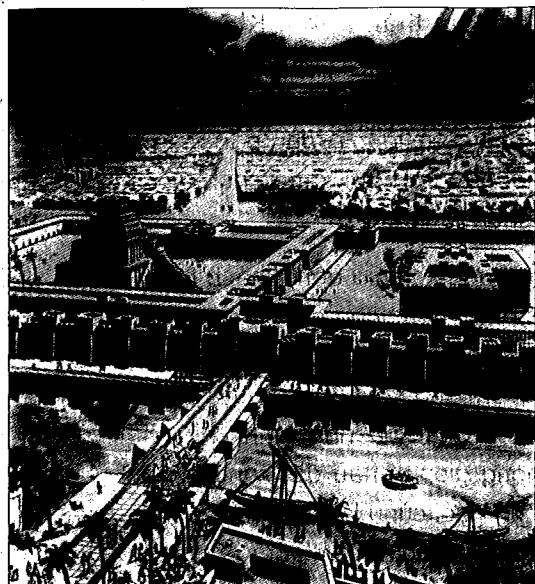
69. Cổng chính Ixta dẫn vào đường rước lễ

khai quật thành phố cổ Babilon, và sau 17 năm nghiên cứu đã tìm được dấu vết của nhiều lâu đài nổi tiếng. Ông đã phục chế và vẽ được hình tháp Babilon. Không ngờ sau này nó lại giống như một kiểu Digurat của thành phố Ur mà nhà khảo cổ người Anh Lêôna Ulê phát hiện được năm 1928. Ngày nay nhiều người cùng cho tháp Babilon là một Digurat 7 tầng cao 90m (hình 70, 71).

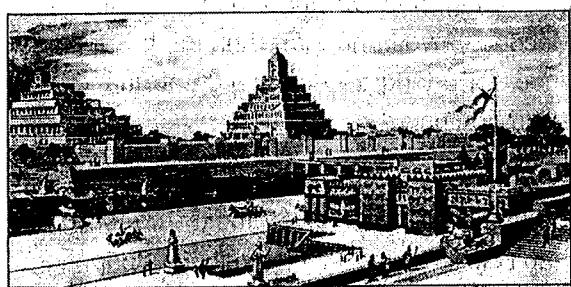
Vườn treo Babilon

Babilon lộng lẫy và giàu có khi xưa còn làm nên một kỳ tích - đó là vườn treo Babilon - một trong 7 kỳ quan của thế giới cổ đại. Đây là món quà của nhà vua Nebuchadreza tăng cho Hoàng hậu Amitido, là công chúa xứ Medes*. Vườn được xây bên sông, gần cung điện của nhà vua. Do được xây trên một gò cao nên từ rất xa đã có thể nhìn thấy khu rừng xanh bát ngát như đang treo lơ lửng trong không trung. Vườn treo này có 4 tầng, có đáy vuông $246m \times 246m$ và tầng trên cùng vuông $123m \times 123m$, mỗi tầng cao 25m. Toàn bộ vườn treo cao gần 100m với nhiều cầu thang rất rộng.

Cách cấu tạo mỗi tầng đều rất khoa học, bao gồm những cột cao kết thúc bằng các vòm. Hệ cột này gồm các hàng 25×25 cột (625 cột) ở tầng một, 21×21 cột (441 cột) ở tầng hai, 17×17 cột (289 cột) ở tầng ba và 13×13 cột (169 cột) ở tầng trên cùng. Nền



70. Cầu qua sông Ophrat dẫn vào đền thờ Macđuc (phải) và tháp Babilon (trái)



71. Đường dẫn đến tháp Babilon

* Có sách cho rằng vườn treo này do Hoàng hậu Xemiranux xây dựng từ trước đó hàng thế kỷ (?)

của mỗi tầng đều làm bằng những khối đá tầng dài 5m rộng 1,2m trên phủ một lớp lau sậy, rồi đến một lớp nhựa đường. Tiếp đó có một lớp gạch, và cuối cùng phủ một lớp chì.

Trên mỗi tầng của vườn treo, người ta đổ những lớp đất phi nhiêu đủ dày để cho các loại cây cối mọc tươi tốt, kể cả cây cổ thụ. Việc chống thấm cho các sàn được thực hiện rất tốt.

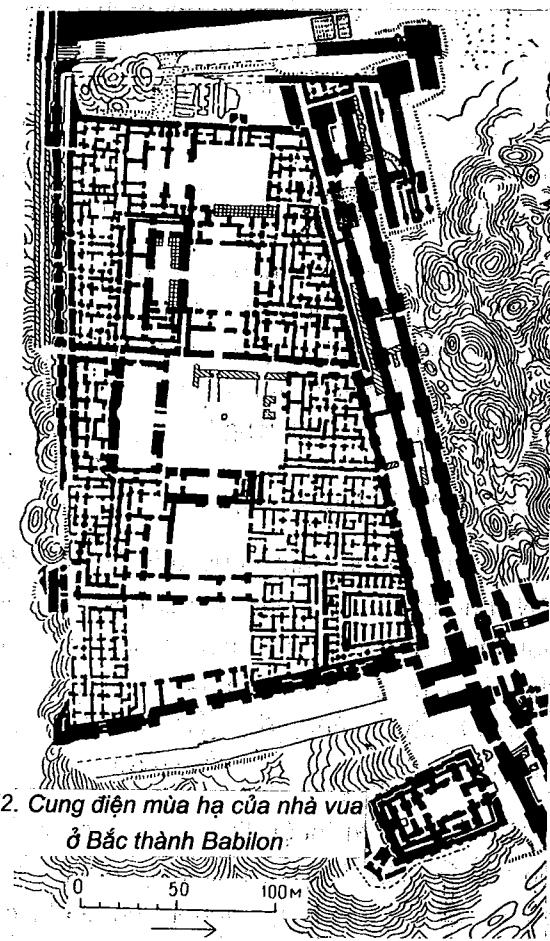
Một hệ thống guồng thủy lực và ống dẫn nước từ ba giếng và từ sông Ophrat lên chứa đầy vào các bể nước lớn đặt ở từng tầng để cho hàng trăm nô lệ hàng ngày dùng gầu lấy nước từ bể chứa tươi cho cây cối.

Nhà vua cho tìm khắp đất nước các loại kỳ hoa dị thảo về trồng trong vườn treo. Do được đặt ở đầu hướng gió mát nên hoa tỏa được hương thơm ra toàn thành phố Babilon.

Vườn treo có một không hai trên thế giới này làm cho thành phố Babilon đã nổi tiếng càng thêm nổi tiếng khắp cả vùng Trung Cận Đông và Địa Trung Hải.

Sự tồn tại trong suốt bao thế kỷ của một vườn treo cao hàng trăm mét xứng đáng được xem như một kỳ quan. Nó đòi hỏi cả sức lực lẫn trí tuệ. Các nhà xây dựng đã tính toán để đảm bảo được sức chịu tải của hàng ngàn tấn đất đá. Các chuyên gia nông nghiệp đã lựa chọn giống cây, chất đất, cách chăm bón để duy trì được sự sống của biết bao loài hoa lá, cỏ cây.

Nhưng thật đáng tiếc là vào thời kỳ đầu công nguyên, những trận lụt lớn kéo dài tràn vào thành phố đã làm mục rữa các bức tường,



72. Cung điện mùa hạ của nhà vua
ở Bắc thành Babilon

khiến cho mọi công trình đều bị hư hại nặng. Hàng thế kỷ sau đó, thành phố không hề được tu sửa, không có xây dựng gì thêm, nên cứ đổ nát dần, ngày càng hoang phế. Thành phố Babilon lộng lẫy và giàu có khi xưa chìm ngập dần vào những lớp đất sâu tới 10m (hình 72).

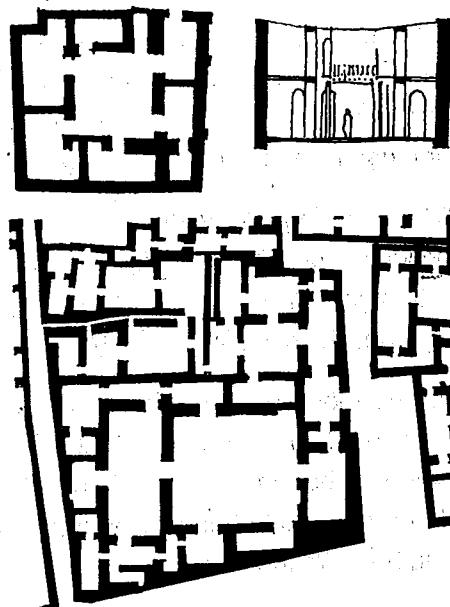
Những chuyên gia khảo cổ, các nhà nghiên cứu xã hội, các kiến trúc sư hiện đang huỷ hy vọng khai quật và phục chế lại vùng đất này, để có thể sớm trả lại cho Babilon cái hình hài từng một thời vang bóng (hình 73).

2.3.3. Nhận xét chung

Tính từ những năm 7000 đến 5000 trước CN, Lưỡng Hà được coi là cái nôi của nền văn minh cổ đại, nơi khai sinh ra hình thức đô thị đầu tiên, và rất nhiều phát kiến khoa học có giá trị khác : con số, ký tự, lịch năm, luật pháp v.v...

Nhờ vào vị trí thuận tiện và những lợi thế do thiên nhiên đưa lại, trải qua những cuộc chinh phạt thành công, người Lưỡng Hà đã tạo được những tiềm năng to lớn để xây dựng nên các trung tâm có giá trị trong suốt quá trình hơn 10 thế kỷ. Đó là thời đế quốc Babilon bắt đầu từ đời vua Hamurabi (thế kỷ thứ XVIII trước CN), thời đế quốc Assyri với vua Assurbanibal (thế kỷ thứ VII trước CN) và thời Tân đế quốc Babilon với vua Nabuchadorezan (thế kỷ thứ VI trước CN).

Các thành phố Lưỡng Hà đều được xây dựng trên bệ cao để tránh ngập lụt và nhấn mạnh tính phòng thủ. Công trình chính thường có quy mô rộng và có chiều cao lớn



73. Nhà ở của dân ở Ur (trên) và của quan lại ở Babilon (dưới)

tới 40 - 50m. Mặt đường được lát đá và được lèn chặt bằng một kỹ thuật hoàn hảo, kèm theo những hệ thống cấp thoát nước khá tốt.

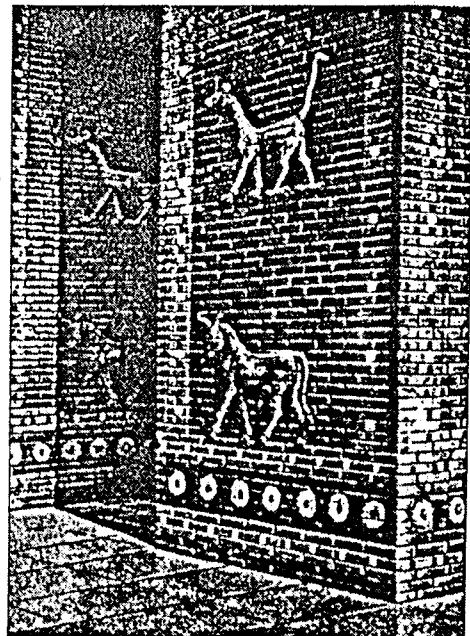
Đặc biệt, các công trình kiến trúc của thành phố Babilon được ốp bằng nhiều loại gốm màu rực rỡ có chất lượng kỹ thuật rất tinh vi đã làm nên nhiều huyền thoại như vườn treo, đài tháp độc đáo, danh tiếng còn lưu truyền tới ngàn đời sau (hình 74).

2.4 - KIẾN TRÚC CỔ HY LẠP

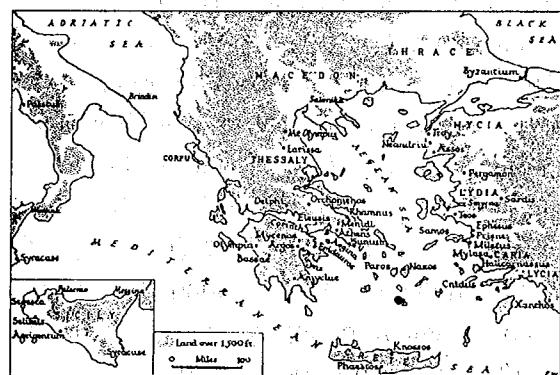
2.4.1. Bối cảnh thiên nhiên - xã hội

Khoảng 4000 năm trước, những đoàn du mục từ Nam sông Đanuýp trên đường tiến về Địa Trung Hải đã dừng lại ở bán đảo Grekơ, một nơi có phong cảnh biển khá nên thơ, có nhiều núi đá và ít đồng bãi. Đây là phần đất ở miền Nam bán đảo Ban Căng, các đảo vùng biển Egijê và khu vực ven biển phía Tây Tiểu Á. Nhờ khí hậu cận nhiệt đới ấm áp nên cây cối luôn xanh tươi, lại nhờ nằm kề biển mà có nhiều vịnh và cảng lớn cho tàu bè qua lại. Do vậy, việc lưu thông hàng hóa giữa phương Đông và phương Tây có nhiều thuận lợi. Người dân ở đây sống bằng nghề trồng nho, chăn nuôi và đánh bắt cá. Bên cạnh đó, nghề hàng hải và các ngành nghề thủ công cũng rất phát triển (hình 75).

Nhà nước Hy Lạp được thành lập vào khoảng từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VII trước CN, dưới hình thức các quốc gia thành bang (mỗi bang kết hợp với vùng nông thôn phụ cận để tổ chức thành một quốc gia).



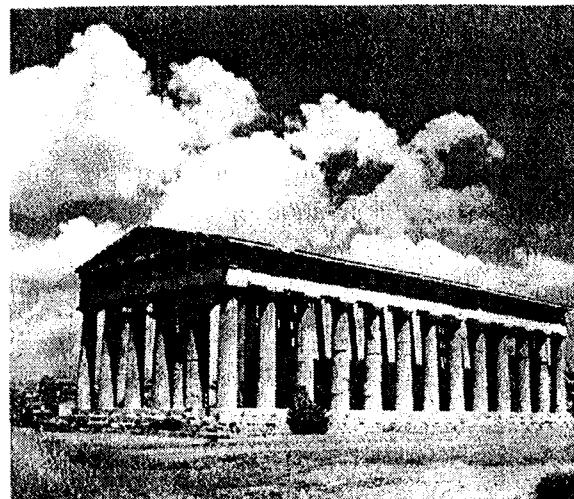
74. Cổng và tường ở Babilon
được ốp gốm màu rất lộng lẫy



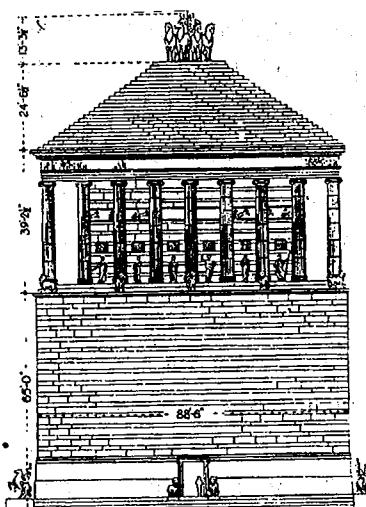
75. Bản đồ Hy Lạp thời kỳ trước CN

Khác với Ai Cập và Lưỡng Hà, vua tôi sống cách biệt trong một quốc gia rộng lớn, người Hy Lạp là những công dân tự do của hàng chục bang nhỏ độc lập với nhau, số dân mỗi bang chỉ vài chục ngàn người. Con trai ham thể thao ngoài trời. Con gái thích thêu thùa, yêu văn nghệ. Trẻ em được học văn, toán rất sớm. Mọi người thường hay tụ tập bàn tán việc quốc gia. Điều này có ảnh hưởng khá sâu sắc đến phong cách kiến trúc Hy Lạp sẽ được nói tới ở phần sau (hình 76, 77).

Hai quốc gia thành bang lớn mạnh nhất của Hy Lạp thời kỳ này là Sparta và Aten. Dân chúng Sparta bắt kể đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn đều phải sống trong một chế độ nhà binh hà khắc, không cho dân ngoài nhập vào. Trái lại, người dân Aten do được sống thoải mái và tự do làm giàu nên nền công nghệ và thương mại rất thịnh vượng. Buổi đầu, quốc gia này cũng có vua. Sau đó giới quý tộc lật đổ ngai vua, lập nên chế độ Cộng hoà quý tộc. Từ thế kỷ thứ V trước CN, một chế độ dân chủ đầu tiên trong lịch sử đã được thành lập tại đây, có tên gọi là chế độ Cộng hoà dân chủ Hy Lạp. Song chế độ này trên thực tế chỉ áp dụng cho quý tộc và dân tự do. Dân nô lệ chiếm số đông, nhưng lại bị coi như thứ của cải, bị bóc lột vô cùng dã man tàn bạo. Về thực chất thì chế độ này cũng chỉ là công cụ để giai tầng chủ nô tha hồ đàn áp đám người nô lệ. Mặc dù vậy, nền Cộng hoà dân chủ Hy Lạp cũng được coi như một bước tiến về hướng dân chủ và nhân đạo so với các chế độ độc tài chuyên chế trước đó. Sau hơn 2 thế kỷ phát triển hưng thịnh,



76.



77.

76, 77. Đền đài Hy Lạp cổ đại: Đền Theseion ở Aten (trên) và lăng Halicarnas (dưới)

đến đầu thế kỷ thứ V trước CN, Hy Lạp bị Ba Tư xâm lược. Cuộc chiến giằng co tuy kéo dài tới 40 năm, nhưng cuối cùng các đội quân Sparta sát cánh với Aten đã giành được thắng lợi. Hy Lạp trở thành bá chủ của khu vực biển Egiê, mở đầu giai đoạn cực thịnh để Aten trở thành một trung tâm văn hoá và kinh tế của toàn Hy Lạp và của cả thế giới cổ đại phương Tây.

Tuy nhiên, đỉnh cao hưng thịnh của Aten kéo dài không lâu. Giữa thế kỷ thứ IV trước CN, cuộc chiến nồi da nấu thịt giữa Sparta thượng võ với Aten thịnh vượng suốt ba chục năm đã giúp cho kẻ ngoại bang Maxêdoan từ miền Bắc tràn xuống tiêu diệt cả hai, chinh phục được tất cả các quốc gia Hy Lạp khác. Lịch sử các quốc gia thành bang cổ Hy Lạp kết thúc từ đó.

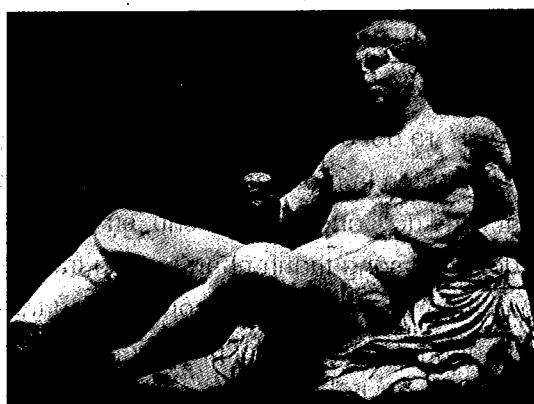
2.4.2. Nền văn minh cổ Hy Lạp và sự phân kỳ của lịch sử kiến trúc

Nền văn minh cổ Hy Lạp

Người Hy Lạp đã sáng tạo ra một nền văn minh rực rỡ, xứng đáng được gọi là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại. Nền văn minh này ra đời từ những năm 4000 - 2000 trước CN, khi chế độ thị tộc nguyên thuỷ tan rã, thời kỳ đồ đá chuyển dần sang thời kỳ đồ đồng, hình thành chế độ chiếm hữu nô lệ sơ khai.

Dân tộc Hy Lạp thờ nhiều vị thần, trong đó tối thượng là thần Dớt. Do không bị ảnh hưởng bởi bất cứ thứ tôn giáo nặng nề nào, không bị một chế độ độc tài hà khắc nào kìm hãm khống chế, mọi người quen sống phóng khoáng với cảnh trí tự nhiên, yêu thích cả

78. Nghệ thuật
Hy Lạp cổ đại
một nền nghệ thuật
đỉnh cao và ca ngợi
vẻ đẹp của con người



vẻ đẹp tinh thần lẫn sự cân đối của hình thể, nên nền nghệ thuật cổ Hy Lạp đã phát triển một cách hoàn toàn tự chủ trong xu hướng hiện thực. Các loại hình nghệ thuật đều tập trung vào việc ca ngợi sức mạnh của con người (hình 78). Có thể chính vì điều đó mà nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại đã được lấy làm mẫu mực cho sự phát triển của các nền văn minh tiếp theo.

Sự phân kỳ của lịch sử kiến trúc cổ Hy Lạp

Căn cứ vào những đặc điểm xã hội và đặc điểm kiến trúc có thể chia lịch sử kiến trúc cổ Hy Lạp ra làm ba thời kỳ:

- 1- Thời kỳ Tiền cổ (thế kỷ thứ VIII - thứ VI trước CN).
- 2 - Thời kỳ Cổ điển (Thế kỷ thứ V - thứ IV trước CN).
- 3- Thời kỳ Cổ đại (Thế kỷ thứ III - thứ I trước CN).

2.4.3. Kiến trúc Hy Lạp thời kỳ Tiền cổ (từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VI trước CN)

Thời kỳ Tiền cổ Hy Lạp được đánh dấu bằng sự ra đời của các quốc gia thành bang, trong đó Aten là một trong hai quốc gia mạnh nhất. Chế độ Cộng hoà dân chủ, sự buôn bán tự do, cuộc sống thanh nhàn, phong trào vận động thân thể và tính cách sống cởi mở trong cộng đồng đã giúp xã hội phát triển một cách toàn diện. Từ bối cảnh này đã đơm hoa kết



78.

trái một nền văn học, triết học, nghệ thuật, tôn giáo huy hoàng. Các loại kiến trúc đền thờ cổ Hy Lạp cũng bắt nguồn từ đây.

Nhìn một cách khái quát, đền thờ Hy Lạp là dạng kiến trúc mở, luôn tràn đầy ánh sáng và không khí (hình 79).

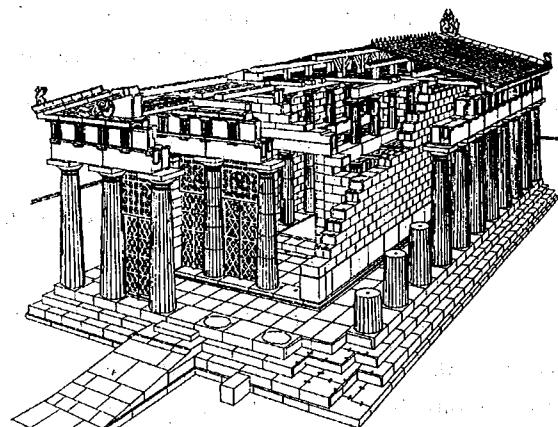
Trên các mặt bằng đền hình chữ nhật, đơn giản nhất là những loại đền chỉ có một cửa và một gian. Cửa đền có hai cột giữa và hai tường dọc chạy hai bên. Loại đền thứ hai có 4 cột độc lập ở phía trước. Rồi đến loại có cột ở cả hai phía trước và sau. Càng về sau, số cột ngày càng nhiều. Số cột trước từ 4 phát triển lên 6, lên 8. Cột bao quanh đền, từ một đến hai, thậm chí ba dãy cột. Có khi cột còn tràn cả vào phía bên trong đền. Phổ biến nhất là loại đền mà mỗi hồi có từ 6 đến 8 cột. Ngoài loại đền có mặt bằng hình chữ nhật, đôi khi còn bắt gặp loại đền có mặt bằng hình tròn với dãy cột hiện chạy vòng quanh (hình 80).

Vật liệu xây dựng ban đầu bao gồm cả gỗ, gạch và đá. Càng về sau người ta càng sử dụng đá rộng rãi. Thời kỳ này sắt đã được dùng phổ biến để chế ra các công cụ gia công đá. Tường đá xếp khít nhau, không có mạch vữa.

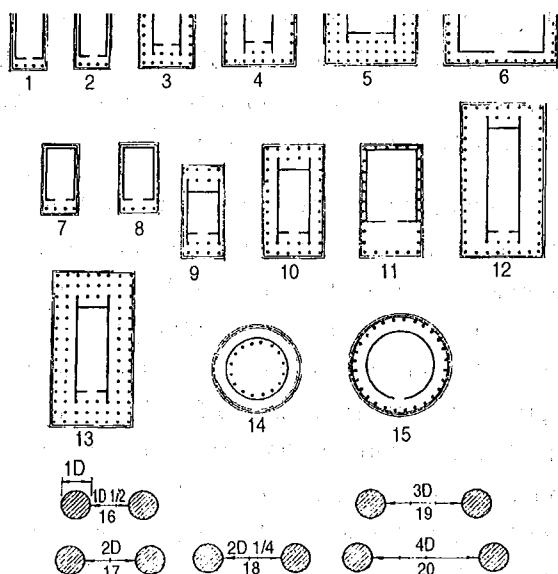
Thức cột (oocđo) Hy Lạp

Nói đến kiến trúc Hy Lạp, không thể bỏ qua thức cột, bởi đây là đóng góp có tác động lớn, ảnh hưởng sâu rộng và lâu bền đến các nền kiến trúc về sau này.

Thức cột là cách thức trang trí và xử lý tỷ lệ các trụ chịu lực của ngôi nhà theo những trật



79. Đền Aphaia 510 - 480 trước CN



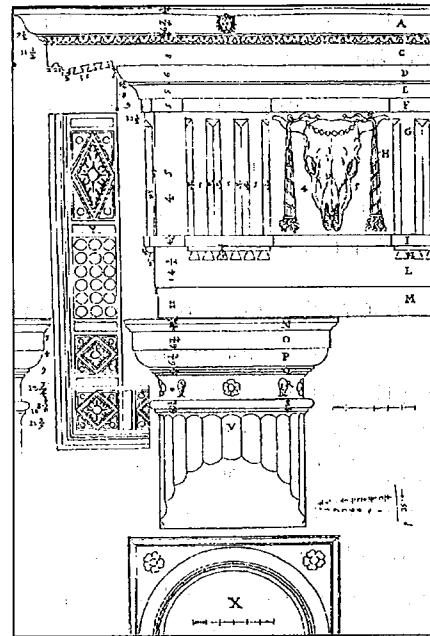
80. Các dạng đền Hy Lạp từ đơn giản đến phức tạp

tự đã được chỉnh lý một cách hoàn hảo (Chữ oocđơ có nghĩa là trật tự). Ba thức cột mà người Hy Lạp đã tạo ra là cột Đôri, cột lônî và cột Côranh. Xuất xứ từ vùng nông nghiệp ở phía Bắc Hy Lạp Đôrian nên có tên gọi là cột Đôri, được áp dụng khá sớm, từ thế kỷ thứ VII trước CN (hình 81).

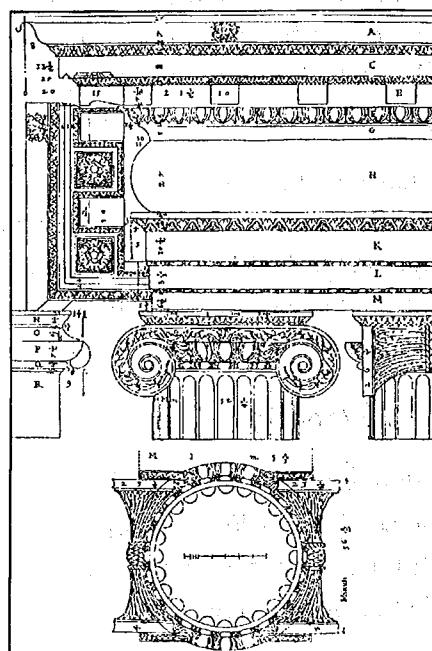
Dáng cột này thấp đậm, đơn giản, trầm tĩnh uy nghi như sức vóc của một người lực điền. Thân cột có từ 16 đến 20 khía lõm nông. Cột không có đế mà được đặt trực tiếp lên nền nhà. Đầu cột xòe hình bánh dày trơn, không có trang trí. Tỷ lệ chiều cao so với đường kính cột là $4,5 : 1$ hoặc $5 : 1$. Vật liệu làm cột Đôri thường là đá mầu vàng nhạt lấy từ núi Pentelich trong đất liền.

Thức cột lônî ra đời vào thế kỷ thứ V trước CN, là sản phẩm của vùng tiểu thủ công và thương nghiệp Ionia - một thuộc địa của Hy Lạp. Cột có vẻ ngoài trang nhã thanh thoát, giàu tính trang trí nên được ví như thân thể của người thiếu nữ. Thân cột có 24 khía lõm sâu, đặt trên đế. Đầu cột được trang trí cầu kỳ với hai cuộn như lọn tóc. Tỷ lệ giữa chiều cao so với đường kính cột là $8 : 1$. Vật liệu làm cột lônî là loại đá cẩm thạch màu trắng được khai thác từ đảo Paros ngoài khơi... (hình 82).

Thức cột Côranh ra đời chậm hơn, vào cuối thế kỷ thứ V trước CN tại thành phố Cảng giàu đẹp Côranh ở miền Nam. Cột Côranh có những nét mảnh mai thon thả hơn 2 thức cột vừa nói trên, nhiều khi được đặt trên bệ có chiều cao bằng một phần tư độ dài cột. Phần đầu cột được kết uốn như một



81. Thức cột Đôri



82. Thức cột Ioni

lăng hoa làm bằng ba tầng lá phiến thảo (acan). Chuyện xưa kể rằng một chàng kiến trúc sư sau lúc đem hoa đến khóc trên mộ người yêu chết trẻ đã xúc động tạo ra thức cột này (hình 83).

Cả ba thức cột Hy Lạp đều có xuất xứ từ cột gỗ, nhưng trong quá trình chuyển sang chất liệu đá, các tỷ lệ cột và khoảng cách giữa các cột đã trải qua nhiều thay đổi. Lúc đầu, cột thường được làm từ những phiến đá lớn rất khó lắp dựng. Về sau cột được chia thành đoạn, ghép khít lên nhau nhờ các lõi bằng gỗ hoặc bằng sắt.

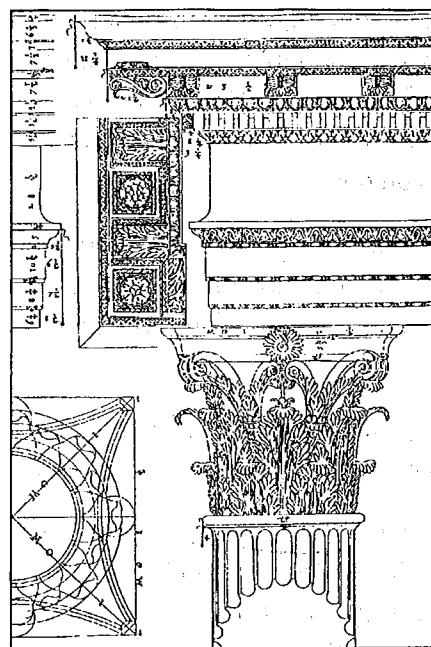
Các thức cột Hy Lạp không chỉ có ý nghĩa về mặt chịu lực, mà trước hết còn thể hiện sự hài hoà, thống nhất về đường nét giữa cột với các phần ở bên trên đầu cột, giữa kích thước cột với kích thước của con người.

2.4.4. Kiến trúc Hy Lạp thời kỳ Cổ điển (Thế kỷ thứ V đến thế kỷ thứ IV trước CN)

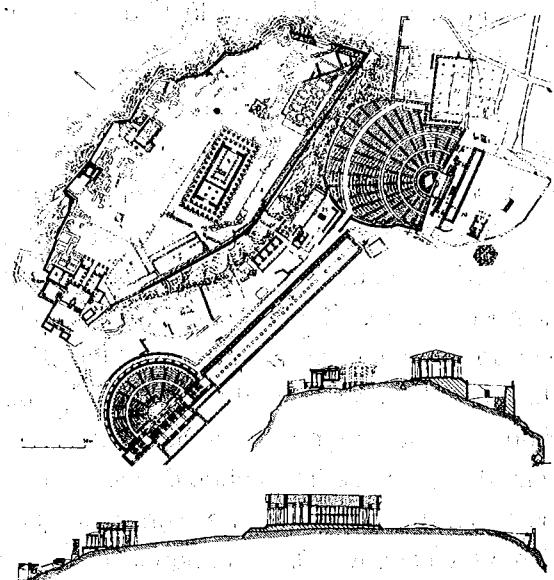
Sau chiến thắng quân xâm lược Ba Tư ở thế kỷ thứ V trước CN, nền văn hoá và kinh tế Hy Lạp phát triển rất nhanh. Chỉ trong vòng vài chục năm mà bộ mặt thủ đô Aten đã biến đổi hẳn. Khá nhiều đô thị, đền đài, nhà hát nhà ở mới được xây dựng với nhịp điệu chưa từng có. Có rất nhiều đền đài nổi tiếng như quần thể đền đài Acrôpôl ở Aten, đền thờ thần Dót ở Olimpia, đền thờ Poxâyđông ở Đenphơ v.v...

Quần thể đền đài Acrôpôl ở Aten

Vào nửa đầu thế kỷ thứ V trước CN, với niềm hân hoan vì chiến thắng trong trận đánh



83. Thức cột Corinna



84. Quần thể kiến trúc Acrôpôl ở Aten
Mặt bằng và các mặt cắt

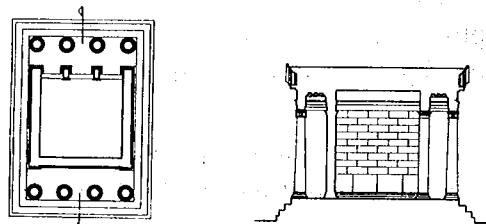
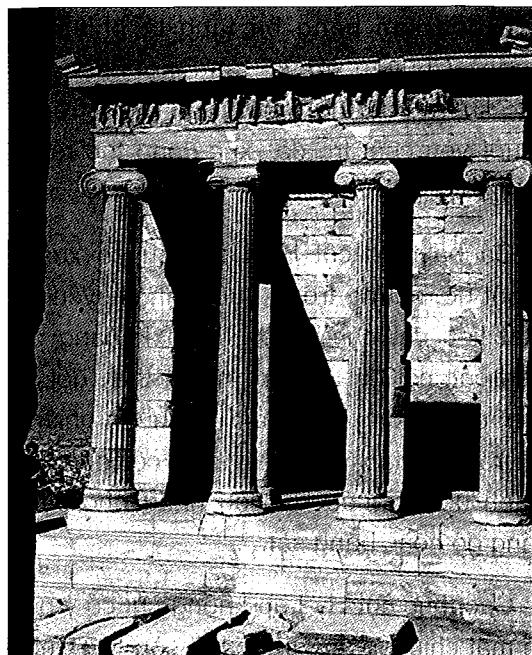
đuối quân xâm lược Ba Tư, người dân thành Aten đã xây dựng trên ngọn đồi Acrôpôん một quần thể công trình đền đài nổi tiếng để tỏ lòng biết ơn các vị thần linh đã phù trợ họ trong chiến đấu.

Đây là một ngọn đồi đá không rộng lắm ($130m \times 300m$); cao $70m$ so với xung quanh, có dốc dựng đứng, nằm dọc theo hướng Đông Tây.

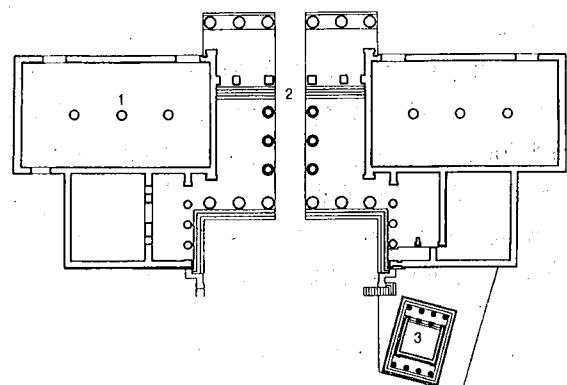
Những đoạn thang hình chữ Z đưa người từ chân dốc phía Tây lên cao dần (hình 84).

Đầu tiên là đền Nike, tức đền "Nữ thần Chiến thắng không có cánh" như tên gọi của bức tượng đặt bên trong. Ngôi đền nhỏ này có kích thước $5,54m \times 8,3m$. Ở hai mặt trước và sau đền có 4 cột thức Ioni. Phần đầu cột và trán trên cột đã đạt được sự hoàn hảo của điêu khắc và sự chuẩn mực về tỷ lệ kiến trúc. Tác giả của ngôi đền này là nhà kiến trúc Calicrat (hình 85).

Tiếp đến là **Prôpilê** - lối chính dẫn vào khu đền. Prôpilê với 6 cột hàng ngang thức Đôri đã được gắn vào địa hình sườn đồi một cách hết sức khéo léo. Từ đây mọi người đã có thể chiêm ngưỡng bức tượng Nữ thần chiến thắng Aten Promachos cực lớn, minh mang vũ khí, đầu đội mũ vàng lấp lánh trong tư thế đứng che chở cho các thần dân của mình dưới chân đồi. Bức tượng Nữ thần chiến thắng trong dáng điêu và trang phục đều toát lên vẻ mềm mại đầy sức sống, thể hiện được quan niệm về vẻ đẹp lý tưởng của người Hy Lạp cổ đại, là tác phẩm của nhà điêu khắc Mirôn thành Aten (hình 86).



85. Đền Nikê - Mặt nhà, mặt bằng, mặt cắt

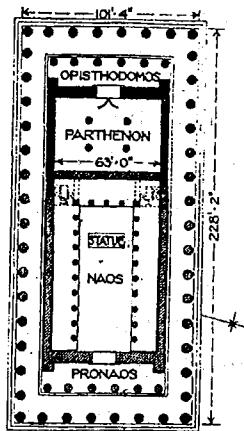


86. Mặt bằng Prôpilê ở Aten
(góc phải là đền Nikê)

Quan trọng nhất trong quần thể kiến trúc Acrôpône là đền Páctênon, được xây dựng vào các năm 447 - 438 trước CN, theo thiết kế của nhà kiến trúc Ichtinos. Mặt bằng đền hình chữ nhật có kích thước $31m \times 70m$, cao 14m, chia ba phần: sảnh chính (quay hướng Đông), gian thờ (ở giữa) và phòng để báu vật (ở phía Tây). Tại gian thờ có đặt tượng nữ thần Aten Pactenos cao 12m làm bằng gỗ khảm ngà voi, trong y phục bằng vàng. Ánh sáng chiếu từ cửa sổ lớn qua các hàng cột vây ba phía, lấp lánh một màu vàng huyền ảo. Bức tượng tuyệt vời này là tác phẩm của nhà điêu khắc Hy Lạp kiệt xuất Phidias, người bạn của nhà cầm quyền Peñicles, và là người chỉ huy toàn bộ công cuộc xây dựng quần thể Acrôpône nổi tiếng. Sau gian thờ là phòng để báu vật với 4 cột thức Ioni ở giữa phòng (hình 87).

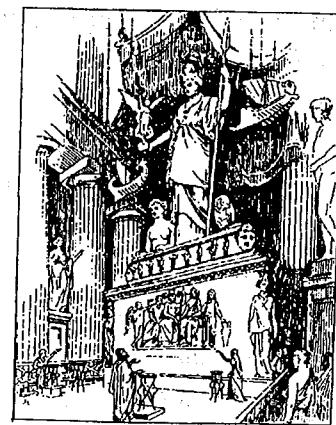
Mặt chính đền có 8 cột, ở trên tạc cảnh nàng Aten chào đời, mặt bên có 17 cột thúc Đôri không có chân đế. Vật liệu xây dựng đều là đá hoa cương màu trắng (hình 88).

Ngoài tỷ lệ số học của các phần trong một công trình, việc dựng cột có thêm kỹ xảo điêu chỉnh độ phản xạ của mắt người khi đứng trước các vùng sáng tối. Những cột góc đều lớn hơn cột giữa. Khoảng cách các cột giữa có thu hẹp lại, đầu cột ngả vào trong. Bằng cách này khi nhìn vào sẽ thấy cột đều và đứng thẳng và cách rất đều nhau. Các tảng đá được mài phẳng và chính xác đến mức có thể ghép khít liền làm một với các viên đá khác. Mặt đá được phủ lên một lớp sáp để giữ cho đá khỏi bị oxy hoá, nhưng không hề làm cho đá bị đổi màu. Ngoài ra, các nhà



87. Đền Páctênon

Mặt bằng và
bức tượng
nữ thần Aten



88. Mặt nhà phía tây đền Páctênon

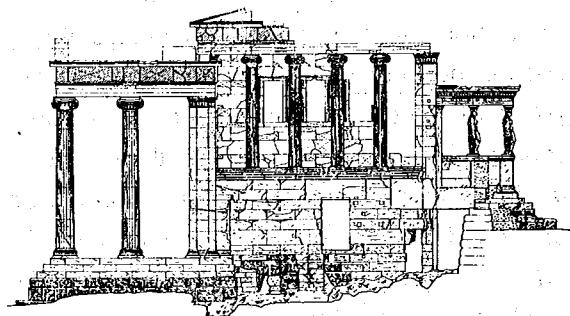
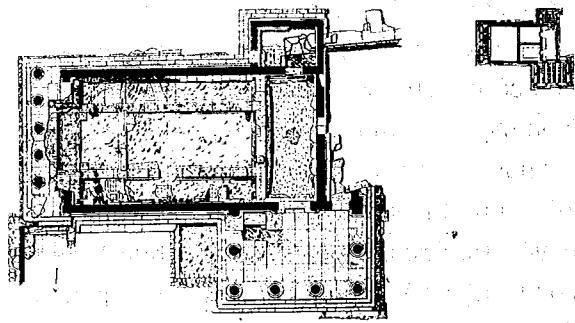
kiến trúc còn điểm thêm những màu sắc rực rỡ bằng kim loại màu xanh, vàng, đỏ.

Không chỉ đẹp nhờ chất liệu, nhờ tỷ lệ mà Pactênon còn đặc sắc bởi sự lựa chọn đúng khối tích ngôi đền, đúng vị trí trên bề mặt quả đồi. Nó vừa thể hiện được tính hùng vĩ của công trình, vừa không đè nén, hạ thấp tâm vóc con người. Ngược lại ngôi đền còn tạo cho con người lòng tự hào và niềm tin vào sức mạnh và giá trị của chính mình. Riêng phần điêu khắc ở đền này đã chiếm một chiều dài tới 270m với các chủ đề về chiến tranh và thần thoại. Hắn đây phải là kết quả lao động đầy mồ hôi và tài trí của cả một đội ngũ các nhà điêu khắc, mà tên tuổi người chỉ huy Phidias và hai công sự của ông là Calicrat và Ichtinos vẫn còn lưu truyền cho tới tận ngày nay.

Đền Eréchtâyôn

Mang tên người anh hùng xuất chúng của Aten, Eréchtâyôn là ngôi đền quan trọng thứ hai trong quần thể kiến trúc Acrôpô, sau Pactênon.

Eréchtâyôn được xây dựng vào những năm 421 - 406 trước CN. Đền đặt ở sườn đồi phía Bắc, có sự chênh lệch độ cao tới 3m. Mặt bằng đền gồm gian thờ nữ thần Aten quay về hướng đông, có 6 cột thức Ioni và hai gian thờ phía sau. Cả ba gian nằm trong một khuôn viên chữ nhật $11,5m \times 23,5m$. Liên đó có một sảnh vào từ phía Bắc và một khán đài phía Nam được đặt một cách tự do, biến mặt bằng thành một bố cục không đối xứng. Đây



89. Đền Eréchtâyôn - Mặt bằng, mặt nhà và mặt cắt

là trường hợp gần như duy nhất người Hy Lạp dùng bố cục tự do (hình 89).

Khán đài phía Nam là một kiến trúc khá độc đáo với hàng cột chống được thay bằng tượng 6 cô gái đẹp của thị trấn Carya. Vì vậy hàng cột này có tên là Caryatit. Trong xiêm áo nhiều nếp bao phủ những thân hình cân đối, chân hơi cong về phía trước để chống đỡ sức nặng của mái nhà, các cô gái Carya đều có khuôn mặt nhẹ nhàng sáng sủa, bím tóc tết dày buông thõng phía sau lưng. Thời gian sau, kiểu cột - tượng Caryatit này đã được nhiều nơi làm theo. Toàn bộ ngôi đền được xây bằng đá hoa trắng, được gia công rất công phu (hình 90).

Đền thờ thần Dót ở Olimpia

Đây là tác phẩm lớn thứ hai của Phidias sau đền Páctênon. Nhà điêu khắc vĩ đại này bị kẻ xấu vu cho tội lấy vàng và ngà voi khi làm tượng Aten nên bị quản thúc. Những người đồng hương vùng Olimpiâ đã đem tiền túi chuộc ông ra rồi đưa ông về xây tượng và phù điêu cho đền thờ thần Dót ở quê mình.

Đền thờ này có mặt bằng hình chữ nhật, dài 60m, rộng 28m, với 34 cột cao 10,4m thức Đori. Mỗi cột có 20 khía lõm, với tỷ lệ giữa chiều cao cột và đường kính là 4,5:1. Tường hồi hai phía được trang trí bằng phù điêu về chủ đề chiến đấu chống quân xâm lược Ba Tư. Tượng thần Dót ngồi trên ngai, cao sát trần (17m). Một tay cầm khiên. Nửa trên tượng dát ngà voi màu vàng pha sắc hồng, có điểm bông hoa. Nửa dưới tượng dát



90. Caryatit ở đền Erêchtiô

vàng có điểm hình những con vật. Đền xây từ năm 468 trước CN, sau 8 năm thì xong. Toàn bộ tượng và đền kết thành một kiệt tác mà đời sau liệt vào một trong bảy kỳ quan của thế giới (hình 91).

Các công trình công cộng

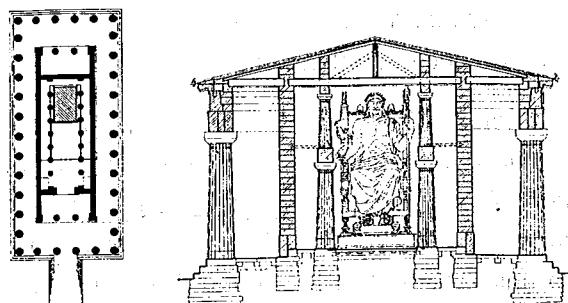
Khí hậu và phong cảnh miền duyên hải, nếp sống thanh nhàn và thượng võ, yêu chuộng văn nghệ của người Hy Lạp đã dẫn tới nhu cầu phát triển loạt nhà công cộng như sân vận động quảng trường, nhà Hội đồng, trường học và đặc biệt là loại nhà hát ngoài trời.

Nhà hát ngoài trời Hy Lạp là thủy tổ của mọi loại nhà hát sau này. Hạt nhân của nhà hát là một sân khấu tròn để diễn vở hoặc cho dàn đồng ca. Chỗ ngồi của khán giả thường làm trên các sườn đồi, bao quanh sân khấu. Hai đầu khu khán giả có xây tường cao. Khu khán giả này ban đầu chỉ làm tự do theo độ dốc của địa hình, về sau người ta mới làm theo nửa hình tròn một cách chính xác. Lưng chừng phần khán giả thường có lối đi rộng.

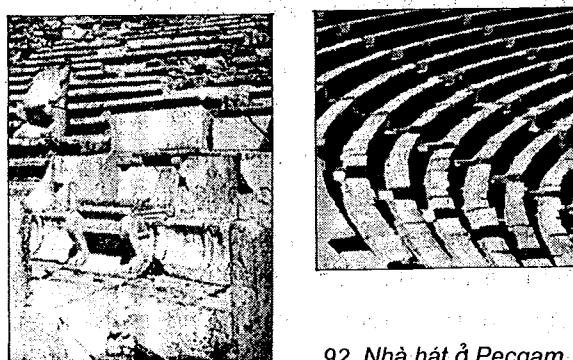
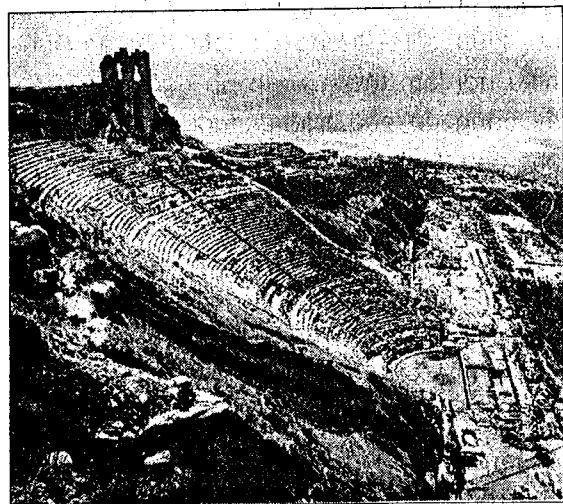
Hàng chục lối lên xuống đặt theo hình nan quạt chia chỗ ngồi nhà hát ra làm nhiều khu. Chiều dài phần nan quạt rất lớn, có khi lên tới 70 - 80m. Phía sau sân khấu tròn thường có một hậu trường xây hai tầng (đôi khi tới 3 tầng) có hệ cột nguy nga dùng làm nơi hóa trang hoặc kho đạo cụ (hình 92).

Một số nhà hát điển hình thời gian này là:

- Nhà hát Dionis tựa vào lưng đồi phía Nam thành Acrôpôl ở Aten, xây từ thế kỷ thứ VI trước



91. Mặt bằng và tượng trong đền thờ thần Dót
ở Olimpia



92. Nhà hát ở Pecgam

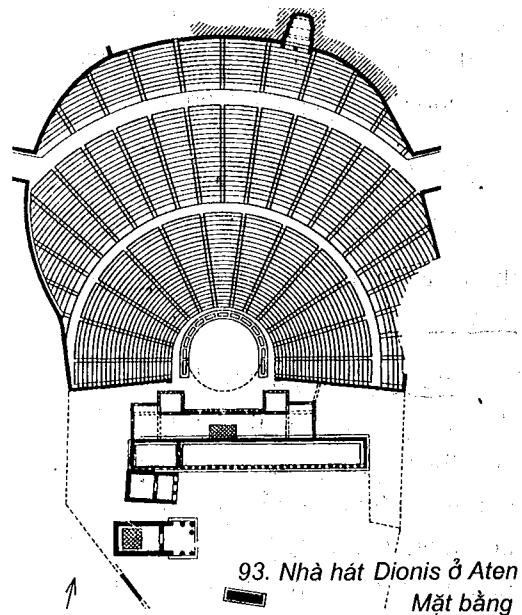
CN và hoàn chỉnh vào thế kỷ thứ IV trước CN (hình 93). Khu khán giả là nửa hình tròn gồm 78 bậc bán kính 75m, có hai lối đi ngang. Riêng sân khấu có đường kính 19m, sức chứa tối 17.000 người (có tài liệu nêu số 30.000 người). Lối đi trên cùng chênh với mặt sân khấu tối 22,5m. Hàng ghế sát sân khấu được làm bằng đá hoa, có tựa, dành cho các quan khách.

Lớn nhất trong các nhà hát cổ Hy Lạp có lẽ là nhà hát Megalopolis, được xây dựng vào những năm 370 - 360 trước CN, có sức chứa tới 40.000 người, chiều ngang dài tới 146m (lúc này các đô thị lớn nhất của Hy Lạp cũng chỉ có tới vài bốn vạn dân là cùng). Để những khán giả ở xa cũng có thể nhìn được rõ, người diễn phải đi trên cà kheo và đeo các mặt nạ sặc sỡ. Có thể nhờ không bị các vật cản nên âm thanh ở đây vẫn được đảm bảo tốt qua những khoảng cách lớn. Nhà hát Megalopolis được gắn liền với nhà Hội đồng có diện tích rất lớn ($66m \times 52m$) dùng vào những dịp tập trung hội họp đông người (hình 94).

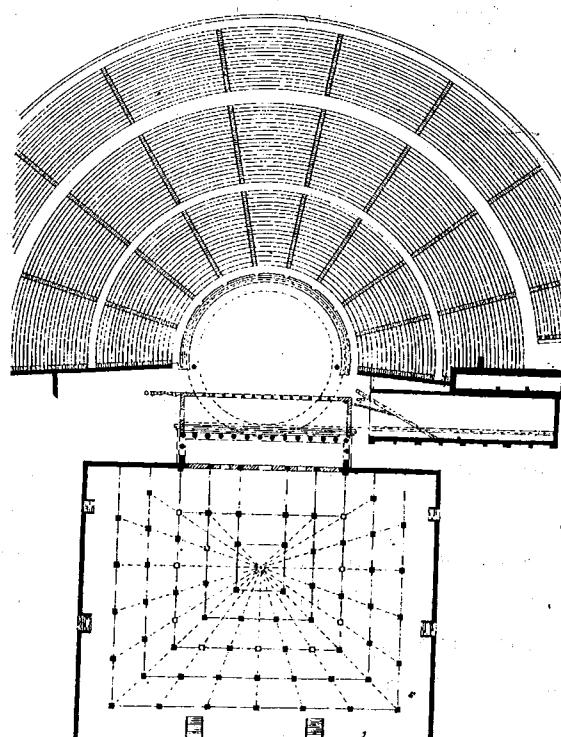
Đến cuối thế kỷ thứ V trước CN, kiến trúc Hy Lạp đi vào tìm tòi sự xa hoa lộng lẫy của hình thức và các chi tiết phức tạp, nên ngày càng xa dần tính chặt chẽ nghiêm chỉnh của nội dung, đồng thời cũng để mất luôn sự hấp dẫn của hình thức.

2.4.5. Kiến trúc Hy Lạp thời kỳ Cổ đại

Thời kỳ này được đánh dấu bằng sự phát triển mạnh mẽ của nghệ thuật xây dựng đô thị. Kiến trúc công trình cũng tiến triển trong



93. Nhà hát Dionis ở Aten Mặt bằng



94. Nhà hát *Megalopolis* gắn liền nhà họp Hội đồng

sự tổ hợp với các nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu hiện, đồng thời có sự kiềm chế tối đa trong các giải pháp kiến trúc.

Quy hoạch đô thị

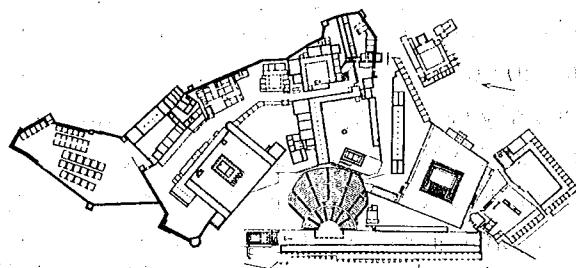
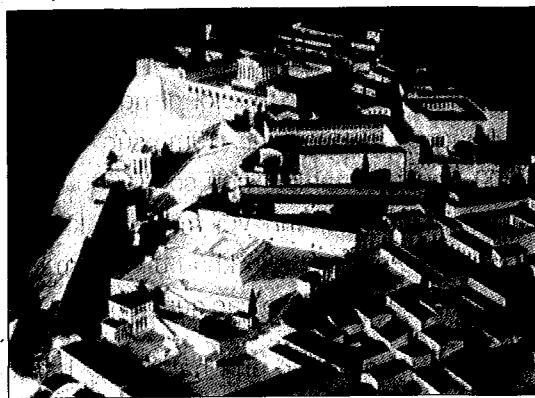
Trong quy hoạch đô thị cổ Hy Lạp có hai thành tố đáng lưu ý là các acrôpôn và các agora.

Acrôpôn là từ để chỉ chung cho những nơi diễn ra các sinh hoạt tinh thần và tín ngưỡng của thị dân, thường chiếm ngự các khu đất cao trong thành phố. Các mặt đèn xây ở đây đều nhín về hướng Đông, hòa quyện với thiên nhiên để tạo nên những thăng cảnh. Trong thời kỳ cổ đại Hy Lạp đáng chú ý là acrôpôn ở Pecgam với cách bố trí tự do theo triển đất (hình 95).

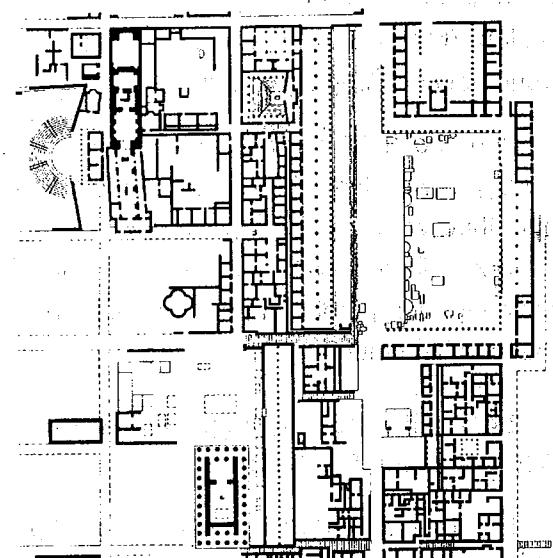
Agora là tên gọi chung của các quảng trường thành phố, thường là nơi tập trung các công trình thương mại và các sinh hoạt cộng đồng như nhà họp hội đồng nhân dân, các đền thờ, nhà hát, trường học v.v... (hình 96).

Mỗi đô thị được chia thành 2 khu rõ rệt: khu trung tâm có các phố quan lại và thương gia giàu có, khu ngoại vi cho thợ thủ công và dân nghèo. Chạy qua trung tâm có một hoặc hai đường phố chính, vuông góc nhau, có chiều rộng từ 7m đến 7,5m, rộng hơn các phố còn lại tới 2 hoặc 3m. Khu trung tâm (agora) thường được đặt ở nơi giao nhau giữa hai phố này.

Thời cổ Hy Lạp có rất nhiều thành phố được xây mới hoặc được cải tạo một cách



95. Mô hình và mặt bằng Acrôpôn
ở thành phố Pecgam



96. Agora ở khu trung tâm thành phố Priene

cơ bản như Priena, Milê, Pecgam, Assos, Ephes v.v...

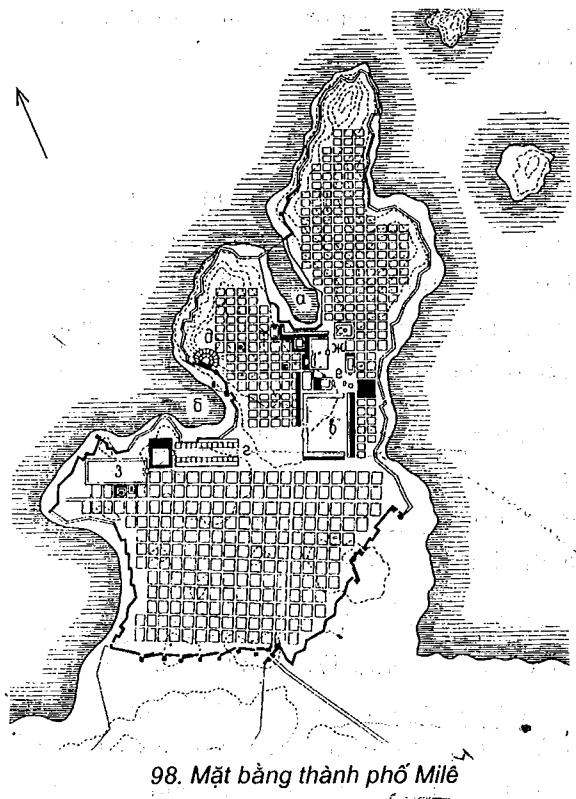
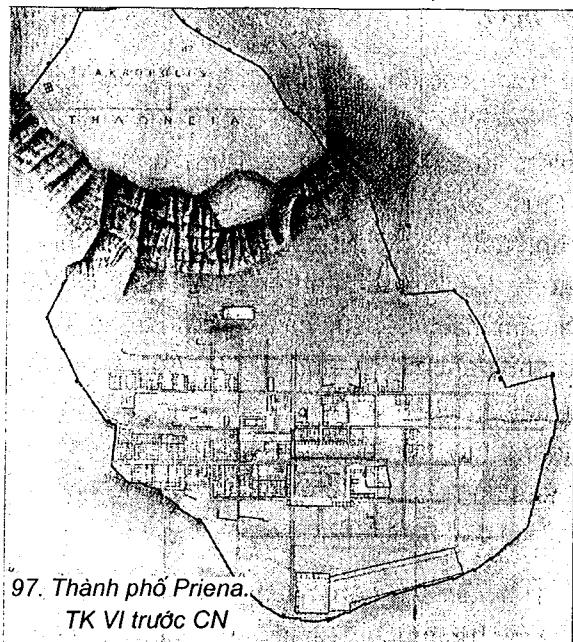
Thành phố Priena

Nằm cách bờ biển 4 - 5km, được khởi xây từ cuối thế kỷ thứ IV trước CN và gắn với tên tuổi nhà kiến trúc Phiphay. Dân số khoảng 5000 người. Đường phố xếp theo hình bàn cờ, hướng Bắc - Nam và Đông - Tây (hình 97).

Agora của thành phố này là một quảng trường hình chữ nhật có kích thước $75,6m \times 46,3m$, quây ba mặt bằng hàng hiên với thức cột lôn. Chỉ riêng mặt lối vào mới dùng thức cột Đôri. Thành phố được đặt trên sườn núi khá dốc, tựa lưng vào ngọn đồi đã có thời là một acrôpône tráng lệ. Việc áp đặt cứng nhắc nguyên lý quy hoạch theo ô bàn cờ ở đây đã gây nên một sự bất tiện lớn về giao thông, tạo nên những bậc thang rất cao không mấy thuận lợi cho việc đi lại.

Thành phố Milê

Milê là thành phố ven biển, được mở rộng và quy hoạch mới hoàn toàn, với mạng đường phố nằm hơi chêch khỏi hướng Bắc Nam. Giống như các đô thị cổ Hy Lạp khác, ở đây có đầy đủ các kênh cấp và thoát nước. Đường sá và quảng trường được lát gạch, Bức tường thành dày 11m dài tới 11,2km với nhiều tháp canh. Trung tâm Milê chia làm 3 khu vực: Bắc, Trung và Nam. Agora phía nam dài 161,5m rộng 115,7m, có hệ cột phức hợp: phía ngoài dùng thức Đôri, phía trong - lôn (hình 98).



Nhà ở

Trong các khu ở với kích thước trung bình $35 \times 45m$ có từ 4 đến 6 căn hộ, mỗi hộ chiếm từ $270m^2$ ($15m \times 18m$) đến $380m^2$ ($16m \times 24m$). Một số nhà giàu chiếm những mảnh đất khá lớn. Nhà xây bằng đá, có nhiều phòng. Các tường bên trong trát vữa hoặc ốp đá cẩm thạch hết sức cầu kỳ sang trọng. Cửa sổ nhỏ đặt cao, có lưới bảo vệ. Ánh sáng lấy từ sân trong qua một hàng hiên. Loại sân thoáng này rất được ưa chuộng trong nhà ở. Các tường ở phía tiếp giáp với đường phố bị xây kín đặc (hình 99).

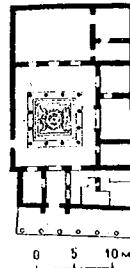
Trái với cách trên, những nhà trung lưu mở cửa ra phía đường để bán hàng hoặc làm nghề thủ công. Có cả loại nhà 2 tầng, thậm chí một số nhà còn làm cả bể bơi nhỏ trong sân.

Công trình công cộng

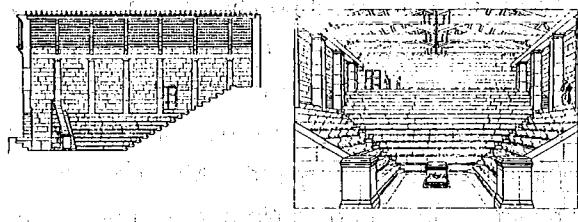
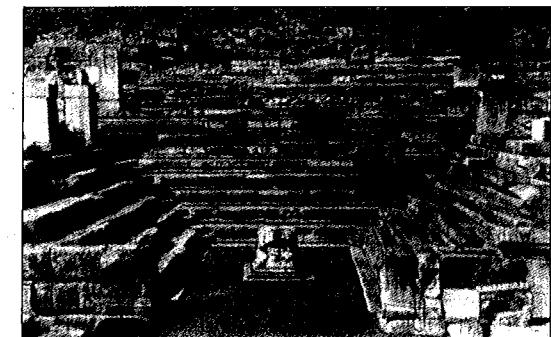
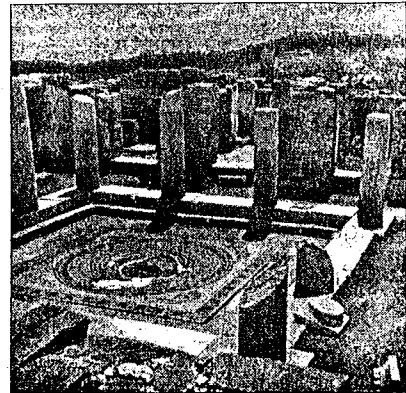
Ngoài các công trình thương mại và quốc phòng, thời gian này còn phát triển mạnh mẽ việc xây dựng các công trình công cộng với nhiều chức năng khác nhau, đặc biệt là những nhà họp đại biểu nhân dân thành phố.

Nhà Đại biểu nhân dân thành phố Priena có mặt bằng vuông, với 640 chỗ ngồi có bậc xếp theo hình chữ U, được xây dựng vào thế kỷ thứ II trước CN (hình 100).

Nhà họp Hội đồng thành phố Milê xây dựng vào các năm 175 - 164 trước CN có mặt bằng vòng cung với 1500 chỗ ngồi. Trong phòng họp có 4 trụ tròn đặt trên các đế vuông. Trước nhà có một sân rộng với ba mặt



99. Nhà ở thời Hy Lạp cổ đại



100. Nhà đại biểu nhân dân thành phố Priena
Mặt bằng và nội thất



hiên và một lối vào với 4 cột trụ thức Coran

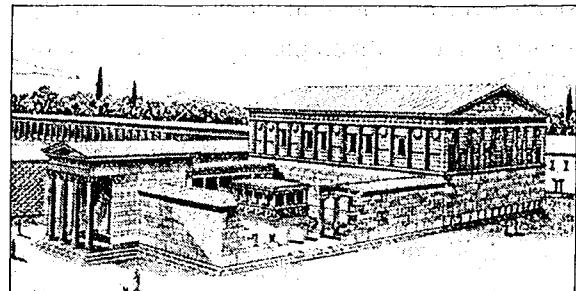
(hình 101, 102).

Những tòa nhà hội họp đều có quy mô khá lớn, có hình thức mang tính hoành tráng. Mặt nhà và nội thất được nghiên cứu phong phú, dùng nhiều vật liệu quý mà trước đó chỉ thấy có ở các đền đài.

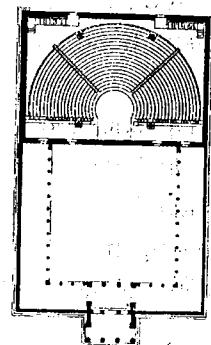
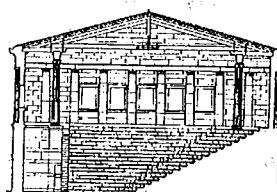
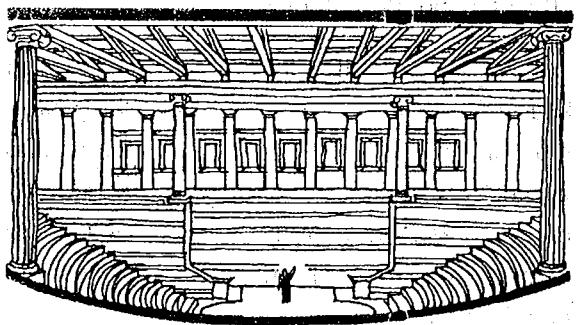
Nhà hát được xây dựng hầu như ở tất cả các đô thị cổ Hy Lạp, với nhiều cải tiến so với thời cổ điển : phá sàn tầng hai, bỏ tường, nới rộng khoảng cách các cột ở phần sân khấu. Với kinh nghiệm của hàng ngàn năm xây dựng nhà hát ngoài trời, chất lượng âm thanh, tâm nhìn trong nhà hát thời Hy Lạp cổ đại đạt đến độ lý tưởng. Sự sắp xếp hợp lý các thành phần và tỷ lệ kiến trúc, mối quan hệ giữa lượng người xem đông đúc, người diễn vui vẻ, có trình độ diễn xuất cao cùng với khung cảnh tự nhiên tuyệt diệu xung quanh... tất cả những yếu tố đó kết hợp lại đã tạo nên những tác động tinh thần - tình cảm phong phú và tốt đẹp, thể hiện được đặc thù dân chủ trong cuộc sống của con người Hy Lạp cổ đại.

Một điển hình là nhà hát thành phố Priena, được xây dựng vào cuối thế kỷ IV - đầu thế kỷ thứ III trước CN, có sức chứa 5000 người. Khán đài hình nửa ô van, đường kính 13,54m. Ngôi ở khán đài này có thể thưởng ngoạn cảnh đẹp của khu trung tâm và bờ biển.

Trong các dạng nhà công cộng cổ Hy Lạp còn thấy nhiều loại trường huấn luyện thể thao, sân vận động, thư viện. Khác với sân vận động ở Priena, sân vận động Milê có khán đài hình vuông ở cả hai phía. Sân thi đấu dài 194,5m rộng 27,44m. Khán đài phía



101. Toàn cảnh Nhà hát Hội đồng thành phố Milê



102. Nội thất, mặt cắt, mặt bằng nhà họp
Hội đồng thành phố Milê

Đông Bắc có các bậc ngồi cao 40cm đục trong vách đá. Chỉ có một phần phải dùng đất đắp lên cho cao.

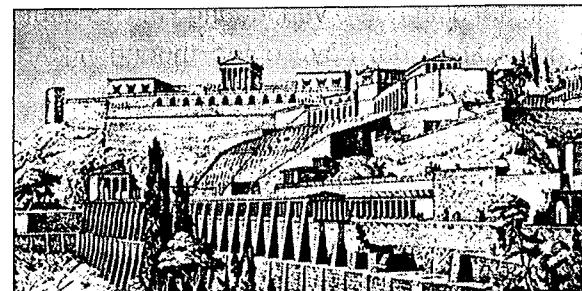
Các công trình tôn giáo tín ngưỡng

Thời kỳ cổ đại Hy Lạp tuy không có được các kiệt tác như Páctênlông, nhưng các công trình tôn giáo tín ngưỡng cũng đã phát triển trên một quy mô khá rộng lớn. Lúc này, giữa tôn giáo và chính quyền các thành phố đã thiết lập được mối quan hệ rất khăng khít. Cùng với sự kết hợp giữa quy hoạch và công trình ở các khu trung tâm, những giải pháp mới về bố cục ngôi đền đã làm biến đổi hẳn bộ mặt kiến trúc. Có đền đạt đến chiều dài trên 100m, rộng trên 50m và hàng cột cao tới 20m.

Các loại đền thờ thần Dót và các thần khác có quy mô khác nhau. Các cổng đền, mộ chí, ban thờ, quan tài có tạc hình được xây dựng rất nhiều. Nhiều nhà giàu đã lập các gian thờ riêng ngay tại nơi ở với nhiều tượng, tranh, chạm khắc đá rất phong phú về đề tài tôn giáo.

Kiến trúc thời kỳ cổ đại Hy Lạp (thời kỳ Èlen), bằng con đường thực tiễn cũng như lý thuyết, đã hình thành được nhiều phương pháp cấp tiến trong thiết kế quy hoạch và hoàn thiện công trình đô thị, tạo dựng các quần thể trung tâm, phát triển nhiều loại hình thương mại và công cộng, các dạng nhà ở kiểu mới (hình 103).

Sức biểu cảm nghệ thuật của kiến trúc thông qua bố cục và hình khối, qua sử dụng hệ thức cột một cách tự do và quan niệm mới



103. Hình ảnh của một đô thị cổ Hy Lạp

về tổ hợp nghệ thuật, các phương tiện kỹ thuật mới thời kỳ Elen đã có ảnh hưởng tới những giai đoạn phát triển kiến trúc về sau này, đặc biệt là kiến trúc La Mã, kiến trúc Tây và Đông Âu, kiến trúc Tiểu Á và Bắc Mỹ (hình 104, 105).

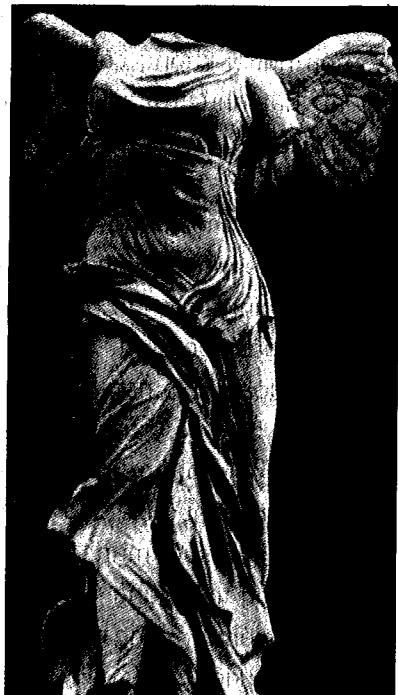
2.4.6 Nhận xét chung

Cùng với những thành tựu huy hoàng của các loại hình văn hoá - nghệ thuật, nền kiến trúc cổ Hy Lạp đã có một giai đoạn phát triển rực rỡ trong gần 10 thế kỷ và đạt được những kết quả đáng khâm phục.

Chế độ dân chủ nông nô cổ Hy Lạp dù còn nhiều hạn chế, cũng đã tỏ ra hữu hiệu trong việc xây dựng các quốc gia thành bang, khuyến khích lợi ích tư hữu và sự bình đẳng tự do cá nhân của lớp thị dân, động viên được sự tham gia của họ vào đời sống chính trị và công việc điều hành nhà nước. Kiến trúc cổ Hy Lạp mang nặng dấu ấn của tinh thần cộng đồng giữa những thành viên bình đẳng trong xã hội, được thể hiện qua những lý thuyết sớm nhất về môn quy hoạch, về mối quan hệ giữa khu ở và khu trung tâm đô thị. Nhiều kiểu nhà mới, nhiều di tích giá trị như nhà họp, nhà hát, sân vận động... đã ra đời trong giai đoạn này.

Có lẽ ở đây, cuộc sống của con người giữa thiên nhiên đã giúp cho kiến trúc cũng đạt được sự gắn bó hữu cơ với thiên nhiên và với các nhu cầu thực tế của xã hội (hình 106).

Thức cột Hy Lạp là sự kết hợp tài tình giữa nhiệm vụ kỹ thuật với chức năng biểu tượng,



104. Tượng Nhica ở đảo Sappho



105. Propile ở Aten ngày nay

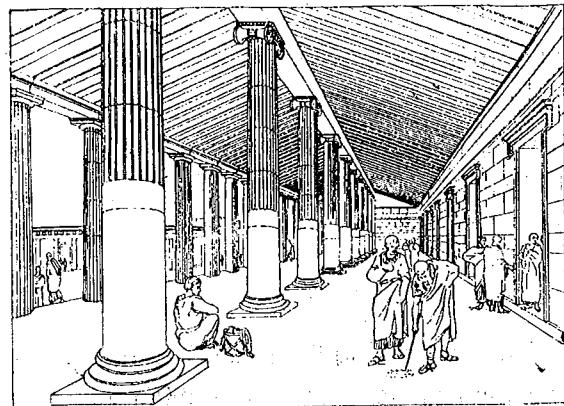
được bổ sung bằng hệ tỷ lệ rất tinh tế, làm cho con người không có cảm giác bị đe dọa hay áp đặt như trong kiến trúc cổ Ai Cập. Người Hy Lạp cổ đại coi tỷ lệ là phương thức tạo nên sự hoà hợp và thống nhất giữa các yếu tố trong một công trình, đáp ứng được các quan niệm nhân văn đương thời. Thức cột và tỷ lệ chính là những đóng góp khá then chốt của dân tộc Hy Lạp vào kho tàng kiến trúc nhân loại. Tính hợp lý, sự giản dị và sáng sủa trong bố cục, chất quần chúng thoáng mở không chút bí ẩn trong nội dung các đền đài, sự trung thực đã tạo nên được những cảm xúc hết sức mạnh mẽ, sâu sắc cho người đương thời cũng như mọi lớp người về sau, khi chiêm ngưỡng những thành tựu tuyệt vời của nền kiến trúc cổ Hy Lạp.

2.5. KIẾN TRÚC CỔ LA MÃ

2.5.1. Bối cảnh thiên nhiên - xã hội

Trong đoàn người di cư từ miền sông Đanuýp xuống phía Nam, một bộ phận định cư ở bán đảo Grekơ nằm ở phía Đông về sau trở thành dân tộc Hy Lạp. Bộ phận thứ hai định cư ở Trung và Bắc bán đảo Italia ở phía Tây, sau này trở thành đế quốc La Mã. Khí hậu ở bán đảo này ôn hòa, đất đai màu mỡ có tiềm năng về lâm sản và hải sản, có lợi thế về vị trí địa dư. Phong cảnh biển trữ tình, có nguồn đá thiên nhiên dễ khai thác, nhiều loại đất sét có chất lượng cao (hình 107).

Đầu thế kỷ thứ VIII trước CN, bán đảo Italia được chia làm 3 vùng: vùng Tây Bắc thuộc dân tộc Êtôruycơ, vùng Trung thuộc



106. Quảng cảnh Agora ở thành phố Priena



107. Bản đồ Italia cổ đại

người Latinh, và vùng phía Nam thuộc dân gốc Hy Lạp.

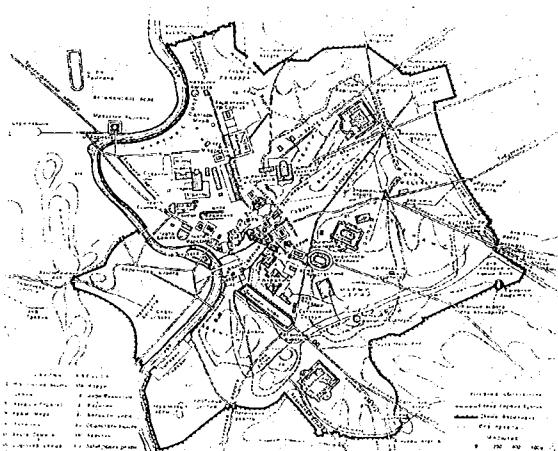
Đến giữa thế kỷ thứ VIII, liên minh các "quốc gia thành bang" ra đời, đứng đầu là quốc gia thành bang Etruria, mở đầu thời kỳ Vương quốc, lấy thủ đô là Rôma - một đô thị nằm trên bờ sông Tiborơ (hình 108).

Xã hội phân chia thành 3 lớp người: lớp vua quan và quý tộc, lớp thương gia, thị dân và tiểu nông, lớp người nô lệ lấy từ tù binh chiến tranh. Trên thực tế thì lớp người nô lệ không hề được hưởng bất cứ sự đối xử bình thường nào. Các chủ nô có thể đem họ làm thứ bán nhượng.

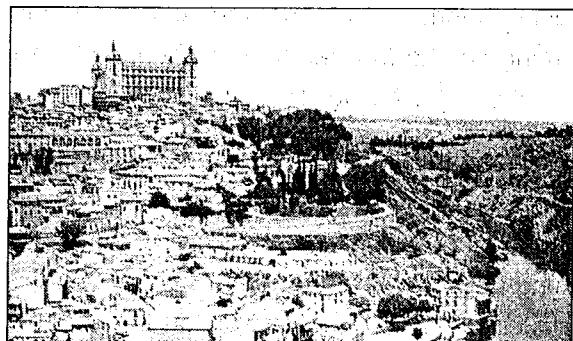
Đến thế kỷ thứ V trước CN, vua bị phế truất, chế độ Cộng hoà La Mã ra đời. Mọi người dân đều được ứng cử và bầu cử, có quyền biểu quyết. Quyền bính tập trung nơi Viện Nguyên lão, do hai viên quan Tổng tài cùng đứng đầu.

Từ một nước nhỏ bé với 7 ngọn đồi ven sông Tiborơ (hình 109), La Mã đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh thôn tính toàn vùng Địa Trung Hải và trở thành quốc gia hùng mạnh. Càng về sau, đám người tiểu nông càng bị bắt lính và bị dồn vào thế phải phá sản. Những mưu toan nổi dậy giành quyền sống của họ đều bị đàn áp.

Tới thế kỷ thứ nhất trước CN, có hai nhà quân phiệt là Pompei và Xêda đã sát cánh với một đại phú gia để thủ tiêu nền cộng hoà, lập ra chế độ độc tài La Mã. Nhưng cuối cùng toàn bộ chính quyền đã rơi vào tay Xêda.



108. Thành phố Rôma



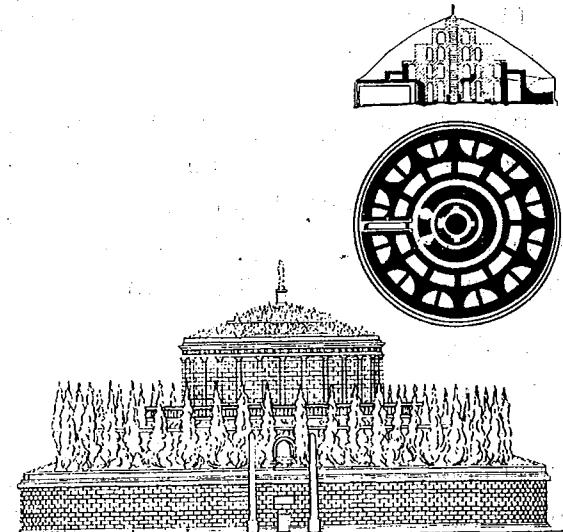
109. Đô thị trên đồi ven sông

Nhà độc tài này đã tiến hành nhiều cải cách quan trọng về chính trị và xã hội, nhanh chóng củng cố nền đế chế. Chẳng bao lâu sau, do sự tàn bạo vô song mà Xêda đã bị dân chúng giết chết.

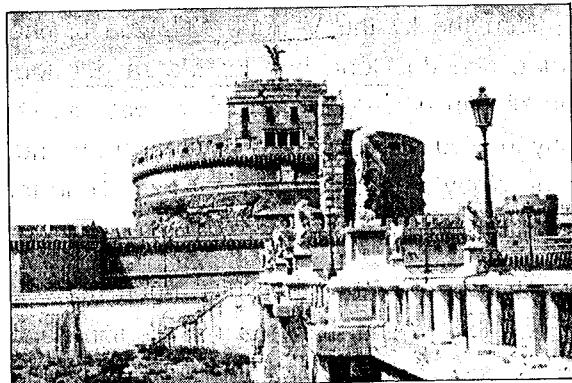
Thành công nhất trong các đời vua trị vì là người kế vị Xêda có tên là Ôctava, được tôn vinh thành Ôguyxtơ (có nghĩa là vĩ nhân). Trong đời vua kéo dài 44 năm, Ôguyxtơ đã mở rộng đất đai sang tận Pháp, Tây Ban Nha, Hy Lạp và các vùng tiểu Á, làm cho La Mã trở thành một đế quốc hùng cường (hình 110). Công nghiệp và thủ công nghiệp, giao thông thương mại đều đạt mức cực thịnh, ảnh hưởng của La Mã lan tỏa tận những vùng xa xôi như Ảrập, Ấn Độ, Trung Quốc.

Trong thời gian này, nền văn học, nghệ thuật được khuyến khích phát triển. Thủ đô Rôma được kiến thiết nguy nga tráng lệ để xứng đáng với vị trí trung tâm số một của thế giới cổ đại. Các nghị trường, đấu trường, khải hoàn môn, cầu dẫn nước, các lâu đài, cung điện, các nhà tắm công cộng được xây rất nhiều. Đã xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ, sử gia, triết gia lỗi lạc như Xixêrô, Horax, Titlia, Viecgiai v.v... Cũng từ đây đã ra đời ký tự Latinh, thứ chữ mà chính người Việt ta đang dùng ngày nay. Thời đại Ôguyxtơ được coi là thời hoàng kim của đế quốc La Mã.

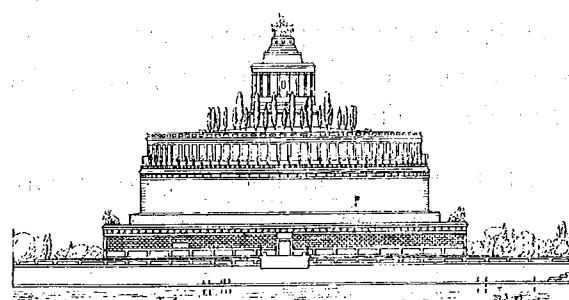
Liền trong hai thế kỷ (thứ I và II sau CN) nền đế chế La Mã được ổn định, có hòn quân như Nêrô, nhưng cũng có nhiều nhà quân quyền tài giỏi như Tiborđ, Ôre, Torgian v.v... đã giúp cho nghệ thuật kiến trúc và quy



110. Lăng hoàng đế Ogyxtơ ở Tiborđ
28 - 23 TCN



111. Quang cảnh lăng Hoàng đế Adrian ngày nay



112. Mặt đứng lăng Adrian

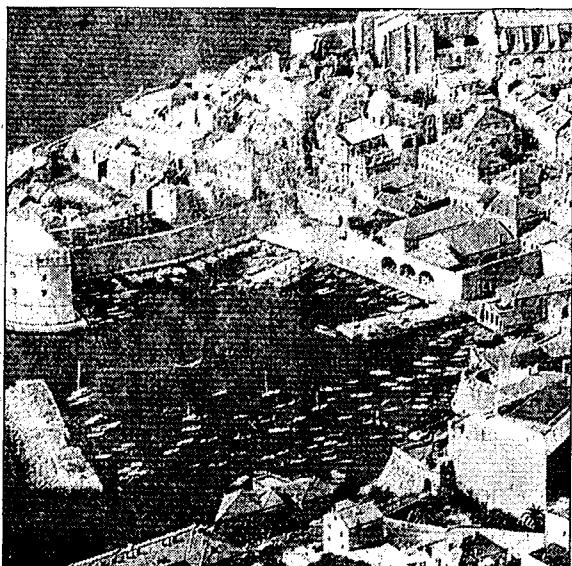
hoạch đô thị được phát triển và có nhiều thành tựu đáng kể (hình 111, 112, 113).

Chỉ từ sau thế kỷ thứ III trở đi, lớp dân thường lưu ngày càng xa hoa và biếng nhác, dân chúng chán nản, xa rời việc binh, tinh thần bạc nhược đến nỗi khi đem quân xâm lược thì đánh đâu bại đấy. Số nô lệ ít dần, nông nghiệp sa sút, công thương nghiệp và hàng hải đều ngừng trệ. Bộ mặt đô thị ngày càng xơ xác. Nạn cát cứ nổi lên, chia La Mã thành hai miền: miền Đông lấy kinh đô là Bidăng, miền Tây lấy kinh đô là La Mã. Đến thế kỷ thứ IV, các cuộc nổi dậy của tiểu nông và nô lệ trong nước đã làm cho chính quyền bị lung lay đến tận gốc. Lại gặp lúc các bộ tộc Giecmen từ phương Bắc tràn vào chiếm được miền Tây. Thành Rôma thất thủ, đế quốc La Mã ở miền Tây sụp đổ hoàn toàn (hình 114, 115, 116). Trung tâm văn hóa lúc này chuyển hẳn sang miền Đông với thủ đô là Bidăng, còn gọi là Côngxtăngtinốp, đưa xã hội châu Âu bước vào thời kỳ xã hội phong kiến. Năm ấy là 476 sau CN.

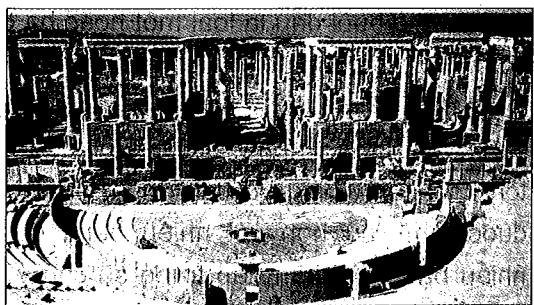
2.5.2. Sự phân kỳ kiến trúc cổ La Mã

Nền kiến trúc cổ La Mã kéo dài trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ VII trước CN đến cuối thế kỷ thứ V sau CN, chia thành 3 thời kỳ:

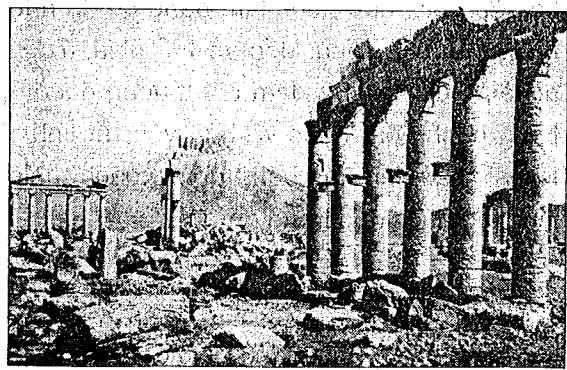
- 1- Thời kỳ vương quốc hay còn gọi là thời kỳ Etaruyxcơ (Thế kỷ thứ VIII - V trước CN)
- 2- Thời kỳ Cộng hòa La Mã (thế kỷ thứ V trước CN đến năm 30 sau CN).
- 3- Thời kỳ Đế quốc La Mã (Năm 30 đến năm 476 sau CN).



113. Một phần thành phố cổ La Mã



114. Nhà hát Sabrata (TK III) trong hoang phế



115. Đô thành Palmira hoang phế

2.5.3. Kiến trúc La Mã trong thời kỳ Vương quốc (Etoruyxcơ)

Như trên đã nói, Etoruria là quốc gia thành bang hùng mạnh nhất của La Mã thời Tiền cổ, bắt đầu từ thế kỷ thứ VIII trước CN.

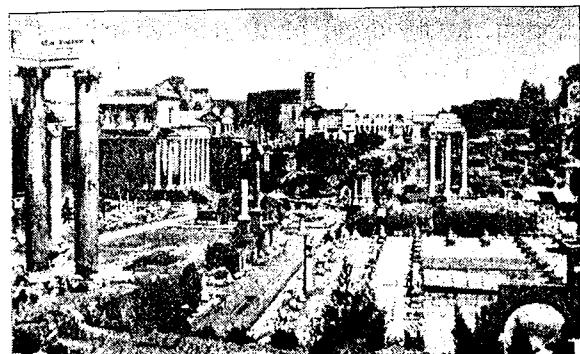
Xây dựng đô thị thời kỳ này được ưu tiên phát triển. Khi xây dựng đô thị, người Etoruria có dụng cụ đo để đặt các phố chính theo đúng chiều ánh sáng. Sau đó họ xác định ranh giới, vị trí các tường thành và cổng thành.

Các đô thị thường làm quanh một khu trung tâm nằm trên đồi cao với một ngôi đền thờ ba gian. Mạng đường phố có hình ô cờ (hình 117).

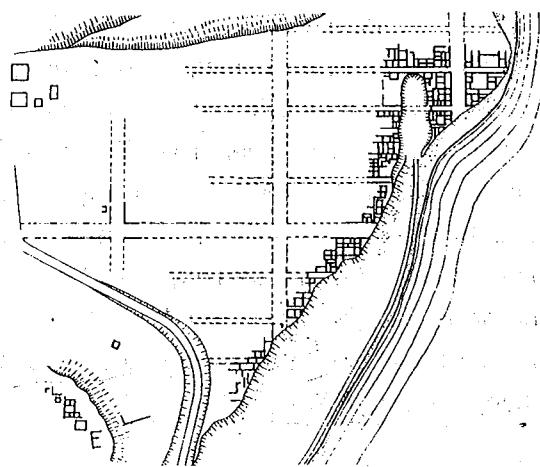
Đền thờ buổi đầu là loại một hoặc ba gian có mặt bằng gần vuông với 8 cột dựng làm 2 hàng ở phía cửa vào. Tường hồi sau và tường bên xây đặc kín, không cửa sổ. Nền đền được tôn khá cao. Càng về sau, hiên trước càng được làm sâu hơn với nhiều hàng cột có nhiều bậc lên, nhằm tập trung sự chú ý của người mò đạo vào phía gian thờ. Gian này nằm ở trong cùng, có đặt tượng. Cột đền và bộ sườn mái đều được làm bằng gỗ, trên lợp ngói. Mái đua rộng, dốc về hai phía. Tường ngoài, diềm mái và dầm cột thường được ốp bằng gạch gốm hoặc vẽ hoa văn rất tinh vi. Ngoài các đền xây bằng gỗ và gạch, nhiều lăng mộ được đục trong đá.

Thức cột La Mã

Người La Mã thừa kế 3 thức cột Hy Lạp với ít nhiều biến tấu theo những cách riêng của



116. Đô thành hoang phế



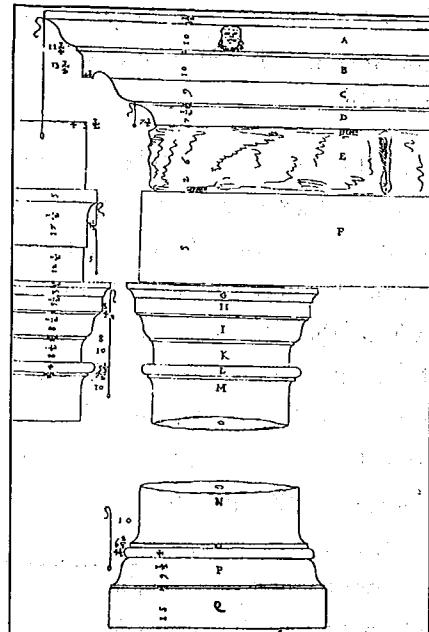
117. Sơ đồ thành phố Marxabotlo
thuộc Vương quốc La Mã TK IV trước CN

mình. Từ thức cột Đôri truyền thống, họ đã tạo nên thức Toscan, khoé khoắn, gây được ấn tượng chịu tải trọng ổn định nhờ lược bỏ hết các khía của thức Đôri. Đôi khi cột Toscan còn có thêm chân đế (hình 118). Đến cuối thời Cộng hòa, họ còn cho ra đời thức cột Compozit (có nghĩa là phức hợp) - một sự kết hợp giữa thức Ioni và thức Coranh cũ, với sự trang trí diêm dúa hơn và sự dụng hình cung phức tạp hơn (hình 119).

Theo Andre Palladio trong "Bốn cuốn sách về kiến trúc" thì Toscan là thức cột "bình dị và đơn giản nhất trong các thức cột", thường được bố trí ở dưới cùng, trong các nhà kho, nhà cầu một tầng hoặc ở dưới các tầng hầm. Tầng trên đó dựng cột thức Đôri, rồi đến cột thức Ioni. Tầng trên nữa → đến cột thức Coranh và trên cùng là cột thức phức hợp (Compozit). Thứ tự này luôn ổn định, không bao giờ bị đảo lộn.

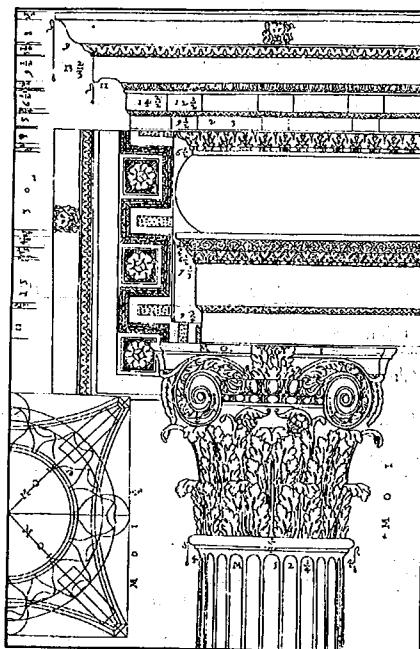
Đến thế kỷ thứ VII trước CN, Êtôruria nhập vào với La Mã trong chế độ Cộng hòa nô lệ, mở ra một giai đoạn phát triển mới về kiến trúc. Công trình quốc phòng được xây khắp nơi. Trên các công trình đều thấy rõ dấu ấn của nền văn hoá Hy Lạp. Đền thờ chịu ảnh hưởng cách trang trí Hy Lạp, với nhiều cột hiên.

Tuy chính quyền bị sụp đổ ở thế kỷ thứ VI trước CN, nhưng nghệ thuật xây dựng đô thị, cách bố cục công trình theo trực, các đền đài có tượng, các kiểu nhà của người Êtôruria vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến nền kiến trúc mới của La Mã trong một thời gian dài.



118. Thức cột Toscan - La Mã

119. Thức cột phức hợp (Composit)



2.5.4. Kiến trúc thời kỳ Cộng hoà La Mã (từ thế kỷ thứ V trước CN đến năm 30 sau CN)

Được thành lập sau khi thoát khỏi các triều vua Etoruyxcơ vào năm 509 trước CN, nền Cộng hoà La Mã đã tồn tại trong khoảng 540 năm, cho đến khi xuất hiện Đế quốc La Mã. Đó là một giai đoạn chiến tranh với ngoài liên tiếp, mâu thuẫn bên trong triền miên. Song đây cũng lại chính là thời kỳ ra đời của nền kiến trúc La Mã khác với giai đoạn kiến trúc Etururia trước đó. Đặc điểm nổi bật của nền kiến trúc này là sự chọn lựa tiếp thu cải biến và nhấn mạnh các kiểu mẫu, các phương pháp bối cục tiên tiến của các dân tộc khác, trước tiên là hai dân tộc Hy Lạp và Etururia.

Sự phát triển các giải pháp kết cấu táo bạo, sự hoàn thiện một cách mau lẹ các kỹ thuật xây dựng, các kỹ xảo công nghệ, cùng với tài lợi dụng tối đa địa hình, phong cảnh hướng gió và mặt trời, khí hậu, nguồn nước v.v... là đặc điểm nổi bật trong kiến trúc thời kỳ này.

Đá là vật liệu xây dựng chính với rất nhiều chủng loại màu sắc. Đá vôi, đá thô, đá cẩm thạch, hoa cương xám, vàng, nâu dùng xây đền đài. Gạch không nung, rồi về sau có thêm các loại gạch nung dùng để xây nhà ở. Có cả loại gạch hình năm cánh hoặc gạch tròn dùng để xây cột.

Nếu trong đô thị Hy Lạp cổ đại đã từng hình thành các quảng trường trung tâm gọi là agora, thì trong đô thị cổ La Mã đã ra đời

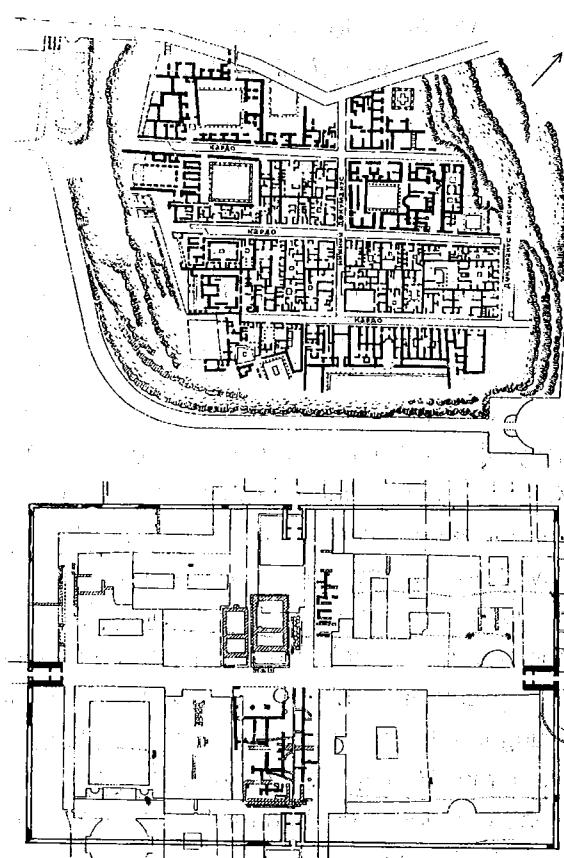
Quảng trường trung tâm Hy Lạp → agora
La Mã → forum

hàng loạt các trung tâm kiểu mới gọi là phorum. So với agora Hy Lạp, phorum La Mã có quy mô lớn hơn nhiều và nội dung, thành phần công trình cũng phong phú hơn nhiều. Quy hoạch đô thị theo dạng bàn cờ. Các loại công trình quốc phòng, các đô thị lấy khu quân sự làm trung tâm, các đường sá, cầu cống, kho tàng được khuyến khích phát triển (hình 120).

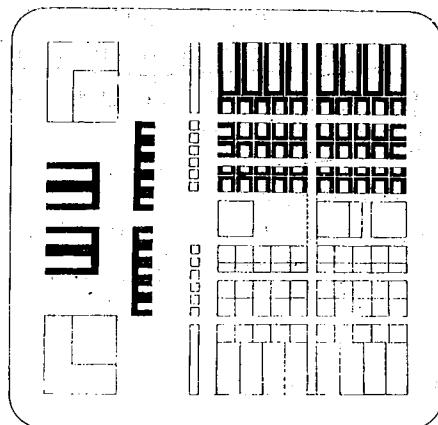
Trong giai đoạn đầu của nền cộng hòa (từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ II trước CN) đáng chú ý là sự phát triển phorum của 2 thành phố Pompei và Roma.

Ban đầu Rôma vốn chỉ là một ngôi làng nhỏ với các lều hình chữ nhật, khung bằng gỗ, vách lau sậy trát đất, kích thước khoảng 3m - 5m mỗi chiều. Đến thế kỷ thứ VII mới có bức tường thành đá ống dài 7km. Bốn thế kỷ tiếp theo, ở đây mới hình thành các đường phố hẹp và gãy khúc một cách tự phát. Dần dần trong cuộc chinh phạt, quân La Mã đã lập nên các lều trại có hình chữ nhật đặt cách đều nhau. Về sau lều trại được thay bằng các thị tứ xây gạch kiên cố dùng vào mục đích quân quản và công trình công cộng. Tại các chỗ giao nhau của những con đường lớn đã hình thành những trung tâm thương nghiệp, thu hút các thương nhân, thợ thủ công, gia đình binh sĩ. Mô hình trại lính ô cờ của La Mã sau đó trở thành một kiểu mẫu, là một đóng góp quan trọng vào nguyên lý quy hoạch cổ đại (hình 121).

Khu trung tâm Rôma được xây dựng trong một thời gian kéo dài, qua nhiều lần phá đi



120. Các đô thị thời Cộng hòa La Mã Ghecculamun (trên) và Oxchia (dưới)



121. Sơ đồ bố trí trại lính La Mã

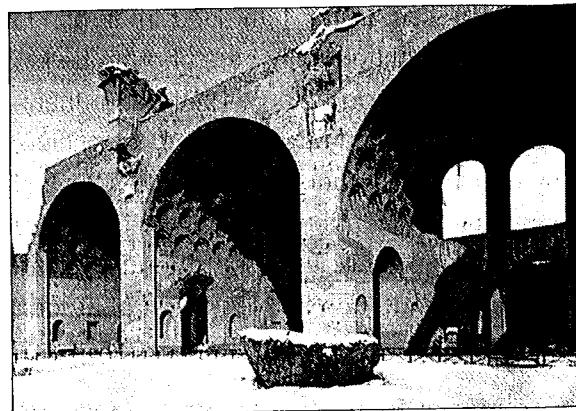
làm lại. Vì vậy sự lộn xộn trong quy hoạch là điều khó khắc phục (hình 122, 123).

Phorum Roma ra đời từ thế kỷ thứ VI trước CN tại một nơi gần sông Tiborơ và hồ Exulap. Lúc đầu đây chỉ là nơi họp chợ và tụ hội dân chúng. Lâu dần có thêm Hoàng cung, nhà Hội đồng, Quảng trường, các đền dài, các baxilica v.v... các khu vực buôn bán bị chuyển dần ra ven ngoài. Mặc dù được tôn nền và sửa chữa vào thế kỷ thứ I trước CN, phorum Rôma vẫn ngày càng trở nên chật chội. Vì vậy vào thời Xêda, để khẳng định uy quyền của mình nhà độc tài này đã cho cất phorum mới. Phorum này khác hẳn các hời tụ họp công cộng trước đó. Ở đây không hề có các baxilica (nơi hội họp của dân chúng), còn các dân buôn bán thì bị dẹp sâu vào phía trong và sang một bên. Trung tâm bố cục của phorum là ngôi đền thờ thánh mẫu Venera và bức tượng bằng đồng tạc hình Xêda đang cười trên mìn ngựa. Hai hàng cột hiên hai bên khép quần thể lại trong một diện tích $42m \times 125m$, tách khỏi thiên nhiên bên ngoài. Nhìn bề ngoài, kiến trúc phorum Xêda có phần thô nặng mang tính phòng thủ. Đổi lại, nội thất được trang hoàng bằng các vật liệu quý nhiều màu sắc cùng các tượng đá hoa cương hết sức lộng lẫy.

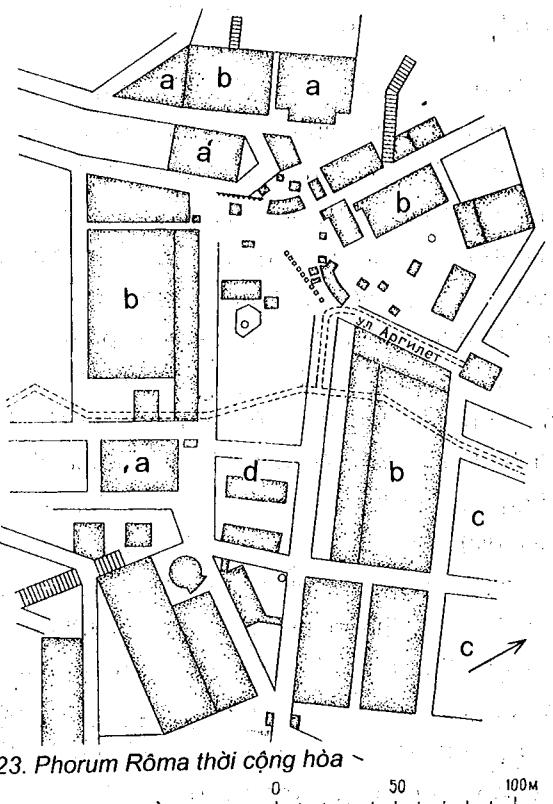
Được xây dựng theo một ý đồ nhất quán, phorum Xêda đã khẳng định một hình thức phorum La Mã mới khá thịnh hành trong các giai đoạn sau.

Thành phố Pompei

Nằm ở ven biển phía Tây núi Italia, Pompei là trung tâm của một vùng trù phú, có



122. Basilica Maxenxi ở Rôma. TK IV



123. Phorum Rôma thời cộng hòa

- a) đền
- b) baxilica
- c) chợ
- d) dàn xử giáo

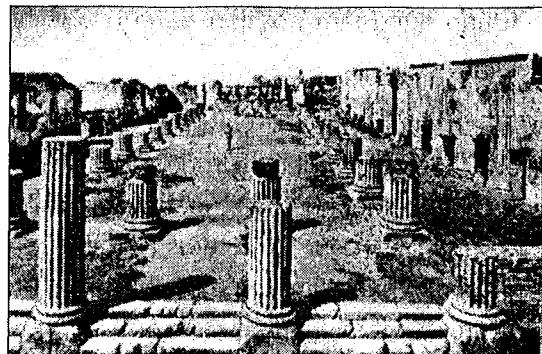
nhiều nhà vườn sang trọng, nhiều loại công trình công cộng nổi tiếng như đền dài, nhà hát, nhà tắm công cộng. Phorum Pompei được đặt ở phía Tây Nam thành phố, bề ngang hẹp (38m), chạy trên chiều dài 142m theo hướng Bắc - Nam. Hàng hiên bao 3 mặt, cao 2 tầng, với cột thức Đôri ở tầng dưới, thức Ioni ở tầng trên, được khép lại ở mặt hướng Bắc bằng ngôi đền thờ Juypite. Nhiều đền dài, công trình công cộng quan trọng lần lượt được xây quanh phorum này, tạo nên một tổng thể hài hòa với khung cảnh xung quanh (hình 124, 125).

Đền thờ và Thánh đường

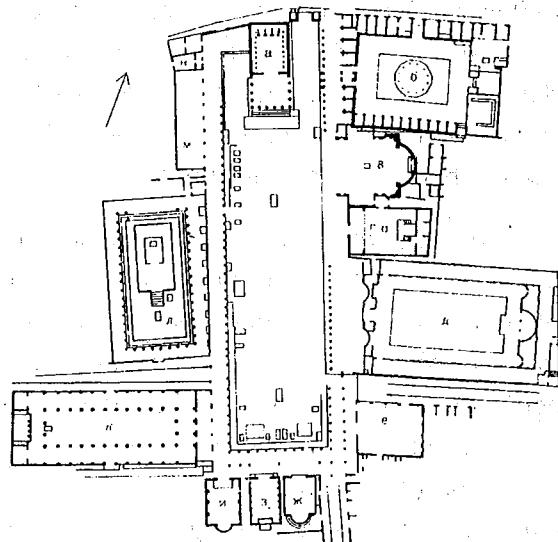
Thời Cộng hòa đền thờ được xây dựng ở hầu khắp các đô thị. Các đền thờ trở thành loại hình công cộng chính thống của La Mã trong khoảng 4 thế kỷ từ thứ V đến thứ I trước CN. Đền Capitol ở Rôma thờ ba vị thần là một tòa nhà lớn ($56,85m \times 61,6m$) đặt trên đồi cao ngự trị cả một vùng thành phố.

Cùng thời còn có đền Hòa Bình ở Pestum, đền Apollon ở Pompei, và một số quần thể khác với nhiều đền lớn nhỏ cao thấp đứng liền nhau. Như quần thể đền ở chợ Hoa quả, chợ Trâu bò, hay quần thể Lácgo ở Rôma (hình 126).

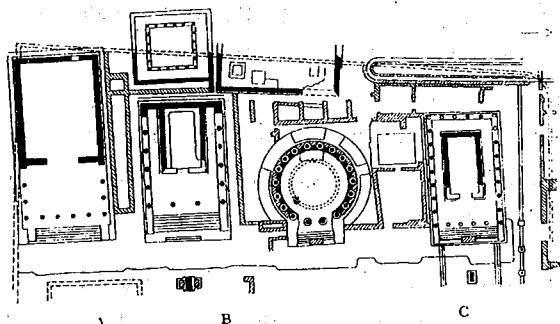
Ngoài các ngôi đền độc lập, thời gian này còn có thêm những quần thể thờ cũng là các thánh đường, được xây dựng trên các sườn núi, tại những địa danh linh thiêng. Ở những thánh đường này, tòa nhà chính là ngôi đền thường được làm bên cạnh một nhà hát đặt ở



124. Quang cảnh phorum Pompei ngày nay



125. Mặt bằng phorum Pompei



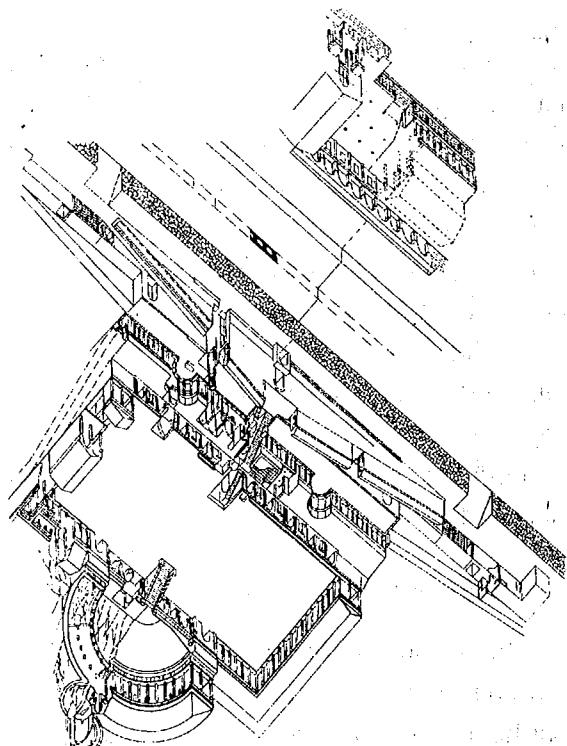
126. Quần thể Lacgo và đền tròn
ở Rôma TK IV - trước CN

dưới thấp dùng làm nơi tiến hành các lễ hội tôn giáo.

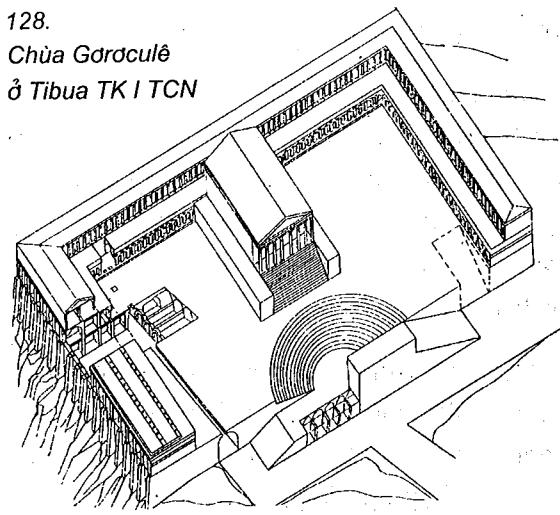
Thánh đường Iona ở Gabi hình thành vào khoảng đầu thế kỷ thứ II trước CN trên một ngọn đồi cao. Một nhà hát ngoài trời hình vòng cung được đặt dưới chân đồi. Nhà hát này cùng với dãy hành lang ba mặt phía sau dùng cột thúc Đôri tạo thành một quần thể hoàn chỉnh. Chính giữa toà thánh là ngôi đền dài 23,9m; rộng 17,8m. Cách bố cục cân xứng tuyệt đối qua trục dọc của tổng thể này là điểm khác hẳn so với các công trình tôn giáo Hy Lạp trước đây. Toà thánh có tầm bao quát tốt và khá ăn nhập với cảnh quan xung quanh.

Tiếp tục phát triển và mở rộng hơn mô hình thánh đường đối xứng là toà thánh Photuna ở Perenesti, được xây dựng vào thế kỷ thứ I trước CN (hình 127). Xuất phát từ một ngôi đền nhỏ bên sườn đồi có dốc dựng đứng, người Gabi đã xây lên toà thánh lớn phía trên, giật làm tám cấp. Cấp thứ tám kết thúc ở trên cao bằng một ngôi đền nhỏ hình tròn, là điểm chốt cuối cùng trên trục đối xứng. Quần thể này hướng ra biển và được mở rộng dần từ những bức tường vòm nặng nề dưới thấp, qua các hiên cột ở các cấp trung gian để tới ngôi đền tròn, được phụ họa bằng các bậc lên. Đây là một thành tựu kiến trúc đền đài chưa từng thấy ở thời vương triều La Mã trước đó.

Khu toà thánh lớn cuối cùng thời kỳ Cộng hoà là Thánh đường Goroculê ở Tibua, cũng được bố cục theo cách đối xứng tuyệt đối. Do đất quá chật nên phải đẩy cánh trái của chùa



127. Chùa Photuna ở Perenesti TK I TCN



128.
Chùa Goroculê
ở Tibua TK I TCN

ra sát triền dốc nhờ một bức tường chắn đất hai tầng ở phía giáp bờ sông. Phía trước thánh đường, lợi dụng độ dốc của núi đá có một nhà hát quay mặt ra biển. Nhà hát này cùng với những hàng bậc đá đã tạo nên một khung cảnh vừa trữ tình, vừa tự nhiên (hình 128).

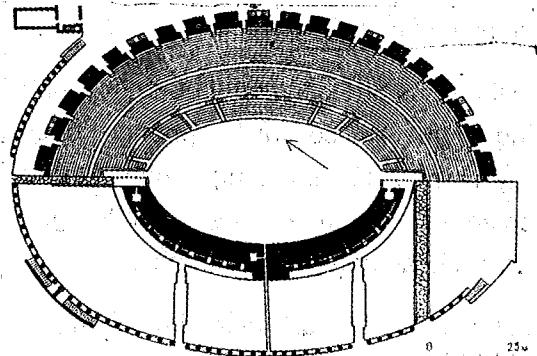
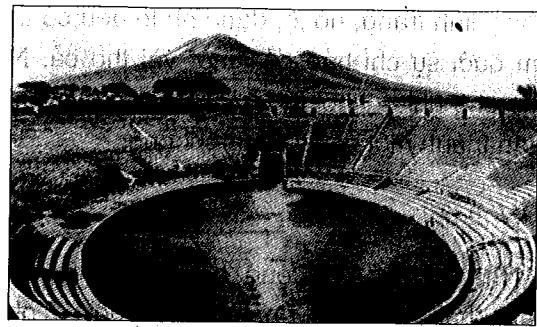
Thời gian này còn có nhiều nhà xem biểu diễn loại lớn đặt trực tiếp trên triền dốc (gọi là amphitéatord) để thưởng thức các cuộc đua hoặc đấu súc vật. Những nhà này có hình ôvan, kích thước từ 74m × 84m đến 105m × 149m, chứa được tới 29 ngàn người. Sân thi đấu rộng từ 40m × 550m đến 35m × 65m (hình 129).

Cũng có cả những rạp xiếc để xem đua ngựa, dài tới gần 500m. Nhưng các thời đại sau loại công trình này bị biến tướng thành các dạng nhà công cộng với mục đích khác (hình 130).

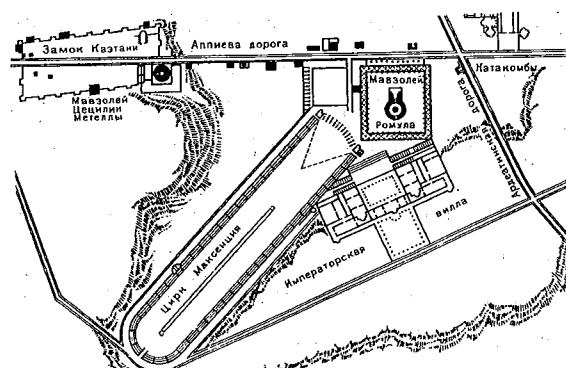
Bê tông xuất hiện

Trong thời kỳ Cộng hòa ngoài vật liệu có sẵn là đất nung, kỹ thuật xây dựng La Mã được đánh dấu bằng sự ra đời của một loại vật liệu mới - đó là bê tông.

Bê tông với nguyên liệu chính là đá vôi, đã giúp cho kiến trúc La Mã cổ đại đạt được một số thành tựu. Nhà kho Emilep là một trong những công trình đầu tiên có tường và vòm được đổ bằng bê tông. Toà nhà này nằm dọc sông, dài tới 500m, có 400 cột. Vật liệu bê tông làm cho thao tác xây dựng trở nên dễ dàng, không đòi hỏi thợ bậc cao như xây đá.



129. Nhà hát
ở Pompei



130. Rạp xiếc Maxenxi ở Rôma năm 312

Vì vậy lính tráng, nô lệ, dân tinh lẻ đều có thể làm dưới sự chỉ bảo của một vài thợ cẩn. Nó giúp cho nhiều khối lượng xây dựng lớn được hoàn thành một cách nhanh chóng.

Nhà ở

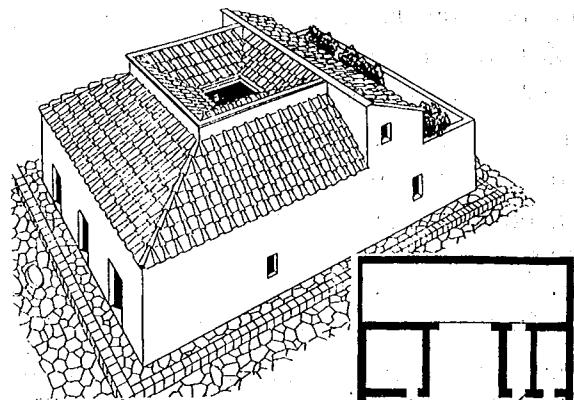
Nhà ở thời kỳ Cộng hòa được chia ra thành hai loại chính: nhà trong phố và nhà biệt thự ở vùng thôn quê.

Nhà trong phố của tiểu thương hay thợ thủ công nghèo chỉ có vài ba phòng, có phần quay ra phố để làm hàng. Phần dành cho việc ăn ngủ được đưa sâu vào bên trong, trên tầng hai hoặc trên gác xép (hình 131).

Những nhà khá giả, điền chủ chiếm những khoảng đất rộng, nhiều khi bằng cả một ô phố để xây các ngôi nhà có sân trong. Các phòng ở đều xoay quanh sân này.

Bốn phía ngoài nhà đều có tường với rất ít cửa sổ để thông gió, trừ một phía có trổ cửa ra vào. Mái lợp kín cả nhà và sân, có lỗ thủng vuông ở nóc để lấy ánh sáng và để nước mưa có thể rơi thẳng vào bể phía dưới. Ngôi nhà sớm nhất còn sót lại đến sau này có tên gọi là nhà "Thày phẫu thuật," (surgeon) được xây bằng đá ong với mạch vữa bằng đất sét, nền bằng đất nện, tường trát vữa (hình 132).

Sang đến thế kỷ sau, nhà ở ngày càng phát triển theo hướng xa hoa cầu kỳ hơn. Sân trong ngày càng rộng, kèm theo các vườn cây nhỏ. Có nhiều nhà có tới 2,3 thậm chí 4 sân trong. Nhà Panxa cao 3 tầng có mặt tiền rộng tới 34m và phát triển rất sâu vào trong. Nhà

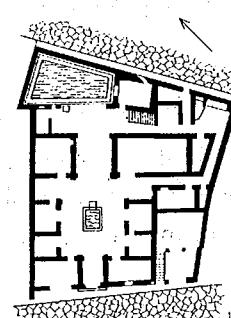


131. Nhà ở đô thị thời

Cộng hòa La Mã

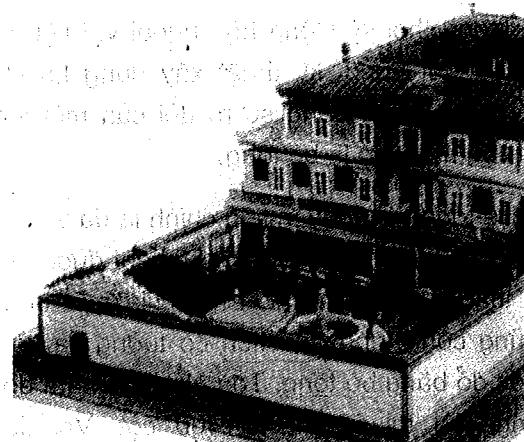
Mặt bằng và

phối cảnh



132. Mặt bằng ngôi nhà

"Thầy phẫu thuật"



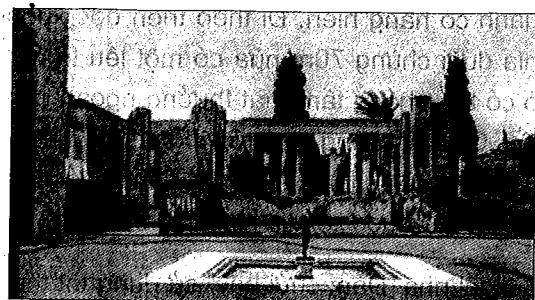
Nhà Panxa TK II, TCN

Phavona qua ba lần sân từ nhỏ đến lớn rồi kết thúc bằng sân lớn nhất ($32m \times 35m$) có hàng cột hiên thức Đôri (hình 133).

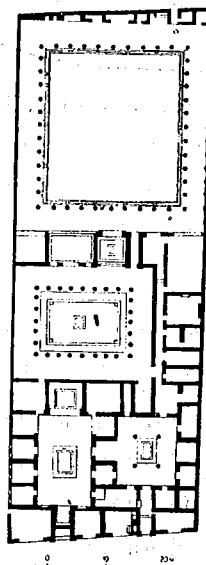
Xã hội La Mã vốn là một xã hội điền chủ, nhà giàu sống bằng thu tō. Tầng lớp quý tộc cũng giàu lên từ nông nghiệp. Việc điều hành, chế biến và chứa nông phẩm được diễn ra ở những nơi gọi là biệt thự (villas). Mọi người đều rất coi trọng nơi này, xem như gốc rễ của mọi thành đạt. Từ những cơ cấu đơn giản ban đầu, qua một vài thế kỷ, biệt thự nông thôn đã phát triển thành những tòa nhà đồ sộ, nhiều sân, hiên, nhiều buồng phòng, đường đi lại, hồ nước, toạ lạc giữa thiên nhiên đầy cây cỏ, tạo nên môi trường thực sự trong lành cho những người cư ngụ tại đó.

Gắn kiến trúc với cảnh đẹp tự nhiên là cách làm truyền thống của người La Mã. Phong cảnh thiên nhiên nhờ có công trình tô điểm càng trở nên hấp dẫn. Những trang trí khép kín trong bốn bức tường nội thất trước đây nay được mở rộng ra bên ngoài, hòa vào không gian rộng lớn.

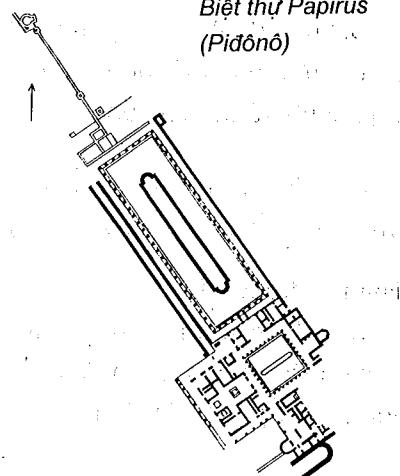
Vào cuối thời Cộng hoà, các biệt thự được xây dựng xa hoa chưa từng thấy. Điển hình là biệt thự Papyrus (còn gọi là biệt thự Pidônô) trên sườn dốc chạy suốt chiều dài gần 200m từ chân núi ra tới biển (hình 134). Nhà chính dài tới 79m, rộng hơn 50m. Trong nhà có nhiều lầu quán, phòng ăn, phòng ngủ, một sân trong và một thư viện với nhiều sách cổ, bản thảo và nhiều tượng bán thân của các thi sĩ, triết gia. Nối liền ngôi nhà là một vườn cảnh và bể bơi chạy dài hàng trăm mét, xung



133. Nhà Phavona
Sân trong và mặt bằng



134.
Biệt thự Papyrus
(Piđônô)



quanh có hàng hiên. Đi theo triền dốc xuống phía dưới chừng 70m nữa có một lều tròn, từ đó có thể phóng tầm mắt thường ngoạn cảnh biển. Cả một không gian rộng lớn được trang trí vườn hoa, cây cảnh, bể cá, đài phun nước. Các loài cây bụi được xén tỉa hình các con vật.

Ngôi nhà "Đám cưới bạc" sử dụng tốt thuật phối cảnh mở thông nội thất, đáng được đời sau học tập (hình 135).

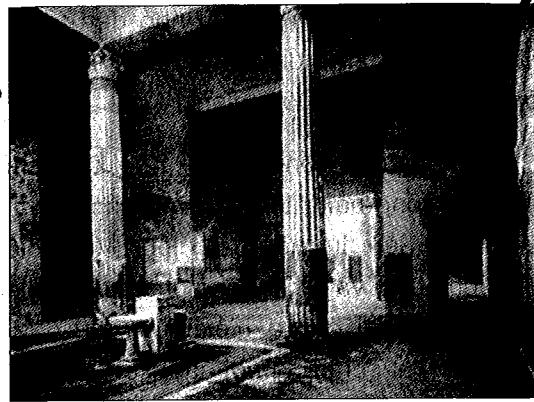
Vào cuối thời kỳ Cộng hoà, phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ bị khủng hoảng trầm trọng. Bạo động nổi lên khắp nơi, nhưng gấp phải sự chống giữ quyết liệt bằng bạo lực của chính quyền.

Sau 5 thế kỷ, nền Cộng hoà đã tạo nên được nhiều loại hình nhà công cộng, nhà ở, công trình mộ chí và các công trình kỹ thuật, đã hình thành loạt nguyên lý bố cục và ngôn ngữ kiến trúc của riêng mình (hình 136). Đặc biệt sự ra đời của vật liệu bê tông và kết cấu vòm đã mở ra những khả năng biểu hiện mới cho nghệ thuật xây dựng. Thế kỷ cuối cùng trước CN còn đánh dấu sự mở rộng của kiến trúc ra những quy mô lớn hơn và những hình tượng hoành tráng hơn nữa.

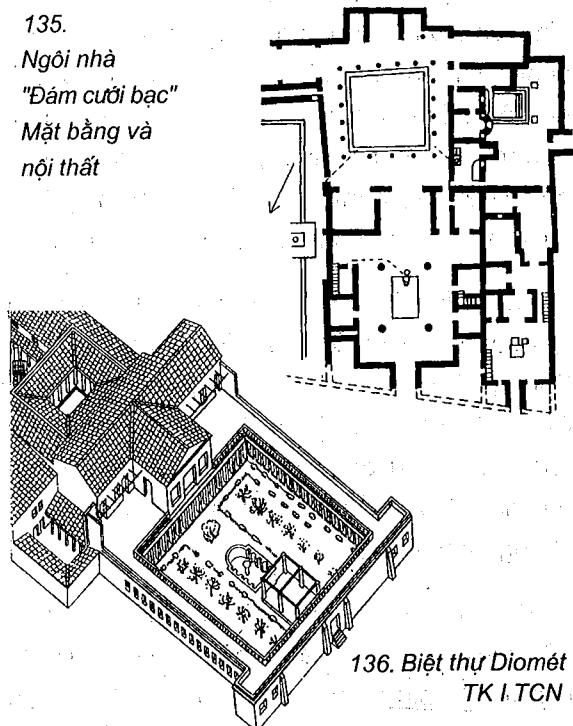
2.5.5. Kiến trúc thời kỳ Đế quốc La Mã (từ năm 30 đến năm 476 sau CN)

Năm 27 trước CN, ba năm sau khi dẹp yên cuộc nội chiến đẫm máu, Ôguyxto lập nên nhà nước Đế quốc La Mã. Và nhà nước này đã tồn tại trong 5 thế kỷ liền.

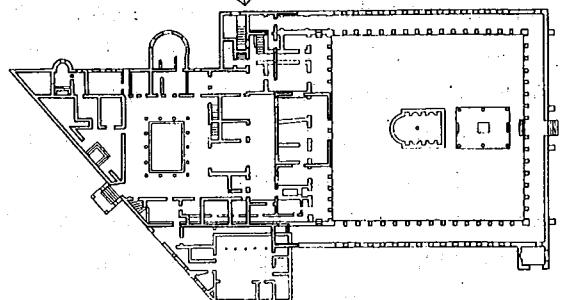
lịch sử việt nam



135.
Ngôi nhà
"Đám cưới bạc"
Mặt bằng và
nội thất



136. Biệt thự Diomét
TK I TCN

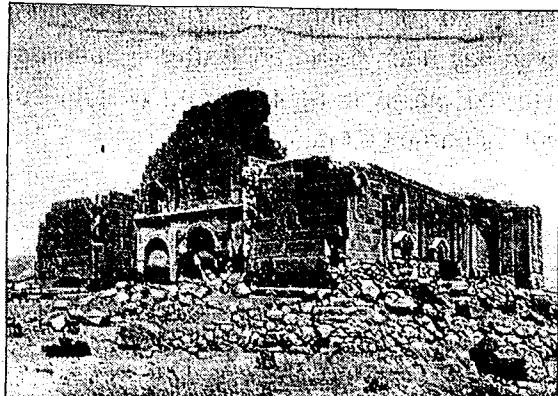


Đế quốc La Mã rộng lớn được hợp lại từ nhiều dân tộc, nhiều trình độ phát triển khác nhau đã dần dần xác lập được sự thống nhất. Sau Ô guyxto, những cuộc tranh giành quyền lực không lúc nào dứt đã lần lượt đưa các nhà độc tài lên ngai: Tiborơ, Neron, Phlaviep (69 - 97 sau CN); Tơragian (98 - 117) Adrian (117 - 138) v.v...

Từ cuối thế kỷ thứ hai đến giữa thế kỷ thứ ba, đế quốc La Mã thi hành chế độ quân chủ dựa trên bạo lực. Thế kỷ thứ ba diễn ra nhiều đợt khủng hoảng chính trị xã hội gay gắt giành ngôi vua, khởi nghĩa của đám người bị áp bức, nạn cát cứ, tình cảnh thua trận liên tiếp. Sự hưng thịnh càng về sau càng trở thành những đoạn ngắt quãng ngắn ngủi, trong thế đi xuống rõ rệt. Cho tới thế kỷ thứ V thì nền đế chế La Mã phải chấm dứt.

Kiến trúc Đế quốc La Mã đặc trưng bởi chất hoành tráng, tầm không gian rộng lớn để tương xứng với tầm vóc của một đai quốc gia. Những loại nhà ra đời từ thời Cộng hoà như phorum, baxilica, trại lính, tecma, nhà hát, cầu dẫn nước v.v... được phổ biến ra khắp vùng lãnh thổ (hình 137). Sự phù hợp giữa kết cấu với hình dáng kiến trúc, việc áp dụng các cấu kiện trang trí được công bố một cách tuyệt hảo, các giải pháp kỹ thuật hoàn chỉnh, đã rút ngắn tối đa thời gian thi công. Kiến trúc La Mã đã được gắn một cách khéo léo vào mỗi đặc thù địa hình, đồng thời tiếp thu được nét đặc sắc của từng địa phương.

Khoảng giữa thời kỳ Đế quốc La Mã đã ra đời "Mười cuốn sách về kiến trúc" của



137 *Baxilica Etorutxka. TK V*

một kỹ sư công binh tên là Vitruvius. Cuốn sách này được coi là công trình lý luận đầu tiên, có giá trị trong kho tàng lý luận của nền kiến trúc La Mã.

Quy hoạch đô thị

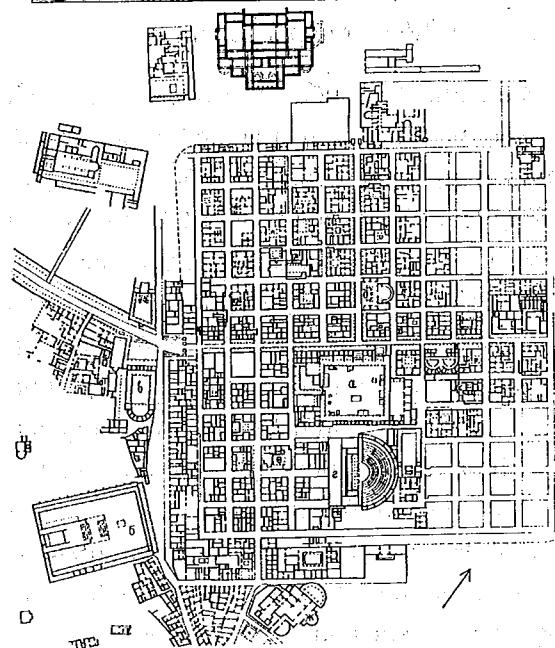
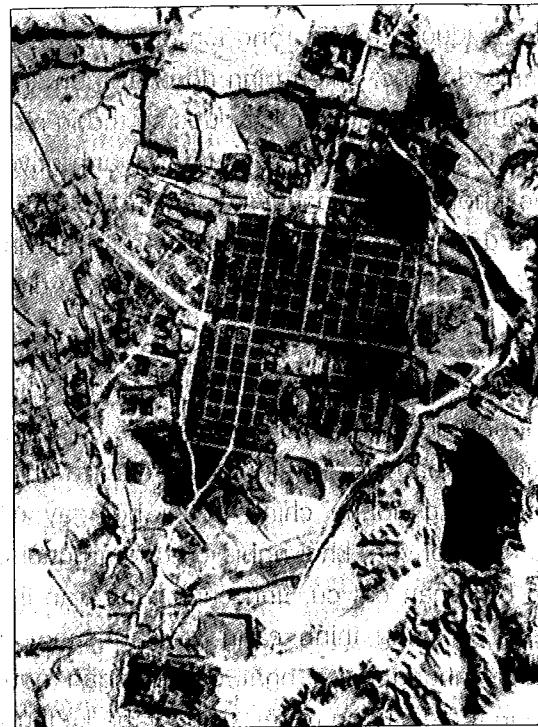
Kế tục lối quy hoạch theo ô cờ của người Hy Lạp và quy hoạch kiểu trại lính thời Cộng hòa, các đô thị thời kỳ Đế quốc La Mã vẫn lấy trung tâm là các phorum.

Giống như quy hoạch trại lính, mỗi đô thị thường có hai đường phố chính theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây rộng từ 9 đến 13m cắt nhau ở trung tâm, nơi ấy thường đặt phorum. Các đường phố phụ rộng khoảng 4,5m, hai bên có hè rộng 1m.

Thành phố Ephesos có con đường chính dài tới 25km. Thành phố Palmir còn dùng tới 375 cây cột cao 17m trên chiều dài 1135m ở hai bên đường phố chính, trên lưng chừng cột có hành lang chạy ngang để dân chúng có thể leo lên quan sát các hoạt động đang diễn ra trên đường.

Ngoài phần lớn các phố ở trung tâm được quy hoạch theo hình ô cờ còn có một phần phố xá ở ngoại vi được xếp đặt một cách tự do, như trường hợp thành phố Timgat (hình 138).

Quy hoạch đô thị thời kỳ này cũng bộc lộ mâu thuẫn bên trong của xã hội chiếm hữu nô lệ. Nằm ở khu trung tâm là các loại đền dài cung điện nguy nga, biệt thự sang trọng, nhà hát, nhà tắm đồ sộ, còn những khu nhà tắm tối, chật chội, những túp lều ổ chuột xiêu



138. Khu trung tâm và vùng ngoại vi thành phố Timgat (Bắc Phi) do hoàng đế Trajan thiết lập TK I

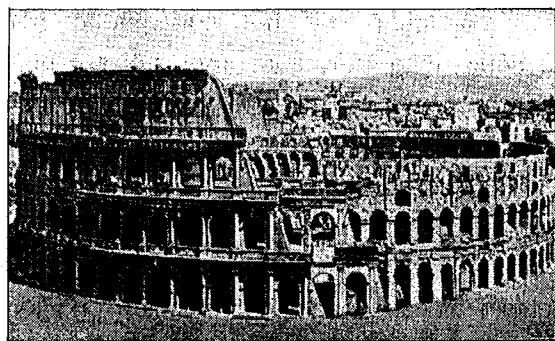
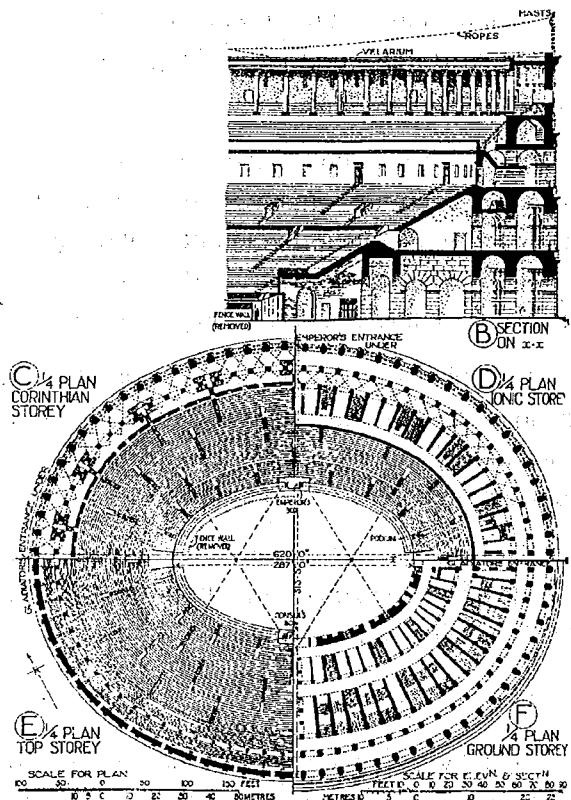
véo của đám thợ thủ công, dân nghèo và
đông đảo người nô lệ nằm ở bên dìa đô thị.

Đấu trường Côlidê

Côlídê là một kiểu sân vận động, nơi diễn ra các cuộc vật lộn đẫm máu của súc vật, các trận tỉ thí giữa những người nô lệ với nhau hoặc với súc vật để mua vui cho giới thượng lưu và thị dân. Côlidê được khởi xây vào năm 75 với thiết kế 4 tầng, nhưng khánh thành dưới triều vua Tila vào năm 80 chỉ có 3 tầng, tầng 4 được tiếp tục xây về sau. Đây là đấu trường lớn nhất, có cấu trúc hoàn thiện nhất của Đế quốc La Mã.

Mặt bằng Côlidê hình bầu dục, dài 188m, rộng 156m, cao 48,5m, chu vi 527m. Khán đài có 560 hàng ghế với 45.000 chỗ ngồi và 5000 chỗ đứng**.

Đấu trường (85m x 53m) ban đầu chỉ là một bể nước để đua thuyền, nhưng về sau đã biến thành nơi trình diễn các cuộc thi bạo lực - những trận đấu sinh tử của người và dã thú. Vì vậy, để đảm bảo an toàn, đấu trường phải đặt thấp hơn đến 5m so với hàng ghế ngồi đầu tiên. Có tất cả 86 cửa cho dân chúng. Hoàng đế và các thành viên hoàng tộc có lối đi ngầm thông từ hoàng gia đến thang khán đài. Ở mỗi tầng chạy quanh phía dưới khán đài là những chỗ nghỉ. Mặt đứng đấu trường gồm 80 cột chạy trên cả 4 tầng với 4 thức cột theo thứ tự như sau: thức Đôri dưới cùng, trên



139. *Mặt bằng và phế tích đấu trường Côlidê*

* Có tài liệu dẫn tới 8,7 vạn chỗ ngồi.

đó là thức Ioni, thức Coranh, rồi đến thức phức hợp ở trên cùng trong dạng nảy trụ từ các mảng tường (hình 139).

Phần kết cấu của Côlidê đã được thực hiện một cách hết sức khoa học. Với một số lượng vật tư tối thiểu, những nhà xây dựng đã tạo được những tiện nghi tối đa cho cả khu khán đài lẫn khu vực đấu trường (hình 140).

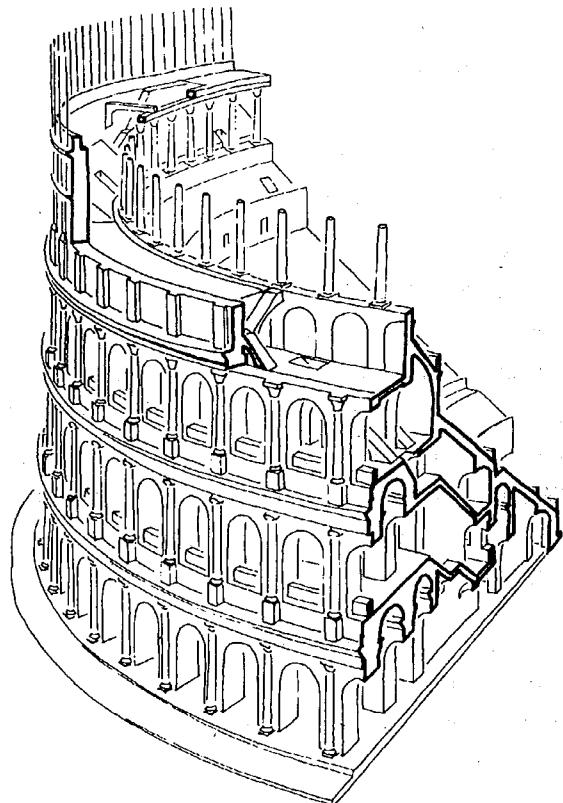
Tuy nhiên, đấu trường này đã một lần phải dựng lại sau trận hỏa hoạn vào thế kỷ thứ ba. Đến thế kỷ thứ XVIII, một trận động đất đã làm sụp đổ hơn nửa công trình này.

Mặc dù vậy, cho đến nay, đấu trường Côlidê vẫn được xem là một trong những kiệt tác kiến trúc của nhân loại.

Phorum Toragian

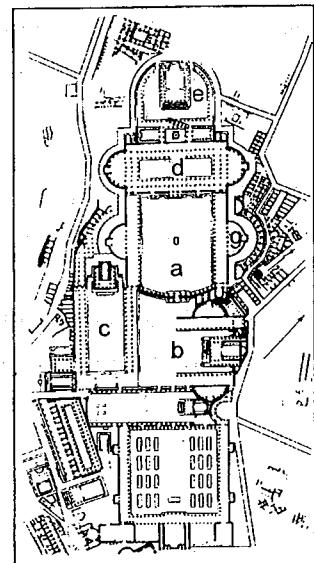
Thời kỳ Đế quốc La Mã có khá nhiều phorum danh tiếng được xây dựng liền nhau tại trung tâm Rôma: phorum Ôguyxto, phorum Hoà Bình, phorum Neva, phorum Toragian, tạo nên một quần thể hết sức phong phú và sống động. Xây sau cùng, nổi bật nhất về quy mô và giá trị nghệ thuật là phorum Toragian dài 200m được hoàn thành vào năm 113. Nhà kiến trúc lỗi lạc thành Rôma là Apollodor, người đã từng xây dựng nhiều cầu cống và pháo đài ở thủ đô, đã rút được kinh nghiệm từ các công trình do chính ông xây trước đó để tạo dựng được ở đây một tác phẩm phi thường (hình 141).

Bố cục quần thể theo cách đối xứng nghiêm ngặt qua trục. Throat đấu phorum chỉ gồm có quảng trường, Khải hoàn môn Toragian và một



140. Cấu trúc đấu trường Côlidê

141. Quần thể các phorum ở Rôma
 a) Phorum Toragian;
 b) Phorum Ôguyxto
 c) Phorum Xêda;
 d) Baxilica
 e) Thư viện và cột Toragian;
 g) Chợ Toragian.

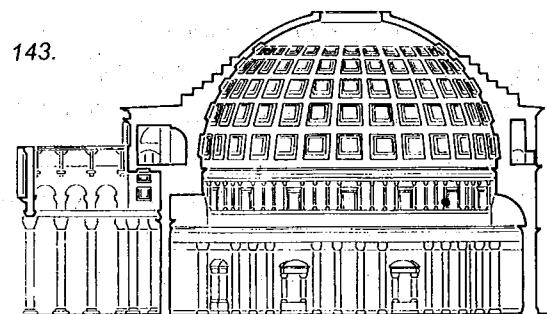
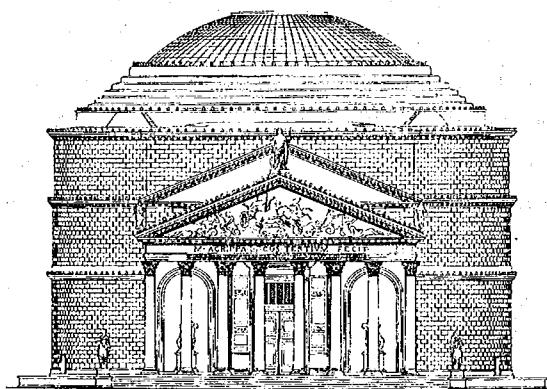
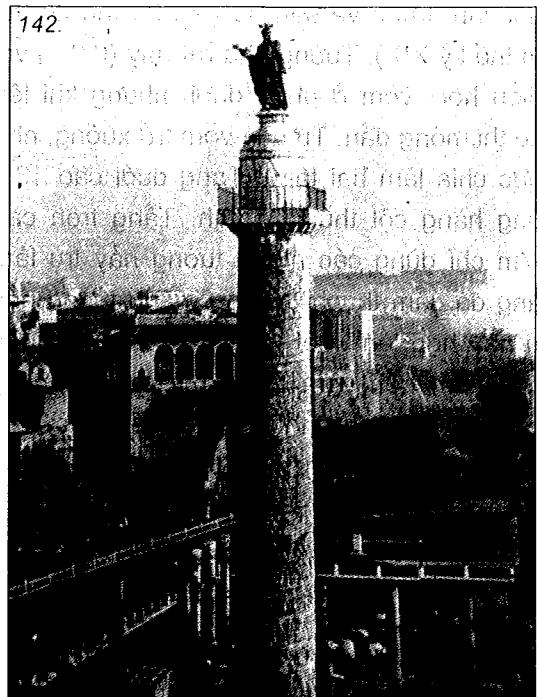


baxilica* đứng chắn suốt chiều ngang ở phía sâu. Ở đoạn trong cùng, quảng trường được mở ra khá rộng theo hình vòng cung về hai phía, và Apollodor đã cho đặt bức tượng Tōragian cưỡi ngựa tại đây.

Quần thể được khép lại bằng cột khải hoàn Tōragian cao 40m. Mặt ngoài cột có 23 vòng phù điêu với chiều cao vòng tăng dần từ 0,89m lên tới 1,25m, để có thể nhìn rõ được những hình trên cao. Phía bên trong cột là một thang xoắn ốc có trổ loạt khe cửa để lấy ánh sáng. Cột kết thúc bằng một con đại bàng. Sau khi Tōragian chết, người ta táng hài cốt ông vua này dưới chân cột, và dựng bức tượng ông thay vào chỗ con đại bàng (hình 142).

Đền Păngtêông

Chiếm vị trí nổi bật nhất trong pho sử đài La Mã và thế giới là đền Păngtêông "Ngôi đền của mọi vị thần" được xây dựng vào năm 118 - 128 dưới triều vua Adriăng (hình 143). Hình thức và quy mô ngôi đền vượt lên tất cả các đền đài có trước đó. Tòa nhà có khối chính hình tròn, mái hình bán cầu lợp bằng một loại đá nhẹ. Đường kính mái 43,2m, đúng bằng chiều cao nhà. Độ lớn của bán cầu này vượt lên mọi loại mái vòm

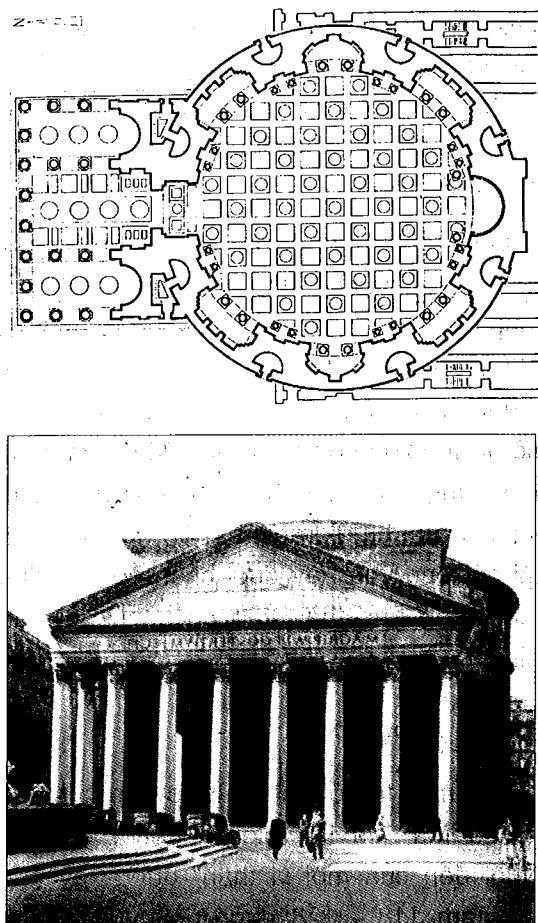


* Baxilica là một kiểu nhà hình chữ nhật kéo dài chia ra một số nhịp theo chiều cắt ngang. Nhịp giữa có cột đỡ, cao hơn hai nhịp hai bên. Thời La Mã cổ đại, người ta dựng các baxilica để làm chợ, toà án, và sau phát triển ra thành nhà thờ, nhà công cộng.

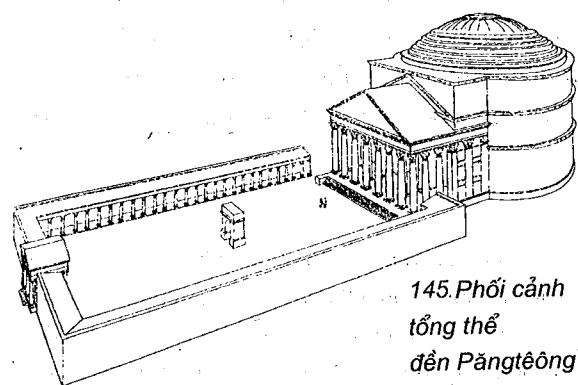
được làm trước và sau đó gần 20 thế kỷ (tới tận thế kỷ XIX). Tường nhà rất dày (6,3m) với nhiều hốc, vòm ở phần dưới, nhưng khi lên cao thì mỏng dần. Từ đáy vòm trở xuống, nhà được chia làm hai tầng. Tầng dưới cao 13m dùng hàng cột thức Coranh. Tầng trên cao 8,7m chỉ dùng các mảng tường nảy trụ làm bằng đá cẩm thạch. Những mảng tường nảy trụ này hợp làm một với 5 hàng ô cờ được khoét lõm trên vòm trần (gọi là kêxon) tạo nên cảm giác nhẹ nhàng, thư thái. Vòm mái được kết thúc bằng một lỗ tròn đường kính 8,92m - một giải pháp chiếu sáng gây được ấn tượng rất mạnh cho con người trong một không gian cao lồng lộng với nhiều màu sắc.

Khác với loại đền Hy Lạp - La Mã thông thường (chỉ là chỗ đặt tượng thờ), đền Păngtêông với 1500m^2 sàn là nơi Chúa đón nhận vào bên trong lòng nhà tất cả mọi người, bất kể là ai, bất kỳ từ đâu đến. Sảnh vào sâu tới 14m có 16 cột tròn đường kính 1,5m, cao 14m, trên lợp mái dốc về hai phía. Hai hốc tròn hai bên sảnh đặt tượng Hoàng đế Ô guyxtơ và bức tượng Agrippa - nhà kiến trúc - kỹ sư công binh đại tài - bạn của Hoàng đế (hình 144).

Một điều nữa đã gây được ấn tượng mạnh là khoảng sân trước đền dài tới 120m, có hàng cột và hiên bao quanh. Với đoàn người từ ngoài xa tiến vào, hiên này thoát tiên che khuất toàn bộ tòa nhà đồ sộ phía trong. Chỉ sau khi đi qua hàng cột cổng, ngôi đền vĩ đại mới đột ngột hiện ra trong chói chang ánh nắng. Sự xuất hiện bất ngờ của ngôi đền theo cách này đã



144. Mặt bằng và mặt trước đền Păngtêông.



145. Phối cảnh tổng thể đền Păngtêông

tạo nên những hiệu quả tinh thần rất lớn (hình 145).

Với vật liệu bê tông, gạch nung và đá ốp, bằng những tính toán thông minh và chính xác, những kỹ thuật táo bạo, đền Păngtêông xứng đáng là đỉnh cao của tư duy kỹ thuật thời La Mã cổ đại.

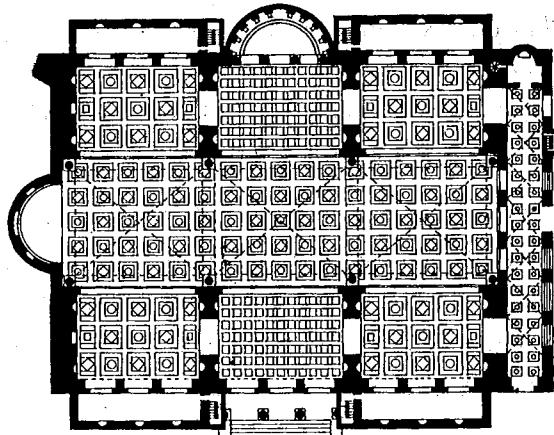
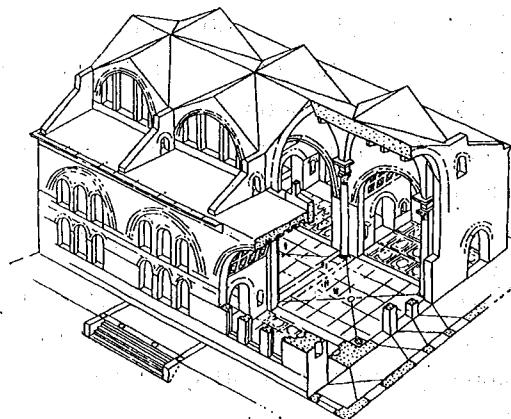
Baxilica

Baxilica là một loại hình công trình khá phổ biến trong cơ cấu các trung tâm đô thị. Baxilica đã trở thành hạt nhân của các phorum, hơn cả các đền đài. Baxilica trong phorum Toraqian như đã nói đến ở trên là một ví dụ. Càng về sau, mặt bằng và cấu tạo baxilica càng được cải tiến. Điển hình là baxilica Côngxtantin ở phorum Rôma (307 - 312). Toà nhà ba nhịp dài tới 80m, rộng khoảng 60m. Riêng nhịp giữa rộng 25m, cao 35m, đỡ ba mái hình vuông dốc 4 phía đặt sát nhau, nặng tới 7000 tấn.

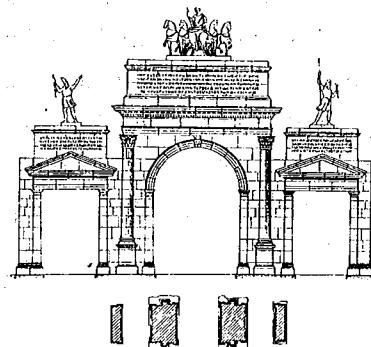
Dưới sức nặng này, lâu dần phần cột trung tâm không chịu nổi đã dẫn đến sự sụp đổ công trình vào thời gian sau. Tuy vậy, giải pháp baxilica vẫn được ca ngợi như một kết cấu mẫu mực và được phát triển mạnh mẽ ở các thế kỷ XI đến XVI trong thời kỳ chế độ phong kiến châu Âu (hình 146).

Khải hoàn môn

Khải hoàn môn ra đời từ thời kỳ Cộng hòa, nhưng phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Đế quốc La Mã. Loại công trình này dùng vào nhiều mục đích: tôn vinh Hoàng đế hay các



146. Baxilica Côngxtantin ở Rôma TK IV



147. Khải hoàn môn Ôguyxơ ở Rôma

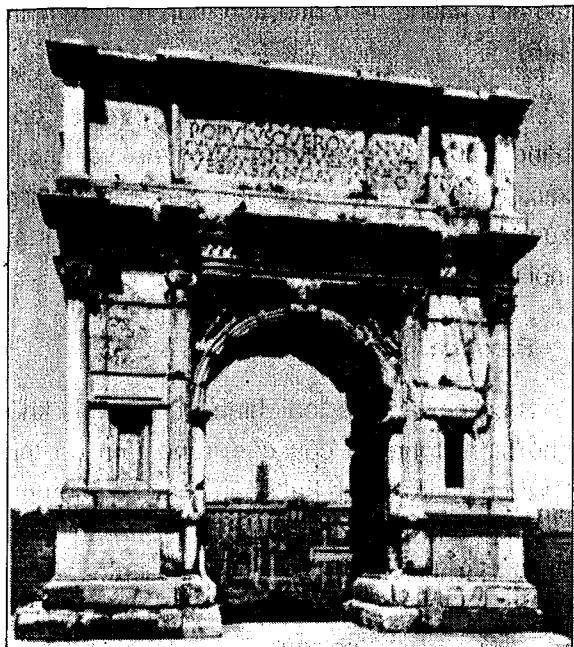
quốc công, có khi để khánh thành một con đường, một tòa nhà, một cây cầu, để làm cổng chào, làm đế tượng v.v... Trong mấy thế kỷ đầu sau CN ở Italia đã có tới trên 350 khải hoàn môn.

Khải hoàn môn Ôguyxtơ nằm trên đường vào thành Rôma (năm 29 trước CN) gồm một cổng chính và hai cổng phụ xếp thành một hàng ngang, bên trên có tượng (hình 147).

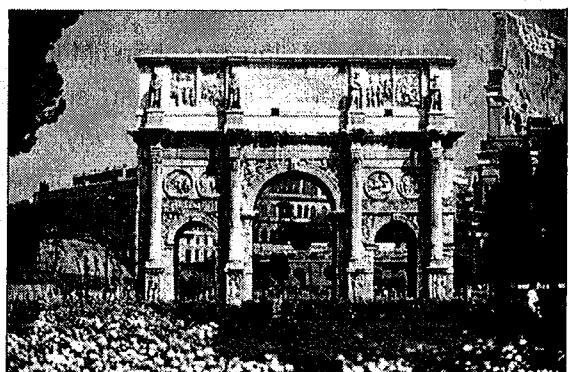
Khải hoàn môn Tita xây năm 81 trên một đỉnh dốc có tầm nhìn tốt, án ngữ một cách trang trọng các cuộc hành lễ vào trung tâm Rôma. Công trình có tỷ lệ hài hoà, các chi tiết sắp xếp một cách rất cân đối (hình 148).

Đầu thế kỷ thứ IV, khải hoàn môn Côngxtăngtin được dựng gần đầu trường Colidê, đã khắc phục được các nhược điểm của các khải hoàn môn Tøragian, Timgát v.v... xây trước đó.

Với ba vòm có tổng chiều cao trên 20m được chia thành ba cấp, với thức cột Coranh và phần kết thúc đầy tính hoành tráng, với những nguyên tắc bố cục đối xứng từ tổng thể đến từng bộ phận, Khải hoàn môn Côngxtăngtin đã tạo nên một hình tượng rất sinh động và đặc sắc. Đây thực sự là một công trình đạt được chất lượng cao nhất trong số các khải hoàn môn thời Đế quốc La Mã(hình 149).



148. Khải hoàn môn Tita ở Rôma TK I



149. Khải hoàn môn Côngxtăngtin TK I

Cầu giao thông và cầu dẫn nước (Akveduc)

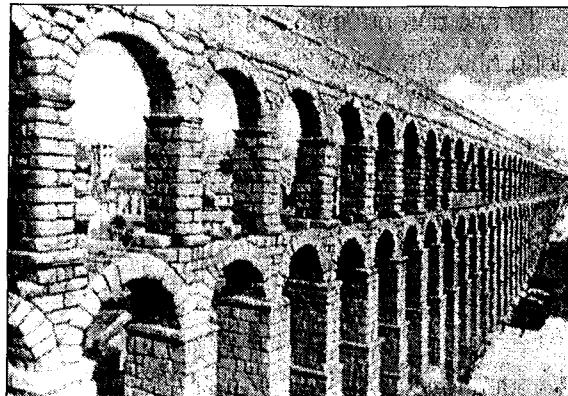
Ngay từ thời Cộng hòa, kỹ thuật làm cầu của La Mã đã rất phát triển. Những cuộc nội chiến sau đó đã phá hỏng mất một số lượng khá nhiều các cây cầu này.

Sau chiến tranh, các thành phố lần lượt được khôi phục hoặc mở rộng. Việc giành đất đai kiến thiết đòi hỏi phải có thêm nhiều cầu mới. Nếu như các kênh máng làm bằng ống sành hoặc xây bằng đá, đặt ngầm hoặc đi ngang trên đất được người Hy Lạp cổ thường làm, thì các đường dẫn nước trên các mặt cầu (gọi là akveduc) đôi khi cao tới 50m, là sản phẩm của riêng người La Mã và chỉ tồn tại ở thời kỳ La Mã cổ đại (hình 150).

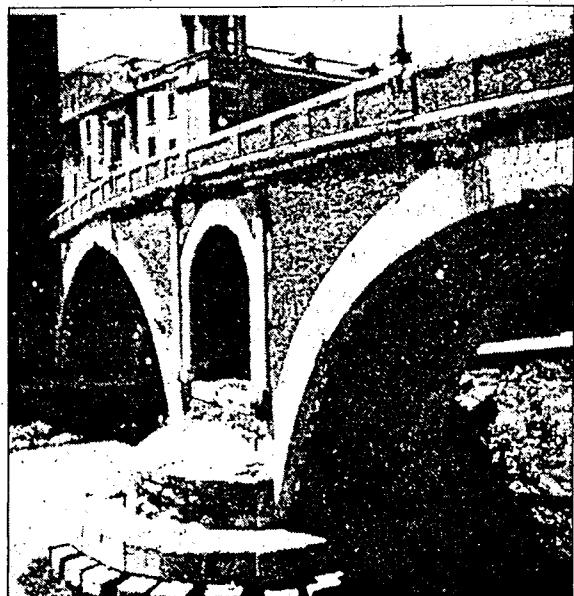
Năm 33 trước CN, kĩ sư công binh Agippe đã khôi phục và xây mới được khá nhiều cây cầu.

Lúc này, việc thay thế vật liệu đá đẽo bằng bê tông đã giảm nhẹ đáng kể tiền của và công sức làm cầu. Những cây cầu bắc qua sông Tiborơ không những có độ bền chắc vĩnh cửu, mà việc trang trí kiến trúc cũng rất thành công. Điển hình là cầu Phabrixia từ bờ sông bên trái nối sang đảo Esculapa, có hai nhịp dài 24,5m. Ở giữa hai nhịp có một vòm cuốn nhỏ làm cho cây cầu trở nên duyên dáng (hình 151). Bờ phải sông nối với đảo bằng cây cầu Xeschia có một nhịp lớn ở giữa.

Đối với các cầu dẫn nước, việc xây dựng đã trải qua nhiều bước cải tiến.



150. Cầu dẫn nước ở Tây Ban Nha TK II



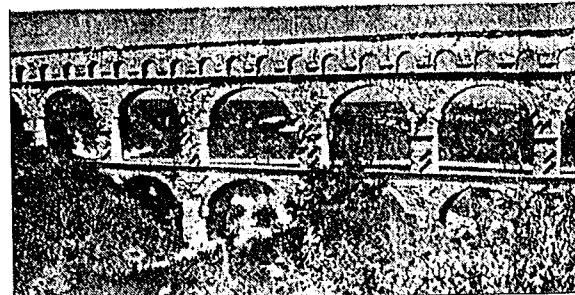
151. Cầu Phabrixia nối sang đảo Esculapa

Từ chỗ dẫn nước bằng các ống chôn ngầm giống như cửa người Hy Lạp, nước được chảy qua các máng đặt ở mặt cầu trên độ cao, chiều dài mương nước có khi tới 50 - 60km. Ở thế kỷ sau (thế kỷ thứ II) có mương còn có chiều dài tới hàng trăm km. Cầu dẫn nước qua sông Marxia (xây năm 144 trước CN) cao từ 9 đến 12m, với hàng ngàn vòm cuốn. Trên một chiều dài gần chục km với đôi chỗ chạy gấp khúc, akveduc Marxia đã vẽ nên một cảnh trí ngoạn mục giữa thiên nhiên đầy cây xanh. Những tỷ lệ rất chuẩn xác ở đây làm cho các nhà nghiên cứu tin rằng phải có bàn tay của những người thợ Hy Lạp, thậm chí có cả kiến trúc sư Hy Lạp lấy trong trong đám thợ thuyền tù binh để tham gia vào quá trình xây dựng cây cầu này.

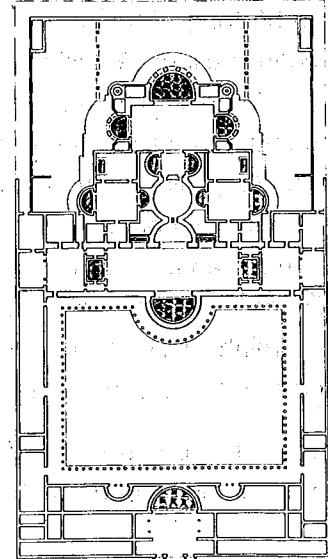
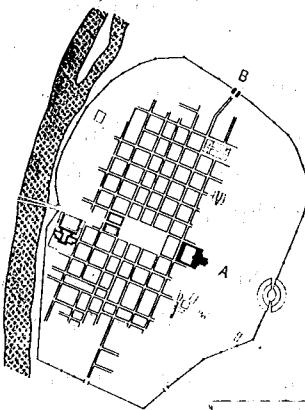
Cây cầu dẫn nước đặc trưng nhất thời La Mã cổ đại là cầu Gard. Đây là một cây cầu ba tầng với nhiều vòm cuốn. Nhịp điệu và tỷ lệ là hai điều được hết sức chú trọng. Trung tâm bố cục là nhịp giữa, giữ vai trò chủ chốt về tạo hình. Tầng thượng với số vòm bị chia nhỏ như một cách kết thúc của bố cục, còn phần lớn tầng dưới cùng bị địa hình che khuất. Các chuyên gia phân tích con số về tỷ lệ cho thấy cầu Gard quả là một tác phẩm nghệ thuật đích thực, trong đó các nguyên tắc về tỷ lệ được xử lý ở trình độ rất cao (hình 152).

Terma

Trong thời kỳ Đế quốc La Mã, terma là loại hình xây dựng có tính độc đáo không kém akveduc, Terma gắn chặt với lối sống của người dân thành Rôma. Đây vừa là nha tắm, vừa là dạng câu lạc bộ, bao gồm cả thư viện,



152.
Cây cầu Gard
nổi tiếng



153.
Terma Hoàng gia
ở Rôma
Mặt bằng vị trí
(trên) và mặt bằng
công trình (bên)

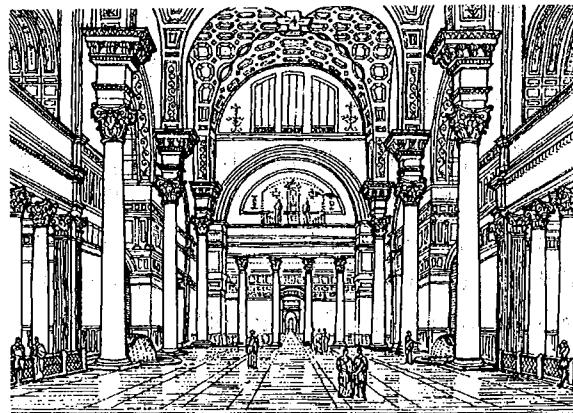
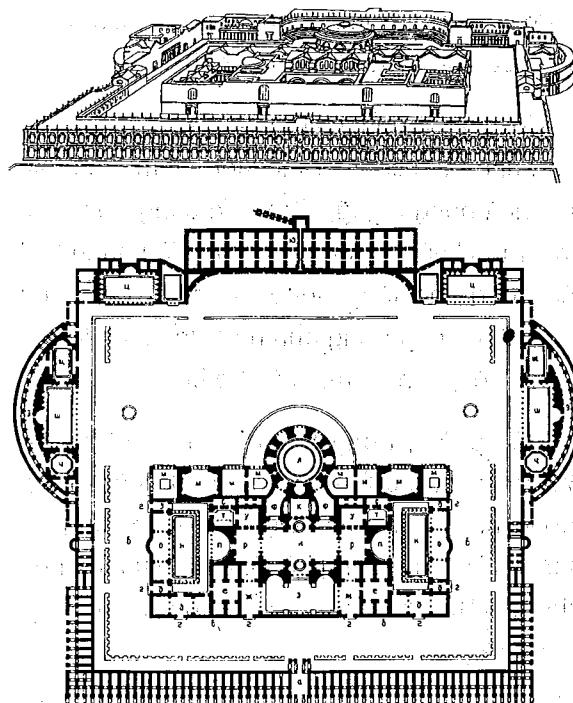
nha hàng, phòng thể thao, phòng trưng bày tác phẩm nghệ thuật v.v... dành cho mọi tầng lớp dân chúng đến nghỉ ngơi vui chơi, giải trí (hình 153).

Từ chỗ chỉ có 170 terma lúc ban đầu, đến cuối thời Đế chế ở Rôma đã có tới gần 1000 tòa*. Mười bốn quận của thành phố đều có từ 60 đến 80 terma. Trong số này có nhiều terma hoàng gia cực kỳ lộng lẫy như Tita, Tراجian, Diodechian v.v...

Tiêu biểu nhất trong số này là terma Caracala được xây dựng trong 30 năm, từ năm 206 đến năm 235, trên một quả đồi hình vuông rộng mỗi chiều 450m (hơn 20 hecta). Một tường chắn đất cao 6m ở phía Đông - Bắc làm cho khu đất được san thành bằng phẳng. Phần dưới đó biến thành các phòng phụ nhà kho, bể chứa, nồi hơi...

Dãy buồng tắm đơn (cho một người hoặc một gia đình) được xếp ở ven tường ngoài cùng. Nhà chính dài 214m, rộng 110m, cao 35m, bao gồm nhiều phòng lớn với nhiều chức năng khác nhau. Các phòng đều có lối ra vào độc lập theo một trật tự hợp lý. Phòng chính giữa có ba ô mái, mỗi ô mái đều dốc ra bốn phía. Nhờ kiểu mái này mà khu trung tâm luôn bừng sáng (hình 154).

Terma Caracala có thể tiếp nhận đến 3000 người cùng tắm. Họ lần lượt qua các khu vực nước ấm, nước nóng, xông hơi rồi



154. Phối cảnh, mặt bằng và nội thất
Terma Caracala

* Có tài liệu nêu con số 4000 terma

nước lạnh. Chỉ trừ đám người nô lệ, còn quan dân đều được vào tắm như nhau.

Nội thất terma Caracala đặc biệt phong phú, nhờ thức cột Coranh kiều diễm, nhờ các sàn nhà bóng loáng, vòm trần sáng trên cao, các tranh khảm, phù điêu, tượng là những kiệt tác trong kho tàng nghệ thuật Hy Lạp - La Mã. Tất cả hòa trong ánh nước lấp lánh tỏa ra từ các vòi phun và mặt các bể bơi.

Các phòng trong terma đều có hệ thống ống dẫn khí sưởi, ống cấp nước dầu trong tường hoặc sàn nhà. Việc sử dụng rộng rãi thứ vật liệu xây dựng bê tông đã giúp tạo nên những vòm bán cầu trên mái có đường kính tới gần 20m.

Bao quanh nhà chính là một vườn cây đẹp. Tất cả đứng trong một quần thể khép kín, được giới hạn ở mặt sau bằng một sân vận động đẹp có bậc ngồi và hai tòa thư viện ở hai phía (hình 155, 156).

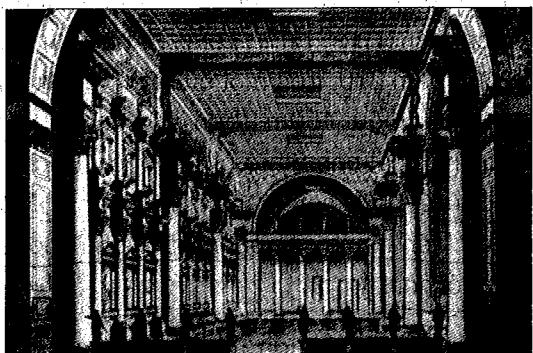
Tổng thể terma là một bố cục cân xứng tuyệt đối thông qua trục giữa. Các thời sau người ta không còn tìm ở đâu ra loại công trình công cộng có giá trị cao như những terma của thời La Mã cổ đại nữa.

Nhà ở

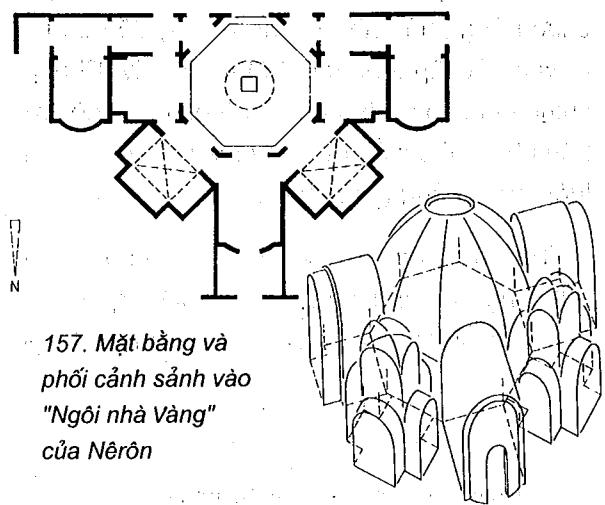
Thời kỳ Đế quốc La Mã, bố cục các nhà trung lưu có ít nhiều thay đổi so với nhà ở thời Cộng hoà. Những khu nhà sang trọng bị đơn giản hóa hoặc mất hẳn. Các vườn lớn không còn là vườn thuần khiết mà đã bị các phòng ở vây quanh. Lúc này, đã xuất hiện một số nhà



155. Phế tích terma Caracala



156. Nội thất Terma Caracala
(Phương án xây dựng lại)



157. Mặt bằng và
phối cảnh sảnh vào
"Ngôi nhà Vàng"
của Nêrô'n

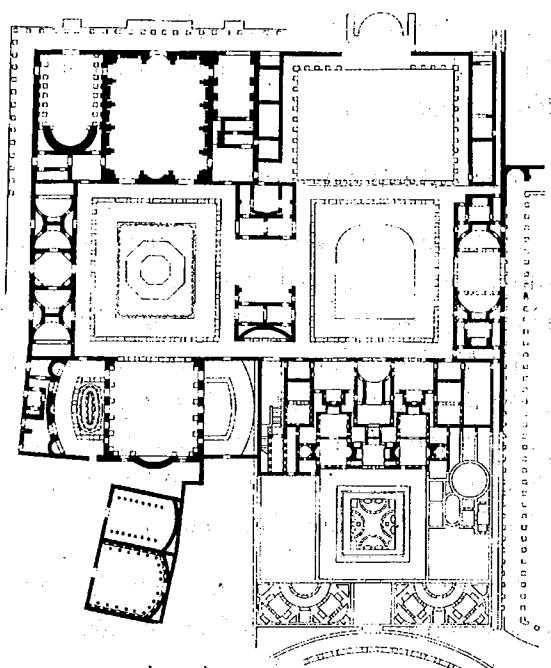
nhiều buồng kiểu trại lính, tiền thân của các chung cư sau này.

Bên cạnh đó, nền đế chế La Mã cũng cho ra đời những toà Hoàng cung rực rỡ và hoành tráng hiếm thấy. Thế kỷ thứ I, bạo chúa Neron xây "Ngôi nhà Vàng" vòng quanh một hồ nước (hình 157). Nhà độc tài Phlaviép lên ngôi phá tan "Ngôi nhà Vàng", rồi tìm chỗ xây cho mình một Hoàng cung còn lớn hơn nhiều.

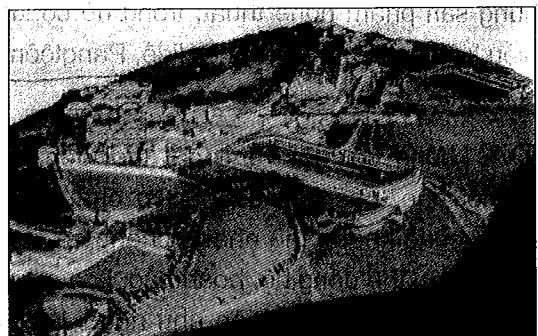
Tòa nhà này nằm trên một sườn đồi dốc về phía Tây - Nam, bao gồm bốn phần chính, trong đó có một phần lấn vào sườn đồi. Phần trung tâm là điện Đômixian, rộng gần 1000m², nơi nhà vua tiếp sứ thần. Trong phòng đặt ngai vua. Hoàng đế xuất hiện trước công chúng trên một lề dài nằm ở mặt trước Hoàng cung. Các phòng bút phê của Hoàng đế (ở góc phía Bắc), bể bơi, vòi nước, vườn thượng uyển v.v... đã minh chứng cho một cách sống đế vương theo kiểu phương Đông xa rời dân chúng chưa hề thấy ở các đế vua trước (hình 158).

Cùng thời gian này, các dạng biệt thự có từ thời Cộng hoà được mở rộng và tăng cường phần phục vụ sản xuất. Cũng có khi phần nhà ở được nhấn mạnh với nhiều sân vườn và các khu nghỉ ngơi giải trí. Biệt thự ngoại ô của Hoàng đế Adrian ở Tibur là một công trình đặc biệt của dạng nhà ở này (hình 159,160).

Đến nửa sau của thời kỳ Đế quốc La mã, quốc gia khủng hoảng và nạn thù trong giặc ngoài đã khiến cho kẻ quân vương phải xây những hoàng cung tường cao hào sâu theo kiểu pháo đài, với rất nhiều tháp canh. Hoàng



158. Mặt bằng tầng 1
hoàng cung Phlaviép ở Rôma



159. Biệt thự ngoại ô của hoàng đế Adrian

cung Diodechian xây năm 305 là một pháo đài ven biển, đã tiêu tốn nhiều công sức và tiền của (hình 161).

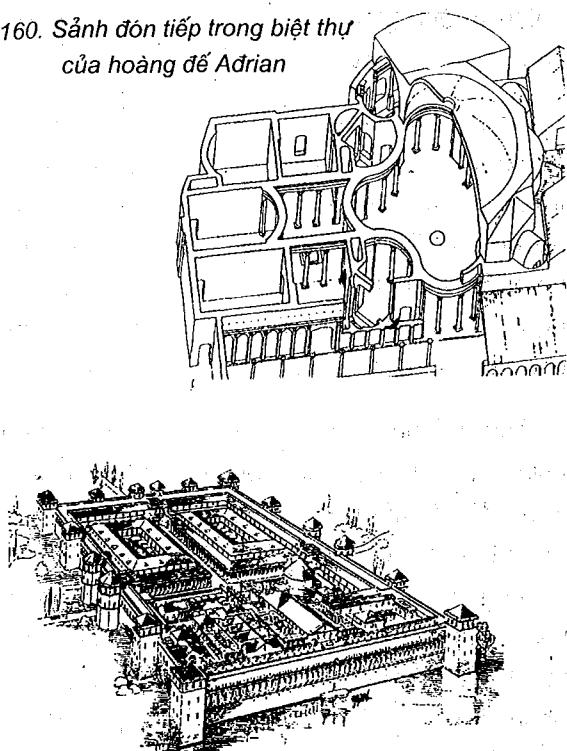
2.5.6. Nhận xét chung

Khát vọng để vương kéo theo sự bành trướng lãnh thổ và giàu lên nhờ chiến tranh, tiềm năng văn hóa của nhiều dân tộc cư trú trên một vùng đất rộng lớn, với biết bao con người tài giỏi và nhiều nghệ sĩ lớn, sự ưu ái của tự nhiên với phong cảnh trữ tình và nguồn vật liệu dồi dào là ba yếu tố đã làm nên nền kiến trúc La Mã trong vòng 9 thế kỷ.

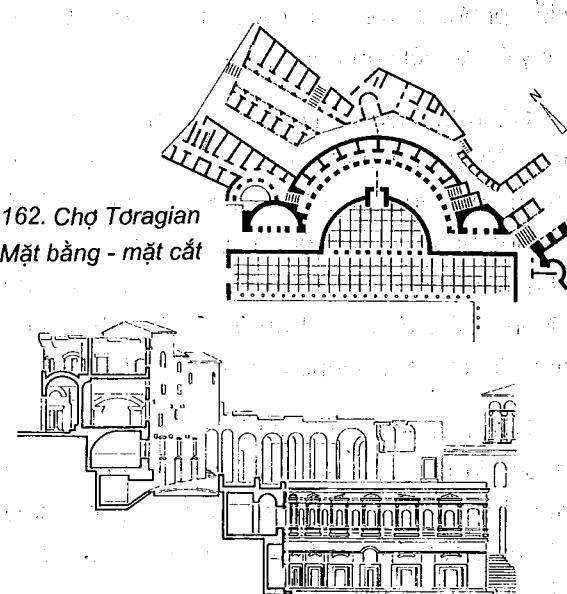
Không có những tham vọng độc tài, những cuộc chiến khốc liệt thì khó có đủ của cải và sức lao động nô lệ dồi dào, cũng không có nhiều đến như vậy các đô thị phát triển như Rôma, Timgát, các loại hình kiến trúc đa dạng như lăng tẩm, đền chùa, khải hoàn môn, nhà tắm, chợ, nhà hát, các biệt thự và hoàng cung lộng lẫy (hình 162, 163). Không có nền văn hóa đa dạng và những nhà văn hóa tài ba, những nhà kỹ thuật xuất sắc thì ý muốn của các nhà cầm quyền cũng không thể trở thành những sản phẩm nghệ thuật, trong đó có khá nhiều kiệt tác kiến trúc như Côlidê, Păngtêông, các terma, các akveduc v.v...

Và không có một vùng đất tươi đẹp, vật liệu dồi dào, các loại đá núi có chất lượng cao thì cũng không thể nhanh chóng có được những quần thể đồng bộ, hoàn hảo, hòa quyện trong cảnh sắc thiên nhiên như người La Mã cổ đại đã làm được.

160. Sảnh đón tiếp trong biệt thự
của hoàng đế Adrian



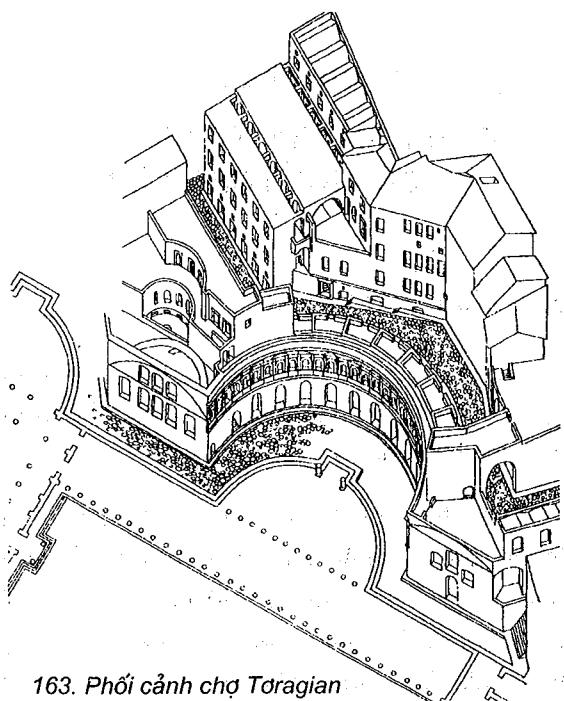
161. Hoàng cung Diodechian đầu TK IV



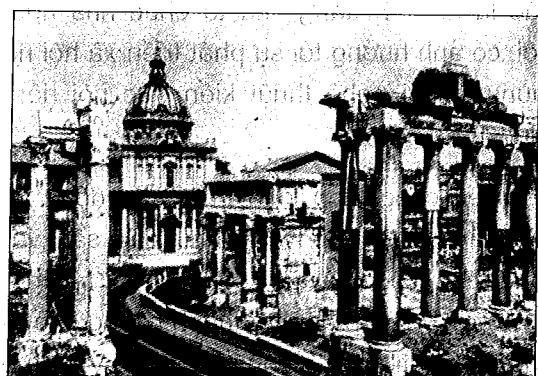
Việc phát minh ra bê tông của người La Mã đã tạo nên các vòm cuốn bất hủ. Việc họ phát triển và bổ sung các thức cột và sử dụng kết hợp cột với vòm cuốn, sự nguy nga của công trình kết hợp với tính thực dụng là những bài học lớn mà các nền kiến trúc thời gian sau đặc biệt là các bậc thầy thời Văn hoá Phục hưng hết sức ca ngợi và noi theo.

Kế thừa tinh hoa của nền kiến trúc cổ Hy Lạp, Kiến trúc La Mã cổ đại rất coi trọng việc xử lý tỷ lệ giữa các bộ phận trong công trình và giữa công trình với môi trường. Nền kiến trúc này cũng đã sinh ra nhiều nhà lý thuyết, mà tiêu biểu nhất là Vitruvius, sống ở thế kỷ thứ I sau CN, tác giả "Mười cuốn sách về kiến trúc".

Các nền kiến trúc cổ Hy Lạp và cổ La Mã như tia nắng rạng hé nơi chân trời, xua đi màn đêm đen man rợ của chế độ chiếm hữu nô lệ, để tiếp tục bừng sáng lên ở mươi thế kỷ sau đó, trong thời kỳ Văn nghệ Phục hưng (hình 164).



163. Phối cảnh chợ Toreagan



164. Quang cảnh phorum Rôma ngày nay